

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

Đơn vị: Trường Tiểu học Giao Xuân,
huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định

Giao Xuân, tháng 5 năm 2023

**DANH SÁCH CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘI ĐỒNG
TỰ ĐÁNH GIÁ**

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ
1	Phạm Xuân Trường	Hiệu trưởng - Chủ tịch	Chủ tịch HĐ
2	Trần Thị Doan	Phó HT	Phó chủ tịch HĐ
3	Đặng Thị Thơm	Chủ tịch C.Đoàn-	Ủy viên
4	Hoàng Văn Cường	Bí Thư C.Đoàn	Ủy viên
5	Ngô Quang Chinh	Thư kí HĐồng	Ủy viên
6	Trần Thị Kim Huệ	Tổng phụ trách Đội -UV	Ủy viên
7	Bùi Thị Hòa	Tổ trưởng Tổ 1	Ủy viên
8	Trần Thị Là	Tổ trưởng Tổ 2&3	Ủy viên
9	Hoàng Thị Thanh Hà	Tổ trưởng Tổ 4&5	Ủy viên
10	Trần Thị Liên	Tổ trưởng Tổ VP	Ủy viên
11	Đỗ Thị Tho	Kê Toán	Ủy viên

BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
Mục lục	1
Danh mục các chữ viết tắt (nếu có)	3
Bảng tổng hợp kết quả tự đánh giá	4
Phần I. CƠ SỞ DỮ LIỆU	5
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ	12
A. ĐẶT VẤN ĐỀ	12
B. TỰ ĐÁNH GIÁ	14
I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3	14
Tiêu chuẩn 1	14
Mở đầu	14
Tiêu chí 1.1	15
Tiêu chí 1.2	19
Tiêu chí 1.3	22
Tiêu chí 1.4	25
Tiêu chí 1.5	28
Tiêu chí 1.6	30
Tiêu chí 1.7	32
Tiêu chí 1.8	34
Tiêu chí 1.9	36
Tiêu chí 1.10	38
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 1</i>	40
Tiêu chuẩn 2	41
Mở đầu	41
Tiêu chí 2.1	41
Tiêu chí 2.2	45
Tiêu chí 2.3	48
Tiêu chí 2.4	50
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 2</i>	53
Tiêu chuẩn 3	53
Mở đầu	53

Tiêu chí 3.1	54
Tiêu chí 3.2	56
Tiêu chí 3.3	58
Tiêu chí 3.4	60
Tiêu chí 3.5	62
Tiêu chí 3.6	65
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 3</i>	67
Tiêu chuẩn 4	68
Mở đầu	68
Tiêu chí 4.1	68
Tiêu chí 4.2	71
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 4</i>	73
Tiêu chuẩn 5	74
Mở đầu	74
Tiêu chí 5.1	74
Tiêu chí 5.2	76
Tiêu chí 5.3	79
Tiêu chí 5.4	81
Tiêu chí 5.5	83
<i>Kết luận về Tiêu chuẩn 5</i>	86
II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4	88
Tiêu chí 1	88
Tiêu chí 2	88
Tiêu chí 3	89
Tiêu chí 4	90
Tiêu chí 5	91
<i>Kết luận</i>	91
Phần III. KẾT LUẬN CHUNG	93

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Cụm từ viết tắt	Chữ viết tắt
1	Ban chấp hành	BCH
2	Ban giám hiệu	BGH
3	Cán bộ	CB
4	Cha mẹ học sinh	CMHS
5	Cơ sở vật chất	CSVC
6	Công nghệ thông tin	CNTT
7	Giáo dục	GD
8	Giáo viên	GV
9	Giáo dục và Đào tạo	GD&ĐT
10	Hoàn thành chương trình Tiểu học	HTCTTH
11	Hội đồng nhân dân	HĐND
12	Hội đồng trường	HĐT
13	Hội đồng tự quản	HĐTQ
14	Học sinh	HS
15	Kiểm định chất lượng	KĐCL
16	Ngoài giờ lên lớp	NGLL
17	Nhân viên	NV
18	Phổ cập Giáo dục	PCGD
19	Sinh hoạt chuyên môn	SHCM
20	Thanh niên Cộng sản	TNCS
21	Thiếu niên Tiền phong	TNTP
22	Thi đua - Khen thưởng	TĐKT
23	Tổng phụ trách	TPT
24	Ủy ban nhân dân	UBND
25	Văn phòng	VP

TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Kết quả đánh giá (Đánh dấu (x) vào ô kết quả tương ứng Đạt hoặc Không đạt)

1.1. Đánh giá tiêu chí Mức 1, 2 và 3

Tiêu chuẩn, tiêu chí	Kết quả			
	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
<i>Tiêu chuẩn 1</i>				
Tiêu chí 1.1		x	X	x
Tiêu chí 1.2		x	X	---
Tiêu chí 1.3		x	X	x
Tiêu chí 1.4		x	X	x
Tiêu chí 1.5		x	X	---
Tiêu chí 1.6		x	X	x
Tiêu chí 1.7		x	X	---
Tiêu chí 1.8		x	X	---
Tiêu chí 1.9		x	X	---
Tiêu chí 1.10		x	X	---
<i>Tiêu chuẩn 2</i>				
Tiêu chí 1.1		x	X	x
Tiêu chí 2.2		x	X	x
Tiêu chí 2.3		x	X	x
Tiêu chí 2.4		x	X	x
<i>Tiêu chuẩn 3</i>				
Tiêu chí 3.1		x	X	---
Tiêu chí 3.2		x	X	x
Tiêu chí 3.3		x	X	x
Tiêu chí 3.4		x	X	---
Tiêu chí 3.5		x	X	x
Tiêu chí 3.6		x	X	x
<i>Tiêu chuẩn 4</i>				
Tiêu chí 4.1		x	X	x
Tiêu chí 4.2		x	X	x
<i>Tiêu chuẩn 5</i>				
Tiêu chí 5.1		x	X	---
Tiêu chí 5.2		x	X	x
Tiêu chí 5.3		x	X	x
Tiêu chí 5.4		x	X	x
Tiêu chí 5.5		x	X	x

Kết quả: Đạt Mức 2

1.2. Đánh giá tiêu chí Mức 4

Tiêu chí	Kết quả		Ghi chú
	Đạt	Không đạt	
Tiêu chí 1		X	
Tiêu chí 2		X	
Tiêu chí 3		X	
Tiêu chí 4		X	
Tiêu chí 5		X	

Kết quả: Không đạt

2. Kết luận: Trường đạt Mức 2.

Phần I
CƠ SỞ DỮ LIỆU

Tên trường: Trường Tiểu học Giao Xuân, xã Giao Xuân, huyện Giao Xuân, tỉnh Nam Định.

Cơ quan chủ quản: Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Giao Thủy

Tỉnh	Nam Định	Họ và tên hiệu trưởng	Phạm Xuân Trường
Huyện	Giao Thủy	Điện thoại	0979743069
Xã	Giao Xuân	Fax	
Đạt CQG	Mức độ 1	Website	
Năm thành lập trường (theo quyết định thành lập)	1954	Số điểm trường	01
Công lập	x	Loại hình khác	
Tư thục		Thuộc vùng khó khăn	
Trường chuyên biệt		Thuộc vùng đặc biệt khó khăn	
Trường liên kết với nước ngoài			

1. Số lớp học (số liệu tính đến ngày 25/05/2023)

Số lớp học	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
Khối lớp 1	4	6	4	4	5	4
Khối lớp 2	5	4	6	4	4	5
Khối lớp 3	5	5	4	5	4	4
Khối lớp 4	5	5	5	4	5	4

Khối lớp 5	6	5	5	6	4	5
Cộng	25	25	24	22	22	22

2. Cơ cấu khối công trình của nhà trường (số liệu tính đến ngày 25/05/2023)

T T	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018- 2019	Năm học 2019- 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
I	Khối phòng hành chính- quản trị	4	4	4	4	3	3
1	Phòng kiên cố	4	4	4	4	3	3
2	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
3	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
II	Khối phòng học tập						
1	Phòng học	25	25	24	22	22	22
a	Phòng kiên cố	25	25	24	22	22	22
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
2	Phòng học bộ môn	4	4	5	6	6	6
a	Phòng kiên cố	5	5	5	6	6	6
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
III	Phòng hỗ trợ học tập	4	4	4	4	4	4
a	Phòng kiên cố	4	4	4	4	4	4
b	Phòng bán kiên cố	1	1	1	1	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0
IV	Khối phụ trợ	2	2	2	2	2	2
a	Phòng kiên cố	2	2	2	2	2	2
b	Phòng bán kiên cố	0	0	0	0	0	0
c	Phòng tạm	0	0	0	0	0	0

IV	Các công trình, khối phòng chức năng khác (nếu có)						
	Cộng	42	42	41	40	40	40

3. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

a) Số liệu tại thời điểm TĐG (số liệu tính đến ngày 25/05/2023)

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo			Ghi chú
				Chưa đạt chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn	
Hiệu trưởng	01			0	01		
Phó Hiệu trưởng	01	01		0	01		
Giáo viên	28	26			15		
Nhân viên	3	3		3	3		
...							
Cộng	33	30		3	20		

b) Số liệu của 5 năm gần đây (số liệu tính đến ngày 25/05/2023)

T	Số liệu	Năm học 2017-2018	Năm học 2018-2019	Năm học 2019-2020	Năm học 2020-2021	Năm học 2021-2022	Năm học 2022-2023
1	Tổng số GV	37	37	38	32	33	33
2	Tỷ lệ GV/lớp	1.48	1.48	1.58	1.45	1.5	1,5
3	Tỷ lệ GV/HS	0.051	0.052	0.055	0.048	0.049	0,049
4	Tổng số GV dạy giỏi cấp huyện hoặc tương đương trở lên (nếu có)	17	19	19	20	21	24
5	Tổng số GV dạy giỏi cấp	02	03	03	03	03	08

	tính trở lên (nếu có)						
...	Các số liệu khác (nếu có)						

4. Học sinh

a) Số liệu chung (số liệu tính đến ngày 25/05/2023)

T	Số liệu	Năm học 2017- 2018	Năm học 2018 - 2019	Năm học 2019 - 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022	Năm học 2022- 2023
1	Tổng số HS	719	717	685	661	676	667
	- Nữ	339	340	325	331	329	329
	- Dân tộc	3	3	4	4	4	5
	- Khối lớp 1	114	170	125	132	141	113
	- Khối lớp 2	138	116	167	123	131	142
	- Khối lớp 3	154	136	113	165	121	124
	- Khối lớp 4	143	151	130	113	171	120
	- Khối lớp 5	170	144	150	128	113	168
2	Tổng số tuyển mới	114	170	125	132	141	113
3	Học 2 buổi/ngày	719	717	685	661	676	667
4	Bán trú	0	0	0	0	0	0
5	Nội trú	0	0	0	0	0	0
6	Bình quân số HS/lớp học	28,76	28,68	28,54	30,05	30,72	30,3
7	Số lượng và tỉ lệ % đi học đúng độ tuổi	100%	100%	100%	100%	100%	100%
	- Nữ	339	340	325	331	329	329
	- Dân tộc thiểu số	3	3	4	4	4	5
8	Tổng số HS giỏi cấp huyện/tỉnh (nếu có)	34	30	30	31	30	35
9	Tổng số HS giỏi quốc gia	0	0	0	2	2	1
10	Tổng số HS thuộc	25	24	24			

	đôi tượng chính sách				25	33	14
	- Nữ	16	13	15	16	18	9
	- Dân tộc thiểu số	2	2	2	2	2	0
11	Tổng số HS (trẻ em) có hoàn cảnh đặc biệt	11	9	13	11	13	5
	Các số liệu khác						

b) Công tác phổ cập giáo dục tiểu học và kết quả giáo dục

5. Các số liệu khác (nếu có)

.....
.....
.....

Phần II

TỰ ĐÁNH GIÁ

A. ĐẶT VẤN ĐỀ

1. Tình hình chung của nhà trường

1.1. Tình hình địa phương

Giao Xuân là một xã thuộc phía Đông Nam của huyện Giao Thủy tỉnh Nam Định có diện tích rộng, tiếp giáp với biển đông, dân số 10.545 người, phân bố trong 9 xóm và 1 Thị tứ (04 xóm giáp biển); có đường bờ biển dài 1,2 km, bãi biển bồi thuận lợi cho nuôi trồng hải sản.

Quê hương Giao Xuân có bề dày truyền thống cách mạng và hiếu học. Đảng bộ nhiều năm liền là Đảng bộ trong sạch vững mạnh. Nhận thức của cán bộ, nhân dân về giáo dục ngày càng tiến bộ. Nhân dân trong xã rất vinh dự và tự hào được đón danh hiệu "Anh hùng lực lượng vũ trang thời kỳ chống Pháp" vào năm 2018. Đảng bộ và nhân dân Giao Xuân trong những năm gần đây luôn tích cực phấn đấu, đổi mới công tác công tác lãnh đạo, chỉ đạo, nhân dân phát huy truyền thống anh hùng, đoàn kết, hăng hái tham gia lao động sản xuất, trong thời kì đổi mới xã Giao Xuân được công nhận xã đạt chuẩn các tiêu chí về nông thôn mới nâng cao năm 2022.

1.2. Tình hình nhà trường

1.2.1. Thuận lợi:

Trường Tiểu học Giao Xuân có một điểm trường đặt tại trung tâm xã (thuộc Thị tứ xã Giao Xuân, huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định), số điện thoại trường: 02283896710, địa chỉ hòm thư điện tử: thgiaoxuan@gmail.com.

Trường Tiểu học Giao Xuân được thành lập năm 1954. Đến năm 1993 Trường Tiểu học Giao Xuân được chia tách từ trường phổ thông cơ sở. Trải qua quá trình xây dựng và trưởng thành, trường Tiểu học Giao Xuân đã có nhiều đổi mới và đạt được những thành tích đáng kể:

- Tháng 01 năm 2014 trường được công nhận Trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ II theo Quyết định số 144/QĐ-UBND ngày 20/01/2014 của UBND tỉnh Nam Định; Trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn theo Quyết định số 06/QĐ-SGDĐT ngày 15/12/2013 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; Trường đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục cấp độ 3 theo Quyết định số 135/QĐ- SGDĐT của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; Trường đạt chuẩn Thư viện tiên tiến cấp Tỉnh theo

Quyết định số 77/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2018 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

- Năm học 2015-2016 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo Quyết định số 1577/QĐ-UBND ngày 01 tháng 8 năm 2016 của UBND tỉnh Nam Định; được Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định tặng Giấy khen theo Quyết định số 1282/QĐ-SGDĐT ngày 16 tháng 7 năm 2016 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

- Năm học 2016-2017 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" theo Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của UBND huyện Giao Thủy;

- Năm học 2017-2018 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Nam Định; được 2 lần Giám đốc Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định tặng Giấy khen theo Quyết định số 1300/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định số 1094/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định; được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen theo Quyết định số 2953/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT.

- Năm học 2018-2019 nhà trường được Tổng GD BHXH tặng Bằng khen theo Quyết định số 1031/QĐ-BHXH ngày 13 tháng 8 năm 2019.

- Năm học 2019-2020 nhà trường được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen theo số 1157/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

- Năm học 2020-2021 trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Nam Định;

- Năm học 2021-2022 trường đạt danh hiệu “ Tập thể lao động xuất sắc được chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen theo quyết định số: 1513/QĐ -UBND ngày 17/8/2022.

- Từ năm 2015 đến năm 2019 chi bộ nhà trường đều đạt danh hiệu "Chi bộ trong sạch vững mạnh" và "Chi bộ trong sạch vững mạnh xuất sắc". Năm 2020; 2021 đều đạt Hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2022 đạt Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ theo quyết định 17- QĐ/ĐU ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Đảng ủy xã Giao Xuân.

- Công đoàn nhà trường đạt danh hiệu "Công đoàn cơ sở vững mạnh". Năm học 2015-2016 được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định tặng Bằng khen

theo Quyết định số 154/QĐ-LĐLĐ ngày 22 tháng 10 năm 2015 của BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định; Năm học 2020-2021 được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 448/QĐ-LĐLĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 của BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định.

- Liên đội trường Tiểu học Giao Xuân liên tục được công nhận Liên đội vững mạnh. Năm học 2017-2018 được Hội đồng Đội huyện Giao Thủy tặng Giấy khen “Liên đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi” theo quyết định số 117/QĐ/HĐTN ngày 17 tháng 7 năm 2018. Năm học 2020-2021 được TW Đoàn tặng Bằng khen theo Quyết định số 475/QĐ - TWĐTN ngày 13 tháng 10 năm 2021 của BCH TW. Năm học 2021-2022 được Đoàn thanh niên cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Nam Định theo quyết định số 72/QĐ/TĐTN -VP ngày 01/08/2022.

Khi mới thành lập nhà trường có 4 CB, GV và 120 HS được chia làm 4 lớp cùng với hệ thống CSVC phục vụ dạy học còn quá thiếu thốn. Sau 68 năm phấn đấu xây dựng, cùng với sự nỗ lực của toàn thể CB, GV, NV, được sự quan tâm của các cấp quản lý, sự ủng hộ của nhân dân địa phương, đến nay nhà trường có 33 CB, GV, NV và 667 HS cùng với một hệ thống CSVC phục vụ hoạt động dạy học; cảnh quan môi trường xanh, sạch, gọn gàng. Với tổng diện tích là 11493 m², có đủ các hạng mục như: phòng học (22 phòng), phòng chức năng (15 phòng) được xây dựng kiên cố, đúng quy định. Vườn trường, sân chơi, bãi tập và các phòng chức năng với các trang thiết bị đầy đủ tạo điều kiện cho HS học tập và vui chơi. Trong 5 năm gần đây, kết quả học tập của học sinh và phong trào của nhà trường có nhiều tiến bộ: 100% HS lớp 5 HTCTTH; tỉ lệ HS lên lớp hàng năm đạt từ 99% đến 100%. Số HS hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học đạt từ 20% - 30%; có nhiều HS tham gia các cuộc giao lưu và đạt giải các cấp. Đến năm học 2022-2023 trường có 3 GV đạt danh hiệu "GV dạy giỏi cấp huyện"; 4 GV đạt danh hiệu "GV dạy giỏi cấp tỉnh".

Nhờ có sự quan tâm của các cấp Ủy Đảng, chính quyền, các ngành đến nay nhà trường đã có nhiều thay đổi: Cảnh quan nhà trường thêm khang trang, sạch, đẹp; các thiết bị phục vụ dạy học được bổ sung hằng năm, đến nay đã đầy đủ. Trường đã được Hội đồng nhân dân huyện ngày 28/02/2022 quyết định đầu tư dự án xây dựng trường Tiểu học trong nhiệm kỳ 2021-2026 đang chuẩn bị khởi công xây dựng nhà hiệu bộ vào tháng 6. Nhưng hiện nay tạm hoãn do yêu cầu về hệ thống phòng cháy chữa cháy

Nhân dân địa phương luôn có truyền thống hiếu học, đảng bộ, chính quyền địa phương, Phòng GD&ĐT luôn quan tâm và chỉ đạo phong trào GD của nhà trường.

Đội ngũ CB, GV của nhà trường có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng luôn nhiệt tình, có trách nhiệm trong công tác. Có phẩm chất chính trị vững vàng, chấp hành tốt mọi chủ trương đường lối của Đảng, pháp luật của nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương.

- HS ngoan ngoãn, lễ phép, tích cực học tập và rèn luyện.
- CMHS thường xuyên quan tâm đến học tập của con em và tích cực tham gia các hoạt động của nhà trường.
- CSVC của nhà trường đáp ứng để phục vụ các hoạt động giảng dạy và GD.

1.2.2. Khó khăn:

- Nhà trường còn gặp một số khó khăn như: một số trang thiết bị đã xuống cấp không còn đáp ứng được yêu cầu của việc dạy và học, chưa có CSVC, thiết bị hiện đại để đáp ứng yêu cầu đổi mới GD như: nhà đa năng, thiết bị trong phòng học Ngoại ngữ... nên việc tổ chức các hoạt động GD còn gặp khó khăn.

- Về phía CMHS: Hiện nay do điều kiện kinh tế nên có một số gia đình đi làm ăn xa nhà nên sự quan tâm đến con em còn hạn chế phần nào ảnh hưởng kết quả học tập, rèn luyện của HS.

2. Mục đích tự đánh giá

Xuất phát từ thực trạng chất lượng GD&ĐT hiện nay trong các nhà trường phổ thông; để đảm bảo đạt được những chuẩn mực nhất định trong đào tạo và không ngừng cải tiến, không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, đảm bảo quyền lợi cho người học; tạo nguồn nhân lực có đầy đủ các phẩm chất năng lực và tri thức, đưa đất nước phát triển theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Trường Tiểu học Giao Xuân đã thực hiện sự chỉ đạo của Sở GD&ĐT Nam Định, Phòng GD&ĐT Giao Thủy tiếp tục rà soát triển khai công tác đánh giá chất lượng GD; rà soát để các tiêu chí của trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 và trường đạt chuẩn Quốc gia mức độ I theo thông tư 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ GD&ĐT để được công nhận theo đúng quy định. Trường đã thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng GD gồm 11 thành viên với đầy đủ các thành phần: cấp ủy Chi bộ, BGH, tổ chuyên môn, phụ trách các đoàn thể trong trường.

KĐCLGD là dịp để đơn vị nhìn lại những gì mình đã làm được, những gì còn tồn tại so với quy định chuẩn để từ đó có định hướng khắc phục và cải tiến chất lượng trong thời gian ngắn nhất. Đây cũng là dịp đánh giá xếp loại được tất cả các tổ chức đoàn thể, CB-GV-NV cũng như các lĩnh vực hoạt động của nhà trường một cách khách quan khoa học.

Nhà trường đã tiến hành tự đánh giá thực chất lượng GD, rà soát bổ sung các tiêu chí của quy định trường chuẩn Quốc gia để xác định rõ trường học đạt cấp độ nào? Từ đó giúp nhà trường phát huy những điểm mạnh, khắc phục những hạn chế, đồng thời nhằm khuyến khích đầu tư và huy động các nguồn lực cho nhà trường để không ngừng nâng cao chất lượng, hiệu quả GD của nhà trường.

3. Tóm tắt quá trình và những vấn đề nổi bật trong hoạt động TĐG

Nhận thức rõ được tầm quan trọng của KĐCLGD, trường chuẩn Quốc gia, hàng năm nhà trường đã tiến hành xây dựng kế hoạch tự đánh giá và tiến hành tự đánh giá một cách nghiêm túc, khách quan. Các thành viên của các bộ phận trong nhà trường đã chủ động, tích cực tham gia tự đánh giá.

Qua việc tự đánh giá hàng năm, những điểm yếu đã dần được khắc phục, đến nay nhà trường đã đạt các yêu cầu của KĐCLGD cấp độ 3 và đảm bảo các tiêu chí của trường chuẩn Quốc gia mức độ I.

B. TỰ ĐÁNH GIÁ

I. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 1, 2 VÀ 3

Tiêu chuẩn 1: Tổ chức và quản lý nhà trường

Mở đầu

Trường tiểu học Giao Xuân trực thuộc Phòng GD &ĐT huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định. Trường có Phương hướng chiến lược phát triển từng giai đoạn phù hợp với tình hình kinh tế, chính trị của địa phương và điều kiện nhà trường. Trường có đủ các Hội đồng và hoạt động có hiệu quả như Hội đồng trường, Hội đồng Thi đua - Khen thưởng, tổ chức Đảng cộng sản Việt Nam luôn phát huy vai trò tiên phong trong mọi hoạt động. Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy theo quy định của Điều lệ trường tiểu học. Trường có đủ 5 khối lớp với 22 lớp học và tập trung tại 01 điểm trường ở khu vực trung tâm xã. Các tổ chuyên môn và tổ văn phòng của trường hoạt động tích cực, nề nếp sinh hoạt tốt đã thực sự phát huy được hiệu quả khi triển khai các hoạt động GD từ nhiều năm nay. Công tác quản

lý các hoạt động trong nhà trường được tiến hành khoa học, thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, an toàn trường học. Các thông tin, báo cáo của nhà trường đều được nghiên cứu và xử lý chính xác, kịp thời. Công tác bồi dưỡng GV, NV được nhà trường quan tâm thường xuyên, có hiệu quả.

Tiêu chí 1.1: Phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường

Mức 1:

a) Phù hợp với mục tiêu GD được quy định tại Luật GD, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương theo từng giai đoạn và các nguồn lực của nhà trường;

b) Được xác định bằng văn bản và cấp có thẩm quyền phê duyệt;

c) Được công bố công khai bằng hình thức niêm yết tại nhà trường hoặc đăng tải trên cổng thông tin điện tử của nhà trường (nếu có) hoặc đăng tải trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương, cổng thông tin điện tử của phòng GD&ĐT, sở GD&ĐT.

Mức 2:

Nhà trường có các giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển.

Mức 3:

Định kỳ rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển. Tổ chức xây dựng phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển có sự tham gia của các thành viên trong HĐT (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục), CB quản lý, GV, NV, HS, CMHS và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường giai đoạn 2018 - 2023 tầm nhìn đến năm 2030:

a) Nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển dựa trên những nguồn lực cụ thể:

Nhân dân địa phương có truyền thống hiếu học, nhận thức ngày càng tiến bộ về tầm quan trọng của GD cùng với sự quan tâm của các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương CMHS. Ngoài ra địa phương còn có nhiều nhà hảo tâm, con em quê hương ủng hộ, giúp đỡ, đầu tư để xây dựng CSVC.

CB quản lý có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm. Luôn năng động, sáng tạo, nhiệt tình trong công tác, luôn tự bồi dưỡng để nâng cao nghiệp vụ. Có khả năng quản lý các mặt hoạt động của nhà trường. Có lối sống trong sáng, lành mạnh, ứng xử linh hoạt sáng tạo.

Đội ngũ CB, GV, NV đảm bảo về số lượng, có tuổi đời còn trẻ có chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần hết lòng phục vụ nhân dân, tận tâm với nghề nghiệp. Có ý thức tự học hỏi, tự trau dồi. Môi trường sư phạm có văn hóa, lành mạnh, đoàn kết. Mỗi thành viên đều được phân công nhiệm vụ phù hợp với năng lực, chuyên môn của mình.

CSVC của nhà trường đầy đủ, luôn được cải tạo và nâng cấp để phù hợp với yêu cầu đổi mới GD.

CMHS nhiệt tình, tích cực đóng góp ý kiến, công sức để góp phần nâng cao các điều kiện dạy - học. Phối hợp tốt với nhà trường trong mọi hoạt động.

Xã có các dòng họ tiêu biểu trong phong trào khuyến học, khuyến tài như dòng họ Phạm Đình ở Xuân Tiến, dòng họ Ông ở Thị Tứ, dòng họ Trần ở Xuân Phong đã khích lệ động viên các bậc ông bà, cha mẹ con cháu tự hào với truyền thống tốt đẹp của dòng họ cố gắng vươn lên học tập, tu dưỡng tốt. Ngoài ra xã còn có quỹ khuyến học với số vốn hơn 300 triệu đồng nên rất quan tâm đến việc động viên, khích lệ tinh thần học tập của HS cũng như quan tâm đến HS có hoàn cảnh khó khăn. Giao Xuân là miền đất học, các gia đình, các dòng họ có nhiều con cháu đỗ đạt cao, đã tác động tích cực đến phong trào học tập ở các gia đình.

HS được quan tâm về mọi mặt, ngoan ngoãn, lễ phép, ham học. Luôn tích cực, chủ động và sáng tạo trong học tập và trong các hoạt động.

Từ những nguồn lực trên, nhà trường đã xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển một cách cụ thể và mang tính khả thi đó là:

- Duy trì ổn định về quy mô trường lớp, từng bước cải thiện môi trường GD, nâng cao hiệu quả giữ vững trường đạt KĐCLGD cấp độ 2 và công nhận trường chuẩn Quốc gia mức độ I.

- Giúp HS phát triển toàn diện về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ và các kỹ năng cơ bản, phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo, hình thành nhân cách con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Nhằm hình thành những cơ sở ban đầu cho sự phát triển về đạo đức, trí tuệ, thể chất, thẩm mỹ, năng lực của HS; chuẩn bị cho HS tiếp tục học lên Trung học cơ sở.

- Tạo dựng được môi trường học tập - rèn luyện theo hướng GD toàn diện và bền vững. Xây dựng được thương hiệu nhà trường uy tín, chất lượng và luôn có được niềm tin của ngành, cấp ủy, chính quyền địa phương, được CMHS tin yêu và tin nhiệm.

- Duy trì bền vững và nâng cao chất lượng các tiêu chuẩn. Đảm bảo các tiêu chí để xã Giao Xuân xây dựng nông thôn mới bền vững. Đến năm 2030 trở thành trường điển hình về chất lượng giáo dục toàn diện trong huyện.

- Phần đầu có 100% CB, GV được đánh giá Tốt về năng lực chuyên môn. 100% CB, GV và NV sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm ứng dụng trong giảng dạy và công tác. 100% GV đạt chuẩn về trình độ. Có đủ số lượng NV theo quy định, đảm bảo đạt chuẩn về trình độ. Xây dựng Hội đồng Sư phạm nhà trường đoàn kết, thân thiện.

- Năm học 2022 - 2023, trường có 667 HS được chia thành 22 lớp, đạt tỷ lệ: 30,3 HS/lớp. Hằng năm, huy động 100% số trẻ 6 tuổi vào lớp 1; 100% HS HTCT lớp học trong đó khoảng 30% HS hoàn thành xuất sắc nội dung các môn học. HS được học kỹ năng sống theo kế hoạch 9 tiết/tuần, ngoài ra còn chú trọng tích hợp rèn kỹ năng sống trong các môn học, các hoạt động GD, hoạt động trải nghiệm, ứng dụng giúp HS có kỹ năng cơ bản phù hợp với lứa tuổi và phát triển năng lực cá nhân, tính năng động và sáng tạo.

- Đề nghị đẩy nhanh tiến độ xây dựng nhà hiệu bộ và xây mới nhà đa năng, tiếp tục cải tạo cảnh quan môi trường. Bổ sung các thiết bị hiện đại trong các phòng học và các phòng chức năng, cải tạo sân tập thể dục thể thao, bổ sung một số thiết bị vận động để đáp ứng yêu cầu GD thể chất của HS. [H1-1.1-01]

b) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường đã được Phòng GD&ĐT huyện Giao Thủy phê duyệt ngày 09 tháng 9 năm 2018. [H1-1.1-01]

c) Phương hướng, chiến lược phát triển của nhà trường được niêm yết công khai tại phòng Hội đồng nhà trường. Hiệu trưởng ra quyết định công khai theo quyết định số 32/QĐ-THGX ngày 15 tháng 11 năm 2018 kèm theo biên bản bắt đầu công khai ngày 11 tháng 12 năm 2018 và biên bản kết thúc công khai ngày 08 tháng 01 năm 2019. Ngoài ra còn được công khai tới CMHS toàn trường trong cuộc họp ngày 20 tháng 01 năm 2019. Từ khi chiến lược xây dựng và phát triển được công khai đã nhận được nhiều ý kiến đóng góp trong đó tập trung góp ý kiến vào các giải pháp để kế hoạch chiến lược thực hiện đúng tiến độ và mang tính khả thi cao. [H1-1.1-01]

Hàng năm, nhà trường tổ chức rà soát việc thực hiện kế hoạch bằng hình thức đưa ra hội nghị CB CCVC, phiên họp Hội đồng trường cuối năm học nhằm đánh giá lại các chỉ tiêu chiến lược đã thực hiện được trong năm qua, căn cứ vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương để đưa ra các giải pháp phát triển nhà trường trong năm tới [H1-1.2-04]. Việc xây dựng đội ngũ đã tốt song việc tăng cường CSVC là rất cần thiết, nhà trường quan tâm tới công tác xã hội hóa GD và kêu gọi đầu tư của các dự án và địa phương để nâng cấp CSVC cho nhà trường trong những giai đoạn tới.

Mức 3:

Hàng năm, kế hoạch chiến lược của nhà trường đã được rà soát, đánh giá những việc đã làm được, cụ thể: Về cơ sở vật chất được nâng cấp như cải tạo các phòng học, phòng chức năng, làm lại lán xe, bổ sung mua sắm bàn ghế, quét vôi các dãy nhà học và các phòng chức năng, cải tạo vườn trường, trồng bổ sung hệ thống cây xanh, bổ sung các trang thiết bị phòng học, phòng chức năng như bàn ghế, ti vi, máy chiếu, máy tính, lắp đặt hệ thống mạng tới các phòng học, phòng chức năng, mua mới hệ thống âm thanh, đồ dùng dạy học[H1.1.1- 04],.... Hội đồng trường đã đánh giá sơ kết chiến lược phát triển tới toàn thể CB GVNV, HS và CMHS, BGH, ban chi ủy, tổ chức Công đoàn, các tổ chuyên môn cùng tham gia. [H1-1.2-06]

2. Điểm mạnh

Chiến lược của nhà trường phù hợp với mục tiêu GDPT được quy định tại Luật GD (Điều 29 căn cứ Luật GD ngày 14 tháng 6 năm 2019) và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Đảng bộ xã Giao Xuân nhiệm kì 2020 - 2025, phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của HĐND xã, với yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện GD theo Nghị quyết 29 của Đảng và phù hợp với sự phát triển của xã hội trong thời đại mới.

- Chiến lược của nhà trường đảm bảo theo quy định và được Phòng GDĐT phê duyệt ngay sau khi phòng thẩm định.

- Tổ chức công bố công khai chiến lược phát triển nhà trường nhằm nhận được những đóng góp của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nhà trường.

- Những giải pháp giám sát việc thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường đã phát huy hiệu quả, giúp cho việc điều chỉnh

chiến lược tập trung hơn và đã đạt hiệu quả tốt, cụ thể CSVC của nhà trường được tăng cường, hiện đại hơn, cảnh quan nhà trường ngày một đẹp hơn.

- Việc rà soát, bổ sung, điều chỉnh phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển được sự quan tâm của các tổ chức và các thành viên trong Hội đồng nhà trường, tranh thủ sự quan tâm của các tổ chức bên ngoài nhà trường và làm tốt công tác tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương, làm tốt công tác tuyên truyền.

3. Điểm yếu

Việc công khai chiến lược phát triển chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp của các tổ chức và cá nhân ngoài nhà trường.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
<ul style="list-style-type: none"> - Công bố chiến lược phát triển trên Websie nhà trường; - Thông báo chiến lược phát triển nhà trường trong HĐGD xã, HĐND xã. - Thông báo chiến lược phát triển trên hệ thống loa truyền thanh của địa phương. - Thông báo chiến lược phát triển trong các cuộc họp CMHS. 	BGH, HĐT, Ban văn hóa-thông tin của xã, GV, ban đại diện CMHS	Hệ thống máy tính kết nối Internet, trong các cuộc họp của xã, các cuộc họp CMHS.	Cuối các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chi báo	Đạt/Không đạt	Chi báo	Đạt/Không đạt	Chi báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	-----		----- -	
C	Đạt	-----		----- -	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.2: Hội đồng trường (Hội đồng quản trị đối với trường tư thục) và các hội đồng khác.

Mức 1:

- a) Được thành lập theo quy định;
- b) Thực hiện chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định;
- c) Các hoạt động được định kỳ rà soát, đánh giá.

Mức 2:

Hoạt động có hiệu quả, góp phần nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) HĐT được thành lập theo Điểm b khoản 1 Điều 10 của Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04 tháng 9 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học. HĐT gồm 11 thành viên.

T T	Họ và tên	Ngày sinh	Thành phần trong Hội đồng trường	Ghi chú
1	Phạm Xuân Trường	31/01/1967	Bí thư chi bộ, Hiệu trưởng - Chủ tịch Hội đồng	
2	Trần Thị Doan	01/01/1979	Phó Hiệu trưởng - Phó Chủ tịch Hội đồng	
3	Ngô Quang Chinh	31/08/1964	Giáo viên - Thư ký Hội	

			đồng	
4	Trần Thị Kim Huệ	09/02/1978	Phó Chủ tịch - Đại diện tổ chức Công đoàn	
5	Hoàng Văn Cường	20/03/1991	Bí thư chi đoàn - Đại diện tổ chức Đoàn TNCS	
6	Bùi Thị Hòa	23/07/1985	Tổ trưởng tổ 1 - Đại diện tổ chuyên môn	
7	Đặng Thị Thơm	16/02/1973	Tổ phó tổ 2, 3 - Đại diện tổ chuyên môn	
8	Hoàng Thị Thanh Hà	15/01/1985	Tổ trưởng tổ 4, 5 - Đại diện tổ chuyên môn	
9	Trần Thị Liên	12/05/1986	Tổ trưởng tổ Văn phòng - Đại diện tổ Văn phòng	
10	Đỗ Văn Nguyên	07/06/1981	Phó Chủ tịch UBND xã - Đại diện chính quyền địa phương	
11	Trần Văn Lượng	05/08/1966	Trưởng Ban - Đại diện Ban đại diện CMHS	

[H1-1.2-01]

Mỗi năm học, nhà trường thành lập các hội đồng khác như: Hội đồng TĐKT năm học 2022-2023 được thành lập theo Quyết định số 13/QĐ-THGX ngày 08 tháng 9 năm 2022, Hiệu trưởng là Chủ tịch hội đồng TĐKT, các thành viên của hội đồng gồm: Đại diện UBND xã, Phó Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Bí thư chi Đoàn, TPT Đội, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Tổ trưởng tổ VP, tổ trưởng nữ công. Hội đồng tư vấn tâm lý năm học 2021 - 2022 được thành lập theo Quyết định số 24/QĐ-THGX ngày 05 tháng 10 năm 2022 gồm các thành viên: Đại diện BGH, TPT, bí thư Đoàn, TPT Đội, đại diện phụ huynh, học sinh. [H1-1.2-02]; [H1-1.2-03].

b) HĐT đã quyết nghị về mục tiêu, chiến lược, kế hoạch phát triển của nhà trường trong từng giai đoạn và từng năm học; quyết nghị về chủ trương sử dụng tài chính, tài sản của nhà trường. HĐT còn giám sát các hoạt động của nhà trường; giám sát việc thực hiện các nghị quyết của HĐT, việc thực hiện quy chế dân chủ trong các hoạt động của nhà trường.

HĐT có chức năng quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, tham gia xây dựng chiến lược phát triển nhà trường.

HĐT quyết nghị về phương hướng hoạt động của nhà trường trong từng năm học, về chiến lược phát triển giai đoạn 2018- 2023 tầm nhìn đến năm 2030. Quyết nghị, sửa đổi các quy chế như: quy chế dân chủ, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc, quy tắc ứng xử có văn hóa trong nhà trường. [H1-1.2-01]

Hội đồng TĐKT giúp Hiệu trưởng tổ chức phong trào thi đua, đề nghị danh sách khen thưởng đối với CB-GV-NV-HS nhà trường vào cuối mỗi năm học, hoặc khi cần thiết. [H1-1.2-03]

Hội đồng chấm thi GV giỏi có nhiệm vụ chấm các nội dung trong Hội thi GV giỏi cấp trường, tổng hợp kết quả và lựa chọn GV tham dự Hội thi GV chủ nhiệm giỏi cấp huyện. [H1-1.2-02]

Hội đồng tư vấn tâm lí có nhiệm vụ định hướng cho HS có khó khăn về tâm lí, tình cảm, những bức xúc của lứa tuổi, những vướng mắc trong học tập và sinh hoạt. [H1-1.2-02]

c) HĐT họp định kì 3lần/năm học, các hội đồng khác họp ít nhất 1 lần/năm học. Trong cuộc họp đầu năm các hội đồng đề ra phương hướng hoạt động trong năm học. Các cuộc họp tiếp theo sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện chương trình hoạt động. Chủ tịch các hội đồng đánh giá, chỉ ra những ưu điểm, những hạn chế trong quá trình hoạt động có sự đóng góp ý kiến của các thành viên. Từ đó đề ra các biện pháp phát huy những ưu điểm và khắc phục những hạn chế. [H1-1.02-01]

Mức 2

HĐT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn: đã giám sát việc thực hiện các nghị quyết, các quy chế thường xuyên và có đánh giá nhận xét theo từng kì. Vì vậy nhà trường đã hoàn thành tốt nghị quyết trong từng năm học: 100 % CB, GV của nhà trường thực hiện nghiêm túc các quy chế, môi trường sư phạm đoàn kết, thân thiện; 100% HS HTCT lớp học trong đó có từ 20 % đến 30% HS có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, có nhiều HS đạt giải trong các cuộc giao lưu, nhiều đồng chí CB, GV đạt danh hiệu chiến sĩ thi đua và giấy khen của các cấp, tập thể nhà trường luôn đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" và "Tập thể lao động xuất sắc". Trong những năm gần đây, kết quả các mặt hoạt động của nhà trường được đứng trong tốp đầu của huyện, được CMHS tin yêu, tín nhiệm, được chính quyền địa phương tin tưởng. [H1-1.2-01]

Hội đồng TĐKT đã phát động các phong trào thi đua trong từng năm học và đề nghị nhà trường khen thưởng các tập thể và cá nhân vào cuối mỗi năm học và kết thúc mỗi đợt phát động phong trào thi đua. Chính vì vậy, chất lượng đội ngũ, chất lượng các cuộc giao lưu, các hội thi và kết quả học tập của HS được nâng lên rõ nét.[H1-1.2-03]

Hội đồng tư vấn tâm lí đã kịp thời tư vấn cho HS về cách phòng chống bạo lực học đường, kĩ năng tự bảo vệ bản thân, về giới tính, về sức khỏe, ... đã góp phần ổn định đời sống tâm hồn, tình cảm và giúp HS thực hiện được ước mơ của mình. Từ đó CMHS HS yên tâm, tin tưởng vào nhà trường. [H1-1.2-02]

Hội đồng chăm sóc kiến kinh nghiệm đã giúp đỡ, tư vấn, động viên khích lệ phong trào nên hằng năm đều có từ 95% đến 100% các đồng chí tham gia viết sáng kiến kinh nghiệm và có 10 % sáng kiến kinh nghiệm được công nhận cấp huyện, nhiều đồng chí đã được Sở GD&ĐT cấp giấy chứng nhận đạt cấp huyện như: Đ/c Phạm Xuân Trường, đồng chí Trần Thị Doan, đồng chí Đặng Thị Thom, đồng chí Trần Thị Kim Huệ, đồng chí Phạm Thị Trang; đồng chí Ngô Thị Thu Thủy, đồng chí Bùi Thị Nga; đồng chí Bùi Thị Hòa; Nguyễn Thị Yên. Đồng chí Hoàng Thị Thanh Hà Hội đồng chấm thi GV giỏi đã động viên, giúp đỡ đ/c Bùi Thị Vui, Hoàng Văn Cường đạt giải Nhất, đồng chí Trần Thị Là, Phạm Thị Trang đạt giải Ba cuộc thi thi thiết kế bài giảng điện tử cấp tỉnh.[H1-1.2-02]; [H1-1.4-05]

2. Điểm mạnh

HĐT, Hội đồng TĐKT và Hội đồng chăm SKKN..., đã hoạt động thường xuyên, tích cực góp phần vào việc nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của nhà trường.

HĐT và các hội đồng khác đã thực hiện đúng nhiệm vụ quyền hạn được quy định tại Điều lệ trường tiểu học và những văn bản chỉ đạo của ngành các cấp, đã giúp chất lượng GD toàn diện ngày càng tiến bộ, cảnh quan nhà trường ngày càng khang trang, chất lượng đội ngũ được nâng lên, được CMHS và nhân dân địa phương tin tưởng.

HĐT và các hội đồng khác đã đánh giá, rà soát việc thực hiện các hoạt động một cách thường xuyên giúp nhà trường rút kinh nghiệm trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nhiệm vụ trong từng năm học.

3. Điểm yếu

Hội đồng tư vấn tâm lý đều là CBQL, GV kiêm nhiệm. Tâm lý HS tiểu học còn rụt rè, e ngại, học sinh chưa nhận thức được việc làm của mình nên khó nhận sự chia sẻ từ ban tâm lý.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
-Hội đồng tư vấn tâm lý cần sắp xếp thời gian hoạt động khoa học, hợp lý và biết phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nhà trường để vừa làm tốt công tác chuyên môn vừa làm tốt công tác tư vấn tâm lý cho HS	Tổ tư vấn tâm lý, BGH, Các tổ chức trong và ngoài nhà trường.	Thời gian	Thực hiện trong các năm học	
-Tổ tư vấn cần nghiên cứu kỹ đặc điểm tâm lý của HS để kích lệ, động viên kịp thời giúp HS cởi mở chia sẻ và tiếp nhận thông tin tư vấn một cách có hiệu quả	Tổ tư vấn tâm lý	Thời gian	Thực hiện trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	-----	
B	Đạt	-----		-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.3: Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam, các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường.

Mức 1:

- a) Các đoàn thể và tổ chức khác trong nhà trường có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- b) Hoạt động theo quy định;
- c) Hằng năm, các hoạt động được rà soát, đánh giá.

Mức 2:

- a) Tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có cơ cấu tổ chức và hoạt động theo quy định; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 01 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp tích cực trong các hoạt động của nhà trường.

Mức 3:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tổ chức Đảng Cộng sản Việt Nam có ít nhất 02 năm hoàn thành tốt nhiệm vụ, các năm còn lại hoàn thành nhiệm vụ trở lên;
- b) Các đoàn thể, tổ chức khác có đóng góp hiệu quả trong các hoạt động nhà trường và cộng đồng.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có Chi bộ Đảng. Cấp ủy chi bộ Đảng bộ xã Giao Xuân. Năm học 2022-2023, Chi bộ có 16 đảng viên, Ban chi ủy gồm: 01 Bí thư, 01 Phó bí thư, 01 ủy viên. Bí thư là đồng chí Phạm Xuân Trường - Hiệu trưởng nhà trường. Phó Bí thư là đồng chí Trần Thị Doan - Phó hiệu trưởng. Chi bộ hoạt động theo Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ của Đảng Cộng sản Việt Nam. [H1-1.3-01]

Công đoàn trường có 33 công đoàn viên. BCH Công đoàn được Liên đoàn Lao động huyện Giao Thủy công nhận theo Quyết định số 66/QĐ-LĐLĐ ngày 18 tháng 03 năm 2022, gồm 01 Chủ tịch, 01 Phó chủ tịch, 03 Ủy viên. Chủ tịch công đoàn là đồng chí Bùi Thị Nga. [H1-1.3-02]

Chi đoàn GV có 13 đoàn viên. BCH gồm 01 Bí thư là đồng chí Hoàng Văn Cường, đồng chí Hoàng Văn Cường giữ chức vụ Bí thư chi đoàn từ năm 2019. và được bầu lại nhiệm kỳ 2022-2024 [H1-1.3-03]

Liên đội TNTP Hồ Chí Minh gồm 379 đội viên, được biên chế thành chi đội, đồng chí Trần Thị Kim Huệ là TPT được bổ nhiệm theo Quyết định số 04/QĐ-

THGX ngày 05 tháng 8 năm 2021. Toàn trường có 272 nhi đồng biên chế thành 9 chòm sao. [H1-1.3-04]

b) Chi bộ Đảng đã tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2022-2025 vào tháng 7/2022. Sau đại hội, chi bộ đã xây dựng quy chế làm việc, phân công nhiệm vụ cho từng đảng viên. Chi bộ đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ, theo từng năm. Chi bộ sinh hoạt 1 lần/tháng sau mỗi phiên họp có nghị quyết chỉ đạo, có sinh hoạt theo một số chuyên đề. Năm học 2022-2023 chi bộ xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng GD, rà soát, bổ sung các tiêu chí về CSVC để duy trì KĐCLGD cấp độ 2 và trường chuẩn Quốc gia mức độ I. Chi bộ đã chỉ đạo, giám sát và gương mẫu đi đầu trong việc thực hiện công tác tư tưởng chính trị, thực hiện các nhiệm vụ chuyên môn và các nhiệm vụ khác. Hằng năm, kiểm tra thẻ đảng tại chi bộ vào tháng 11. Chi bộ có đầy đủ hồ sơ và lưu trữ khoa học. Vào cuối mỗi năm chi bộ tổ chức kiểm điểm tập thể và từng đảng viên, bổ sung lí lịch đảng viên. Hằng năm chi bộ có kế hoạch bồi dưỡng, giúp đỡ các quần chúng ưu tú và cử đi học lớp bồi dưỡng đối tượng đảng. Trong nhiều năm liên tục chi bộ không có đồng chí nào bị kỉ luật. Tài chính của chi bộ được thu chi công khai, minh bạch. [H1-1.3-01]

Công đoàn nhà trường tổ chức đại hội nhiệm kỳ 2012 - 2027, sau khi đại hội BCH đã họp và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên. Công đoàn đã xây dựng kế hoạch hoạt động theo nhiệm kỳ và từng năm học. Năm học 2022-2023 công đoàn xây dựng chương trình hành động với những nội dung nổi bật là: Nâng cao chất lượng GD, rà soát, bổ sung các tiêu chí để đảm bảo KĐCLGD cấp độ 3 và trường chuẩn quốc gia mức độ I, thường xuyên quan tâm tới đời sống của từng công đoàn viên. Công đoàn nhà trường đã đẩy mạnh công tác tuyên truyền GD về chủ trương đường lối của đảng, phối hợp với chuyên môn để triển khai nhiệm vụ các năm học, kiểm tra giám sát thực hiện các chế độ chính sách có liên quan đến quyền lợi của người lao động, nắm bắt những bất cập, khó khăn của công đoàn viên. [H1-1.3-02]

Chi đoàn GV tổ chức Đại hội theo từng nhiệm kỳ, sau khi đại hội đã bầu ra Bí thư để điều hành các hoạt động. Chi đoàn đã xây dựng kế hoạch cụ thể trong từng năm học, phối hợp với liên Đội và Công đoàn nhà trường để thực hiện các hoạt động chung của nhà trường. [H1-1.3-03]

Liên Đội TNTP Hồ Chí Minh tổ chức Đại hội theo nhiệm kì 1 lần/năm học. Đại hội đã bầu ra Ban chỉ huy Liên đội để điều hành các hoạt động của Liên đội. Ban chỉ huy liên đội đã xây dựng kế hoạch và phân công cho các thành viên phụ trách các hoạt động cụ thể. Hàng tháng, hàng kì Ban chỉ huy Liên Đội tổ chức họp để đánh giá các hoạt động. [H1-1.3-04]

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh hoạt động theo quy định của pháp luật và Điều lệ của từng tổ chức nhằm giúp nhà trường thực hiện mục tiêu GD. [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]

c) Hằng năm, các tổ chức này có kế hoạch hoạt động và được sơ kết, tổng kết vào cuối kì 1 và cuối năm học để đánh giá các hoạt động, đồng thời đề ra phương hướng để lãnh đạo, chỉ đạo năm học tiếp theo. [H1-1.3-01]; [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]; [H1-1.3-04]

Mức 2

a) Từ năm 2016 đến năm 2021 chi bộ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2014, 2015, 2017, 2020 chi bộ được đảng bộ xã Giao Xuân đánh giá đạt "Chi bộ trong sạch vững mạnh" theo các Quyết định số 14-QĐ/ĐU ngày 15 tháng 01 năm 2018 [H1-1.3-01]

b) Trong nhiều năm Công đoàn đạt danh hiệu "Đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và hoạt động công đoàn. Năm học 2015-2016 được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 154/QĐ-LĐLĐ ngày 22 tháng 10 năm 2015 của BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định; Năm học 2020-2021 được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 448/QĐ-LĐLĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 của BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định. Liên đội trường Tiểu học Giao Xuân liên tục được công nhận Liên đội vững mạnh, Năm học 2017-2018 được Hội đồng Đội huyện Giao Thủy tặng Giấy khen "Liên đội hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi" theo quyết định số 117/QĐ/HĐTN ngày 17 tháng 7 năm 2018. Năm học 2020-2021 được TW Đoàn tặng Bằng khen theo Quyết định số 475/QĐ-TWĐTN ngày 13 tháng 10 năm 2021 của BCH TW. [H1-1.3-02]; [H1-1.3-03]

Mức 3

a) Từ năm 2014 đến năm 2022 Chi bộ đều hoàn thành tốt nhiệm vụ. Năm 2017 Chi bộ được Đảng bộ xã Giao Xuân đánh giá đạt "Chi bộ trong sạch vững mạnh" theo các Quyết định số 14 - QĐ/ĐU ngày 15 tháng 1 năm 2018. Năm 2022 chi bộ được đánh giá Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2022 theo quyết định. Số 17/QĐ-ĐU ngày 20 tháng 12 năm 2022 của Đảng uỷ xã Giao Xuân [H1-1.3-01]

b) Các đoàn thể trong nhà trường đã thúc đẩy các phong trào thi đua chào mừng các ngày lễ lớn, các phong trào do ngành phát động, các hoạt động tập thể theo chủ đề, chủ điểm, tích cực tham gia xây dựng tập thể nhà trường đoàn kết, chấp hành tốt mọi chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của Nhà nước, các quy định của ngành và của địa phương. Vì vậy các hoạt động phong trào của nhà trường đạt được những thành tích đáng kể, nhà trường đã tổ chức được một số hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn như ngày 20/10; 20/11; 8/3 vui vẻ, ấn tượng được đông đảo CMHS tham gia. [H5-5.1-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các tổ chức đoàn thể như Chi bộ Đảng, Công đoàn, Chi Đoàn, Liên đội TNTP Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng. Cơ cấu tổ chức các đoàn thể trong nhà trường đảm bảo theo đúng Điều lệ của từng tổ chức giúp cho việc điều hành các hoạt động của nhà trường được thuận lợi và mang lại hiệu quả.

Các tổ chức đoàn thể đã hoạt động tích cực theo đúng điều lệ của từng tổ chức. Giúp cho nhà trường đã cải tiến được chất lượng GD, nâng cao hiệu quả của các hoạt động.

3. Điểm yếu

Ban chấp hành công đoàn chưa tổ chức được hoạt động nổi bật, sáng tạo.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động phong trào có chiều sâu sáng tạo, phát động các đợt thi đua nhân dịp các ngày lễ lớn.	BCH công đoàn, BGH	CB-GV-NV đóng góp ý kiến	Trong các năm học	

Sắp xếp thời gian hợp lý để tổ chức các hoạt động phong trào	BCH công đoàn, BGH	Thời gian	Trong các năm học	
Huy động nguồn kinh phí từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài trường để tổ chức các HĐ	BCH công đoàn, BGH	Kinh phí	Trong các năm học	30 - 50 triệu đồng.

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
C	Đạt	-----		----- -	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.4: Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng, tổ chuyên môn và tổ văn phòng

Mức 1:

- a) Có Hiệu trưởng, số lượng Phó hiệu trưởng theo quy định;
- b) Tổ chuyên môn và tổ VP có cơ cấu tổ chức theo quy định;
- c) Tổ chuyên môn, tổ VP có kế hoạch hoạt động và thực hiện các nhiệm vụ theo quy định.

Mức 2:

- a) Hằng năm, tổ chuyên môn đề xuất và thực hiện được ít nhất 01 (một) chuyên đề có tác dụng nâng cao chất lượng và hiệu quả GD;
- b) Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ VP được định kỳ rà soát, đánh giá, điều chỉnh.

Mức 3 (nếu có):

a) *Hoạt động của tổ chuyên môn, tổ VP có đóng góp hiệu quả trong việc nâng cao chất lượng các hoạt động trong nhà trường;*

b) *Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả các chuyên đề chuyên môn góp phần nâng cao chất lượng GD.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) BGH nhà trường gồm: 01 Hiệu trưởng và 01 Phó hiệu trưởng, đảm bảo các vị trí và định mức số lượng quy định tại điều 4, điều 6 của Thông tư số: 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở GD công lập. [H1-1.4-01]; [H1-1.4-02]

b) Nhà trường có 3 tổ chuyên môn là Tổ 1; Tổ 2+3; Tổ 4+5 và 1 tổ VP được thành lập vào đầu mỗi năm học theo quy định tại điều 14, điều 15 Điều lệ trường Tiểu học số 28/2020/TT-BGD&ĐT. Chuyên môn Tổ 1 có 7 thành viên gồm CBQL đồng chí Doan, các đồng chí GV dạy văn hóa khối 1 và đồng chí Hiên, Huệ; do đồng chí Bùi Thị Hòa làm Tổ trưởng. Chuyên môn Tổ 2+3 có 13 thành viên gồm các đồng chí GV dạy văn hóa khối 2,3 và đồng chí Cường, Chinh, N. Trang, Yên do đồng chí Trần Thị Là làm Tổ trưởng, đồng chí Đặng Thị Thơm làm Tổ phó. Tổ 4+5 có 14 thành viên gồm đồng chí Trường, các đồng chí GV dạy khối 4,5 và các đồng chí Vui, P.Trang, My, Hương do đồng chí Hoàng Thị Thanh Hà làm Tổ trưởng, đồng chí Bùi Thị Nga làm Tổ phó; tổ VP có 3 đồng chí gồm các đồng chí là kế toán, NV Y tế, NV Thư viện do đồng chí Trần Thị Liên làm tổ trưởng. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

c) Tổ chuyên môn Tổ 1; Tổ 2+3; Tổ 4+5 và Tổ VP căn cứ vào kế hoạch GD của nhà trường để xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ theo từng năm học và được Hiệu trưởng phê duyệt. Năm học 2022-2023 kế hoạch tổ chuyên môn và tổ VP tập trung vào một số nhiệm vụ trọng tâm là: nâng cao chất lượng GD, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, dạy học theo hướng phát triển năng lực, dạy học thích ứng an toàn, linh hoạt kiểm soát dịch bệnh, xây dựng, hoàn thiện các tiêu chí để đạt trường đạt KĐCLGD cấp độ 3. Tổ chuyên môn và tổ VP thực hiện các nhiệm vụ theo quy định tại điều 14, điều 15 Điều lệ trường tiểu học. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-04]

Mức 2

a) Hằng năm, tổ chuyên môn Tổ 1; Tổ 2+3; Tổ 4+5 và tổ VP căn cứ vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của nhà trường để xây dựng đề xuất một số chuyên đề như chuyên đề "Day Tập làm văn theo phương pháp trải nghiệm" của Tổ 1; Tổ 2+3; "Phụ đạo HS chưa hoàn thành các môn học và hoạt động giáo dục" và "dạy học trực tuyến linh hoạt hiệu quả" của Tổ 4+5; chuyên đề "Day ngoài không gian lớp học" của Phó HT. Chuyên đề được thảo luận, chia sẻ trong các buổi SHCM và được các đồng chí GV trong toàn trường áp dụng vào việc dạy phân môn tập làm văn, phụ đạo HS yếu và tổ chức các tiết dạy ngoài lớp học. [H1-1.4-06]

b) Tổ chuyên môn và tổ VP cuối học kỳ và cuối mỗi năm học tổ chức sơ kết, tổng kết để đánh giá, rà soát và điều chỉnh các hoạt động của tổ cho phù hợp với tình hình thực tế. [H1-1.4-03]

Mức 3

a) Tổ chuyên môn và tổ VP đã chỉ đạo việc thực hiện chương trình, việc đổi mới phương pháp dạy học, việc đánh giá HS và thống nhất một số nhiệm vụ trọng tâm hàng tháng, hàng tuần giúp cho việc thực hiện chương trình của các khối lớp được thống nhất và đảm bảo theo đúng kế hoạch, GV trong trường tích cực đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, nhiều GV đạt danh hiệu GV giỏi, GV chủ nhiệm giỏi cấp trường, cấp huyện; đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì HS đảm bảo đúng tiến độ. [H1-1.4-03]; [H1-1.4-05]

b) Tổ chuyên môn đã thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề giúp cho chất lượng giảng dạy của các khối lớp được nâng lên nhất là về phân môn tập làm văn và chữ viết của HS. [H1-1.4-06]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ CB quản lý theo quy định tại khoản 1 điều 11 Điều lệ trường Tiểu học và theo Thông tư số 16/2017/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 7 năm 2017 hướng dẫn danh mục khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc trong các cơ sở GD công lập.

Nhà trường có các tổ chuyên môn, tổ VP theo đúng quy định tại điều 18, điều 19 Điều lệ trường Tiểu học.

Tổ chuyên môn đã đề xuất và thực hiện có hiệu quả một số chuyên đề góp phần nâng cao chất lượng và hiệu quả GD.

Hoạt động của tổ chuyên môn và tổ VP được thực hiện theo đúng kế hoạch, có nền nếp góp phần hoàn thành kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học của nhà trường.

3. Điểm yếu

Thiếu nhân viên văn thư vì vậy tổ văn phòng còn phải kiêm nhiệm nên hiệu quả công việc chưa cao.

Năng lực về CNTT của NV VP còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với các cấp lãnh đạo để tuyển dụng thêm đủ NV văn phòng	BGH		Năm học 2022 - 2023	
Bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho nhân viên về CNTT	PGD	Có lớp tập huấn	Năm học 2022 - 2023	5 triệu

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	A	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.5: Lớp học

Mức 1:

- a) Có đủ các khối lớp cấp tiểu học;
- b) HS được tổ chức theo lớp học; lớp học được tổ chức theo quy định;
- c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ.

Mức 2:

a) Trường có không quá 30 (ba mươi) lớp;

b) Sĩ số HS trong lớp theo quy định;

c) Tổ chức lớp học linh hoạt và phù hợp với các hình thức hoạt động GD.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Năm học 2022-2023 nhà trường có 22 lớp với 667 HS (5 HS khuyết tật) có đủ 5 khối từ khối 1 đến khối 5 trong đó khối 1: 4 lớp, khối 2: 5 lớp, khối 3: 4 lớp, khối 4: 4 lớp, khối 5: 5 lớp. [H1-1.5-01]

b) HS được tổ chức theo lớp: từ lớp 4 đến lớp 5 mỗi lớp bầu 1 Chủ tịch HĐTQ, 02 Phó chủ tịch HĐTQ và các trưởng ban: trưởng ban học tập, trưởng ban văn nghệ, trưởng ban nề nếp, trưởng ban đối ngoại, trưởng ban thư viện do tập thể lớp tín nhiệm bầu ra và có sự luân phiên thay đổi. Từ lớp 1-2 có 1 lớp trưởng 02 lớp phó và các tổ trưởng [H1-1.5-01]. Mỗi lớp có 1 GV làm công tác chủ nhiệm. [H2-2.2-01]

c) Lớp học hoạt động theo nguyên tắc tự quản, dân chủ. HĐTQ, CB của lớp được bầu công khai. Kế hoạch hoạt động của HĐTQ, của đội ngũ CB lớp, của các ban do các em tự xây dựng cụ thể theo tuần, theo tháng và do chủ tịch HĐTQ, trưởng các ban, lớp trưởng, lớp phó, các tổ trưởng điều hành. [H1-1.5-02]

Mức 2:

a) Từ năm học 2017-2018 đến năm 2018 - 2019 trường đều có 25 lớp với số HS từ 710 đến 775 em. Năm học 2019- 2020 trường có 24 lớp với 685 HS. Năm học 2020-2021 trường có 22 lớp với 661 HS. Năm học 2021-2022 trường có 22 lớp với 676 HS . Năm học 2022-2023 toàn trường có 667 học sinh [H1-1.5-01]

b) Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2022-2023 số lượng HS của mỗi lớp đều không vượt quá 35 em.[H1-1.5-01]

c) Tổ chức lớp học được bố trí linh hoạt cho phù hợp với các hoạt động dạy học. Hoạt động của lớp học đảm bảo tính dân chủ, tự quản, hợp tác. Mỗi học sinh được chủ động thảo luận, tham gia xây dựng kế hoạch của tổ (ban) , nhóm [H1-1.5-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ các khối lớp từ lớp 1 đến lớp 5, tổng số lớp trong mỗi năm học đều dưới 30 lớp. Mỗi lớp học được biên chế hợp lí, sĩ số các lớp đảm bảo không vượt quá 35 em giúp cho GV chủ nhiệm và GV bộ môn làm tốt công tác giảng dạy và GD HS.

Cơ cấu tổ chức của mỗi lớp học hợp lí có vận dụng linh hoạt thành tố tích cực của mô hình trường học mới VNEN, HS được phát huy quyền dân chủ trong các hoạt động.

3. Điểm yếu

Ban cán sự các lớp 1; 2 hoạt động chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tập huấn hướng dẫn đội ngũ cán bộ lớp hoạt động có hiệu quả	GVCN, TPT, cán sự lớp c 3,4,5	Tài liệu tập huấn	Từ đầu năm học đến cuối học kì I các năm học	
Theo dõi và hỗ trợ hoạt động của các tổ các	GVCN, TPT		Thường xuyên	
Tuyên dương, khen thưởng kịp thời những lớp có ban cán sự hoạt động có hiệu quả.	BGH, GVCN, TPT		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt

A	Đạt	a	Đạt	-----	
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.6: Quản lý hành chính, tài chính và tài sản

Mức 1:

a) Hệ thống hồ sơ của nhà trường được lưu trữ theo quy định;

b) Lập dự toán, thực hiện thu chi, quyết toán, thống kê, báo cáo tài chính và tài sản; công khai và định kỳ tự kiểm tra tài chính, tài sản theo quy định; quy chế chi tiêu nội bộ được bổ sung, cập nhật phù hợp với điều kiện thực tế và các quy định hiện hành;

c) Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản đúng mục đích và có hiệu quả để phục vụ các hoạt động GD.

Mức 2:

a) Ứng dụng CNTT hiệu quả trong công tác quản lý hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có vi phạm liên quan đến việc quản lý hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán.

Mức 3 (nếu có):

Có kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp phù hợp với điều kiện nhà trường, thực tế địa phương.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động GD theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học: Sổ đăng bộ, sổ PCGD tiểu học, sổ theo dõi kết quả kiểm tra đánh giá HS; hồ sơ GD đối với HS khuyết tật; học bạ của HS; hồ sơ quản lý CB-GV-NV; sổ khen thưởng, kỷ luật; sổ tài sản, tài chính; sổ quản lý các văn bản, công văn, được lưu trữ theo từng năm học. [H1-1.6-01]

b) Hằng năm nhà trường lập dự toán thu, chi, quyết toán, thống kê, báo cáo

tài chính và tài sản theo quy định và theo điều kiện thực tế của nhà trường. Phòng Tài chính -Kế hoạch huyện kết hợp PGD&ĐT thẩm định, quyết toán ngân sách năm tại Phòng -Tài chính Kế hoạch huyện 1 lần/ năm. Căn cứ vào sự chỉ đạo của cấp trên, vào các quy chế đã được xây dựng, nhà trường quyết toán công khai tài chính 2 lần/năm vào cuối tháng 6 và cuối tháng 12 hằng năm. Định kì, nhà trường công khai tài chính, tài sản theo thông tư 61/2017 TT- BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính và Thông tư 36/2017/TT- BGDĐT ngày 28/12/2017. [H1-1.6-02]

Trong hội nghị CB-CC-VC hằng năm nhà trường đã thảo luận, thống nhất để xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ. Từ năm 2018 căn cứ vào Thông tư số 40/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính, Nghị quyết số 74/2017/NQ-HĐNN ngày 07 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Nam Định nhà trường bổ sung chế độ chi hội nghị, chế độ công tác phí vào quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với điều kiện thực tế và quy định hiện hành. [H1-1.6-02]

c) Tài sản của nhà trường được quản lí và bàn giao vào đầu và cuối năm học. Tài chính của nhà trường chi theo đúng tiêu chuẩn, định mức được xây dựng trong quy chế chi tiêu nội bộ của nhà trường.[H1-1.6-02]

Mức 2

a) Nhà trường đã sử dụng một số phần mềm để quản lí hành chính, tài chính và tài sản của nhà trường như: Phần mềm kế toán, phần mềm phổ cập, cơ sở dữ liệu ngành, Smas... [H1-1.6-02]

b) Nhà trường được kiểm tra hành chính, tài sản, tài chính định kì theo kế hoạch của cấp trên. Trong 05 năm gần đây không có vi phạm liên quan đến việc quản lí hành chính, tài chính và tài sản theo kết luận của thanh tra, kiểm toán. [H1-1.6-02]

Mức 3

Trong năm 2021 nhà trường có kế hoạch vận động các nhà hảo tâm, phụ huynh để mua tặng 18 ti vi 55 in lắp ở các phòng học phục vụ công tác dạy và học. Trong những năm tiếp theo, nhà trường xây dựng kế hoạch vận động các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm để có nguồn tài chính khoảng 2 trăm triệu để xây dựng khu vệ sinh học sinh hiện đại .[H1-1.6-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ phục vụ hoạt động GD của nhà trường theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học; bước đầu lưu trữ được hồ sơ theo thông tư 27/2016/TT- BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ GD&ĐT.

Tài chính, tài sản của nhà trường sử dụng đúng quy định, đúng hướng dẫn của cấp trên và công khai theo đúng Thông tư 61/2017/TT- BTC ngày 15/6/2016 của Bộ Tài chính, Thông tư 36/2017/TT- BGDĐT ngày 28/12/2017 của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường đã làm tốt công tác xã hội hóa GD.

Nhà trường đã tích cực ứng dụng CNTT vào việc quản lí hành chính, tài sản tài chính giúp cho việc vận hành công việc được tốt hơn.

3. Điểm yếu

Các thành viên tổ VP phải kiêm nhiệm nhiều công việc nên việc lưu trữ, sắp xếp hồ sơ, chưa thật đảm bảo theo yêu cầu và quy định của Luật lưu trữ và các quy định khác của pháp luật.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền nghiên cứu, thực hiện lưu trữ như TT 27, TT 29 của BNV	NV,CB, GV	Các văn bản	Thường xuyên	
Tập huấn cho NV phụ trách lưu trữ hồ sơ.	PGD	Đăng kí dự các lớp tập huấn	Trong các năm học	
Phối kết hợp mọi thành viên trường trong việc lưu trữ hồ sơ	BGH, NV	BGH, CB, GV	Thường xuyên	
Phân công thêm GV ít tiết thực hiện việc thu thập và lưu trữ hồ sơ	BGH	GV	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 1.7: Quản lý cán bộ, giáo viên và nhân viên

Mức 1:

a) Có kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ CB quản lý, GV và NV;

b) Phân công, sử dụng CB quản lý, GV và NV rõ ràng, hợp lý đảm bảo hiệu quả hoạt động của nhà trường;

c) CB quản lý, GV và NV được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

Có các biện pháp để phát huy năng lực của CB quản lý, GV và NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng GD nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ CB quản lý, GV và NV như tham gia các lớp: Bồi dưỡng lý luận chính trị, học tập nâng cao trình độ. Năm học 2022- 2023 tập trung bồi dưỡng về các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, rèn chữ viết, GD kỹ năng sống, tư vấn tâm lý cho HS, tập huấn theo chương trình GDPT mới. [H1-1.7-01]; [H1-1.7-04]

b) Đầu năm học ra quyết định phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng CB, GV và NV đảm bảo theo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tế, năng lực của CB, GV, NV.

c) Mọi CB, GV được nhà trường tạo điều kiện để thực hiện nhiệm vụ giảng dạy và các nhiệm vụ theo chuyên môn; đảm bảo quyền theo quy định tại Điều

29 của Điều lệ trường Tiểu học. [H1-1.7-01]

Mức 2

Nhà trường đã phát động các phong trào thi đua, xây dựng các quy chế, động viên khen thưởng kịp thời và tạo điều kiện để đội ngũ được tham gia bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. Phân công giảng dạy và phụ trách các công việc được giao theo đúng năng lực sở trường để phát huy năng lực của CB quản lí, GV, NV trong việc xây dựng, phát triển và nâng cao chất lượng GD. [H1-1.7-01]

2. Điểm mạnh

CB, GV và NV của nhà trường làm việc theo đúng sự phân công, đúng chuyên môn giúp cho mọi hoạt động trong kế hoạch của nhà trường thực hiện theo đúng tiến độ, đảm bảo các chỉ tiêu đề ra.

Mọi thành viên được phát huy quyền dân chủ và đảm bảo các quyền theo quy định.

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch và tạo điều kiện để CB, GV, NV được bồi dưỡng và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.

3. Điểm yếu

Kinh phí dành cho việc bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Huy động các nguồn lực	BGH, CĐ		Các năm học	
Cân đối thu chi trong các năm học	BGH		Các năm học	20 triệu đồng/năm

5. Tự đánh giá:

Mức 1	Mức 2	Mức 3
-------	-------	-------

Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	-----	
B	Đạt	-----		-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.8: Quản lý các hoạt động giáo dục

Mức 1:

a) Kế hoạch GD phù hợp với quy định hiện hành, điều kiện thực tế địa phương và điều kiện của nhà trường;

b) Kế hoạch GD được thực hiện đầy đủ;

c) Kế hoạch GD được rà soát, đánh giá, điều chỉnh kịp thời.

Mức 2:

Các biện pháp chỉ đạo, kiểm tra, đánh giá của nhà trường đối với các hoạt động GD, được cơ quan quản lý đánh giá đạt hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng:

Mức 1

a) Hằng năm, nhà trường xây dựng kế hoạch GD để thực hiện các nhiệm vụ giảng dạy và GD đúng theo quy định hiện hành và phù hợp với điều kiện thực tế nhà trường và địa phương. Năm học 2022-2023, kế hoạch GD của nhà trường xây dựng các nhiệm vụ trọng tâm là thực hiện chương trình theo đúng quy định của Bộ GD&ĐT đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng; đổi mới phương pháp dạy học và các hoạt động GD, nâng cao chất lượng PCGD và xây dựng trường chuẩn quốc gia. [H1-1.8-01]

b) Kế hoạch GD được nhà trường thực hiện đầy đủ. Các nhiệm vụ trong kế hoạch GD được phân công cụ thể cho từng bộ phận phụ trách: Hiệu trưởng phụ trách xây dựng trường chuẩn quốc gia và KĐCL; Phó hiệu trưởng phụ trách chất

lượng dạy và học; Bí thư chi Đoàn phụ trách, giám sát, theo dõi các hoạt động NGLL. [H1-1.8-02]

c) Hàng tháng trong các phiên họp Hội đồng sư phạm; sơ kết kì I, tổng kết năm học nhà trường đã rà soát, đánh giá từng nhiệm vụ trong kế hoạch GD để phát huy những mặt mạnh và có những giải pháp để khắc phục những hạn chế đồng thời có những điều chỉnh, bổ sung vào kế hoạch GD cho phù hợp. [H1-1.8-02], [H1-1.8-03]

Mức 2

Nhà trường xây dựng kế hoạch, thành lập ban kiểm tra cấp trường để quản lí các hoạt động GD, ban kiểm tra thực hiện theo từng tháng, từng đợt tập trung vào các nội dung: việc thực hiện chương trình giảng dạy, hồ sơ chuyên môn, trình độ tay nghề, việc thực hiện kế hoạch của các nhân, từng tổ chuyên môn và các đoàn thể. Sau mỗi lần kiểm tra ban kiểm tra đã đánh giá, rút kinh nghiệm và có những tư vấn kịp thời để CB, GV, NV phát huy những mặt mạnh đồng thời khắc phục những hạn chế thiếu sót vì vậy mọi nhiệm vụ trong kế hoạch GD được thực hiện theo đúng tiến độ, đạt các chỉ tiêu đề ra. [H1-1.8-03]; [H1-1.8-04]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ theo đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của nhà trường.

Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ theo đúng kế hoạch đã xây dựng.

Nhà trường đã có những biện pháp để phát huy năng lực của CB, GV, NV trong việc nâng cao chất lượng GD.

3. Điểm yếu

Việc quản lí tổ chức một số hoạt động NGLL chưa sâu sát nên chưa hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục phát huy năng lực của các thành viên trong	BGH, BCH CĐ,		Thường xuyên	

trường để tổ chức các HĐNGLL	TTCM			
Xây kế hoạch tổ chức từng hoạt động một cách cụ thể, chi tiết	BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN		Trong các năm học	
Thường xuyên kiểm tra đôn đốc; phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể	BGH		Trong các năm học	
Sau mỗi hoạt động đánh giá, rút kinh nghiệm	BGH, TPT, BT Đoàn, GVCN		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	-----	
B	Đạt	-----		-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.9: Thực hiện quy chế dân chủ cơ sở

Mức 1:

a) CB, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến khi xây dựng kế hoạch, nội quy, quy định, quy chế liên quan đến các hoạt động của nhà trường;

b) Các khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh (nếu có) thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường được giải quyết đúng pháp luật;

c) Hằng năm, có báo cáo thực hiện quy chế dân chủ cơ sở.

Mức 2:

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ cơ sở đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Hằng năm, trong hội nghị CB-CC-VC CB quản lý, GV, NV được tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến để xây dựng kế hoạch năm học, quy chế dân chủ, quy chế làm việc, quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế chuyên môn, quy tắc ứng xử văn hóa, nội quy nhà trường theo quy định tại Nghị định số 149/NĐ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về thực hiện dân chủ trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập. CB, GV, NV đã đóng góp các biện pháp để nâng cao chất lượng dạy và học, quy chế chi tiêu trong các hoạt động của nhà trường, các quy định trong quy chế làm việc, quy chế chuyên môn. [H1-1.9-01]

b) Trong nhiều năm liền nhà trường không có đơn thư khiếu nại, tố cáo. Nếu có khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh thuộc thẩm quyền xử lý của nhà trường sẽ giải quyết đúng pháp luật. [H1-1.9-02]; [H1-1.9-03]

c) Hằng năm, nhà trường có báo đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở.

[H1-1.9-01]

Mức 2

Ban thanh tra nhân dân, HĐT trường giám sát, đánh giá việc thực hiện quy chế dân chủ một cách công khai, dân chủ và được báo cáo công khai trong các buổi họp liên tịch, họp đoàn thể và họp hội đồng nhà trường.[H1-1.9-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được các quy chế dân chủ ở cơ sở.

Các quy chế dân chủ đã được thảo luận, đóng góp ý kiến, mọi thành viên trong trường đều thực hiện nghiêm túc các quy chế đã xây dựng.

Các biện pháp và cơ chế giám sát việc thực hiện các quy chế dân chủ được thực hiện một cách công khai, minh bạch.

3. Điểm yếu

Một số GV-NV tính phê bình, tự phê bình còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực	Nhân lực	Điều	Mốc thực	Dự
--	-----------------	-------------	-----------------	-----------

hiện	thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	kiện để thực hiện	hiện/thời gian hoàn thành	kiến kinh phí
Tạo môi trường làm việc thân thiện, cởi mở	BGH, BCH CĐ, GV, NV		Trong các năm học	
Giúp CB, GV, NV nhận thức đúng đắn, có trách nhiệm trong việc đóng góp ý kiến xây dựng các quy chế dân chủ	BGH, BCH CĐ		Trong các năm học	
Tạo cơ hội để CB, GV, NV được bày tỏ ý kiến, lắng nghe trân trọng ý kiến đóng góp của mọi thành viên trong nhà trường	BGH, BCH CĐ		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	-----	
B	Đạt	-----		-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 1.10: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn trường học

Mức 1:

a) Có phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường; những trường có tổ chức bếp ăn cho HS được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

b) Có hộp thư góp ý, đường dây nóng và các hình thức khác để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân; đảm bảo an toàn cho CB, GV, NV và HS trong nhà trường;

c) Không có hiện tượng kỳ thị, hành vi bạo lực, vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

Mức 2:

a) CB quản lý, GV, NV và HS được phổ biến, hướng dẫn và thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự; an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn phòng, chống tai nạn, thương tích; an toàn phòng, chống cháy, nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng, chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường;

b) Nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả.

c) Không có hiện tượng kì thị, hành vi bạo lực vi phạm pháp luật về bình đẳng giới trong nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm, phòng tránh các tệ nạn xã hội. [H1-1.10-01]

b) Nhà trường có cổng công nghệ thông tin, gmail để tiếp nhận các ý kiến đóng góp, phản hồi và cung cấp số điện thoại của nhà trường trong cuộc họp CMHS để tiếp nhận, xử lý các thông tin phản ánh của người dân để đảm bảo an toàn cho CB quản lý, GV, NV và HS. [H1-1.10-01]

c) CB, GV, NV và HS trong trường đều được đối xử công bằng. Không có hiện tượng kì thị, vi phạm giới tính bạo lực trong nhà trường. HS được tôn trọng nhân cách, yêu thương, chia sẻ, động viên và giúp đỡ kịp thời [H1-1.10-01]

Mức 2

a) Trong các buổi họp Hội đồng sư phạm, BGH đã phổ biến, hướng dẫn, thực hiện phương án đảm bảo an ninh trật tự, an toàn vệ sinh thực phẩm; an toàn

phòng, chống tai nạn thương tích, an toàn phòng, chống cháy nổ; an toàn phòng, chống thảm họa, thiên tai; phòng chống dịch bệnh; phòng, chống các tệ nạn xã hội và phòng, chống bạo lực trong nhà trường tới CB, GV, NV. GV chủ nhiệm các lớp triển khai các nội dung trên tới HS bằng nhiều hình thức như tuyên truyền, hướng dẫn, tích hợp trong các bài học, trong các tiết GD kỹ năng sống. [H1-1.10-01]

b) Ban an toàn trường học, Ban tư vấn tâm lý nhà trường thường xuyên kiểm tra, thu thập, đánh giá, xử lý các thông tin, biểu hiện liên quan đến bạo lực học đường, an ninh trật tự (nếu có) và có biện pháp ngăn chặn kịp thời, hiệu quả. Lắng nghe phản ánh từ CMHS và nhân dân. [H1-1.10-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác đảm bảo trật tự, an toàn cho CB, GV, NV, HS; thực hiện tốt các quy định về phòng chống dịch bệnh, an toàn vệ sinh thực phẩm; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, cháy nổ trong trường,...

3. Điểm yếu

Trang thiết bị phòng chống cháy nổ trong nhà trường chưa nhiều, CB, GV chưa được tập huấn sử dụng phương tiện phòng chống cháy nổ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Mua bổ sung trang thiết bị phòng chống cháy nổ	Hiệu trưởng	Kinh phí	Đầu năm học 2022-2023	10 triệu
Mời CA huyện về tập huấn về công tác phòng chống cháy nổ tới CB, GV, NV, HS	BGH	Tổ chức lớp tập huấn	Trong năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không	Chỉ báo	Đạt/Không	Chỉ báo	Đạt/Không

	đạt		đạt		đạt
A	Đạt	a	Đạt	-----	
B	Đạt	b	Đạt	-----	
C	Đạt			-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Kết luận về Tiêu chuẩn 1:

Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng được phương hướng chiến lược xây dựng và phát triển nhà trường phù hợp với mục tiêu GD, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và các nguồn lực của nhà trường đã được phòng GD&ĐT phê duyệt. HĐT được thành lập và thực hiện chức năng nhiệm vụ, quyền hạn theo đúng quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

Trường có cơ cấu tổ chức bộ máy phù hợp với quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Chi bộ Đảng, tổ chức Công đoàn, chi Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Đội TNTP Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng là những tổ chức độc lập nên rất thuận lợi trong sinh hoạt và hoạt động. Các tổ chức đều có kế hoạch, quy chế hoạt động, hoạt động có hiệu quả và thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đã được quy định tại Điều lệ trường Tiểu học.

BGH nhà trường xây dựng kế hoạch hoạt động theo tuần, tháng, năm học cụ thể theo đúng quy định và tính khả thi cao. Nhà trường thực hiện nghiêm túc quản lý chuyên môn, quản lý tài chính, quản lý HS; làm tốt công tác kiểm tra nội bộ, công tác TĐKT nên có tác dụng tích cực trong việc động viên khích lệ kịp thời CB-GV-NV-HS góp phần nâng cao chất lượng GD toàn diện.

Hàng năm, nhà trường xây dựng và thực hiện có hiệu quả các phương án đảm bảo an ninh trật tự, phòng chống tai nạn thương tích, phòng chống cháy nổ, phòng chống dịch bệnh. Vì thế, nhà trường không xảy ra bất cứ vụ tai nạn thương tích, cháy nổ và ngộ độc thực phẩm nào đối với CB-GV-NV-HS.

Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, sổ sách được lưu trữ theo quy định. Các tổ chuyên môn, tổ văn phòng xây dựng kế hoạch hoạt động bám sát nhiệm vụ của nhà trường, thực hiện bồi dưỡng chuyên môn có hiệu quả.

Điểm yếu

Chiến lược phát triển nhà trường chưa nhận được nhiều ý kiến đóng góp

Tổ chức công đoàn và một số tổ chức khác trong nhà trường chưa tổ chức được các hoạt động tiêu biểu, sáng tạo.

Việc lưu trữ hồ sơ của nhà trường còn chưa đầy đủ, khoa học.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 1.1		x	x	x
Tiêu chí 1.2		x	x	---
Tiêu chí 1.3		x	x	x
Tiêu chí 1.4		x	x	x
Tiêu chí 1.5		x	x	---
Tiêu chí 1.6		x	x	x
Tiêu chí 1.7		x	x	---
Tiêu chí 1.8		x	x	---
Tiêu chí 1.9		x	x	---
Tiêu chí 1.10		x	x	---

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 10/10

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 2: Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên và học sinh

Mở đầu

Trường tiểu học Xuân Xuân thực hiện cơ cấu tổ chức theo điều lệ trường Tiểu học. Nhà trường có đầy đủ số lượng HT, PHT bảo đảm được các tiêu chuẩn theo quy định của Luật GD đối với các cấp học, CB quản lý của nhà trường có năng lực quản lý và kinh nghiệm để triển khai tốt các hoạt động giáo dục. Đội ngũ GV, NV của nhà trường có phẩm chất đạo đức tốt, trình độ CM nghiệp vụ vững vàng, nhiệt tình trách nhiệm. Tập thể hội đồng sư phạm đoàn kết, thống

nhất, nhiệt tình, tích cực sáng tạo trong các hoạt động giáo dục. HS vốn có truyền thống hiếu học, chăm ngoan, lễ phép, năng động.

Tiêu chí 2.1: Đối với hiệu trưởng, phó hiệu trưởng

Mức 1:

- a) Đạt tiêu chuẩn theo quy định;
- b) Được đánh giá đạt chuẩn HT trở lên;
- c) Được bồi dưỡng, tập huấn về CM, nghiệp vụ quản lý GD theo quy định.

Mức 2:

- a) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 02 năm được đánh giá đạt chuẩn HT ở mức khá trở lên;
- b) Được bồi dưỡng, tập huấn về lý luận chính trị theo quy định; được GV, NV trong trường tín nhiệm.

Mức 3:

Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, được đánh giá đạt chuẩn HT ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 01 năm được đánh giá đạt chuẩn HT ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Quá trình công tác của CB QL

– Quá trình công tác của đồng chí Hiệu trưởng:

- + Họ tên: Phạm Xuân Trường
- + Ngày tháng năm sinh: 31/01/1967
- + Năm tuyển dụng: Tháng 9/1988
- + Trình độ chuyên môn ban đầu: Trung cấp Sư phạm
- + Trình độ chuyên môn hiện nay: Đại học Sư phạm
- + Trình độ lý luận chính trị: Trung cấp.
- + Trình độ quản lí: Đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng CB quản lý GD.
- + Từ tháng 9/1988 đến tháng 8/1993: là GV trường Phổ thông cơ sở Giao Thanh.
- + Từ tháng 09/1993 đến tháng 6/1995: là GV trường Tiểu học Giao Lạc.
- + Từ tháng 07/1995 đến tháng 6/1996: là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc.
- + Từ tháng 01/7/1996 đến tháng 01/12/2003: Bổ nhiệm Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 1582/QĐ-UBND ngày 10/12/2003 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

+ Từ tháng 10/12/2003 đến tháng 1/7/2009: Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 2028/QĐ-UBND ngày 01/7/2009 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

+ Từ tháng 1/7/ 2009 đến tháng 1/7/2014: Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 1956/QĐ-UBND ngày 25/6/2014 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

+ Từ tháng 1/7/ 2014 đến tháng 1/7/2019: Bổ nhiệm lại Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Lạc theo Quyết định số 2907/QĐ-UBND ngày 27/6/2019 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

+ Từ tháng 8/2020 đến nay là Hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân. theo Quyết định số 4653/QĐ-UBND ngày 17/8/2020 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

Thời gian đã làm HT 27 năm, làm HT tại đơn vị trường Tiểu học Giao Xuân được 3 năm . [H2-2.1-01]

- Quá trình công tác của đồng chí Phó hiệu trưởng :

+ Họ tên: Trần Thị Doan

+ Ngày tháng năm sinh: 01/01/1979

+ Năm tuyển dụng: Tháng 11/2000

+ Trình độ chuyên môn ban đầu: Cao đẳng Sư phạm

+ Trình độ chuyên môn hiện nay: Đại học Sư phạm

+ Trình độ lý luận chính trị : Trung cấp.

+ Trình độ quản lí: Đã tốt nghiệp khóa bồi dưỡng CB quản lý GD.

+ Từ tháng 11/2000 đến tháng 8/2002: là GV trường Tiểu học Giao Lạc.

+ Từ tháng 09/2002 đến tháng 5/2010: là GV trường Tiểu học Giao Xuân.

+ Từ tháng 6/2010 đến tháng 5/2015: Bổ nhiệm là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân theo Quyết định số 1460/QĐ-UBND ngày 24/5/2010 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

+ Từ tháng 6/2015 đến 5/2020: Bổ nhiệm lại là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân theo Quyết định số 2638/QĐ-UBND ngày 25/5/2015 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

+ Từ tháng 6/2020 đến nay: Bổ nhiệm lại là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân theo Quyết định số 1273/QĐ-UBND ngày 29/5/2020 của chủ tịch UBND huyện Giao Thủy.

+ Từ tháng 6/2010 đến nay: là Phó hiệu trưởng trường Tiểu học Giao Xuân.

[H2-2.1-01]

Thời gian làm PHT tại đơn vị là 13 năm. [H2-2.1-01]

b) Đánh giá, xếp loại

Cuối mỗi năm học, nhà trường đều tổ chức đánh giá HT và PHT theo đúng quy trình quy định đánh giá chuẩn HT trường tiểu học theo quy trình như sau: Đối chiếu với quy định chuẩn, HT, PHT tự đánh giá xếp loại sau đó chủ tịch công đoàn chủ trì đề HT, PHT báo cáo kết quả tự đánh giá, cán bộ, GV, NV tham góp ý và đánh giá. Tiếp theo, BCH công đoàn tổng hợp kết quả đánh giá HT, PHT. Cuối cùng, trưởng phòng GD &ĐT trực tiếp đánh giá HT; HT đánh giá PHT. Qua kết quả tổng hợp việc đánh giá hàng năm HT và PHT đã được sự tín nhiệm cao của tập thể sư phạm nhà trường. Đồng chí Hiệu trưởng hàng năm được trưởng phòng GD &ĐT nhận xét, đánh giá: Có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt, năng lực quản lý trường tiểu học vững vàng, phối hợp giữa nhà trường và địa phương hiệu quả. Từ năm học 2018-2019, HT, PHT tự đánh giá theo quy trình HT,PHT tự đánh giá, CB,GV tham gia đánh giá HT,PHT. Phòng GD&ĐT trực tiếp đánh giá HT. HT đánh giá PHT . [H2-2.1-02]

Kết quả đánh giá HT, PHT hàng năm:

HT, Phó HT	Xếp loại đánh giá				
	Năm học 2017- 2028	Năm học 2018 2019	Năm học 2019 2020	Năm học 2020- 2021	Năm học 2021- 2022
Phạm Xuân Trường	Xuất sắc	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt
Trần Thị Doan	Xuất sắc	Khá	Tốt	Tốt	Tốt

c) Đào tạo, bồi dưỡng

Hiệu trưởng và PHT đã tham gia học lớp bồi dưỡng quản lý GD và được cấp chứng chỉ lớp bồi dưỡng CB quản lý; đã có chứng chỉ Tiếng Anh và Tin học theo yêu cầu; tham gia đầy đủ các khoá bồi dưỡng, tập huấn CM nghiệp vụ. Các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm cao trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo điều 11 của Điều lệ trường Tiểu học. [H2-2.1-03].

Mức 2:

a) Đánh giá, xếp loại

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2020-2021, kết quả đánh giá xếp loại chuẩn HT, PHT đều đạt từ Khá trở lên. [H2-2.1-02]

b) Đào tạo, bồi dưỡng

Đồng chí Hiệu trưởng đã tốt nghiệp lớp trung cấp lý luận chính trị - Hành chính vào tháng 8 năm 2016; đồng chí Phó hiệu trưởng đã tốt nghiệp lớp trung cấp lý luận chính trị năm 2017; các đồng chí đều có tinh thần trách nhiệm với công việc. Đồng chí Hiệu trưởng được luân chuyển và bổ nhiệm lại chức danh hiệu trưởng vào tháng 7/2020; Đồng chí Phó hiệu trưởng được bổ nhiệm lại lần 3 vào tháng 5/2020 với số phiếu tín nhiệm tại Hội đồng sư phạm nhà trường đạt 100% [H2-2.1-01]; H2-2.1-03];

Mức 3:

Từ năm học 2016-2017 đến năm học 2021-2022, kết quả đánh giá xếp loại chuẩn HT đều đạt từ khá trở lên (2 năm học xếp loại Xuất sắc, 3 năm học xếp loại Tốt). Đ/c Phó hiệu trưởng có 2 năm xếp loại xuất sắc và 1 năm xếp loại Khá; 2 năm xếp loại tốt [H2-2.1-02]

2. Điểm mạnh

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng nhiệt tình, có năng lực quản lý, trình độ CM vững vàng, sáng tạo, tâm huyết, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng đã qua lớp trung cấp lý luận chính trị, lớp bồi dưỡng quản lý GD, có đủ sức khỏe và năng lực để triển khai các hoạt động GD của nhà trường.

3. Điểm yếu

Trình độ, năng lực về ngoại ngữ của Hiệu trưởng, Phó hiệu trưởng còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- HT và PHT tiếp tục phát huy năng lực quản lý và tinh thần học tập chuyên môn, nghiệp vụ	BGH		Trong các năm học	
Tích cực tự học để bồi dưỡng trình độ ngoại ngữ	BGH		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----	-----	-----	-----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.2: Đối với GV

Mức 1:

a) Số lượng GV đảm bảo để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động GD theo quy định của Chương trình GD phổ thông cấp tiểu học; có GV làm TPT Đội TNTP Hồ Chí Minh;

b) 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định;

c) Có ít nhất 95% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên.

Mức 2:

a) Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 55%; đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 40%; trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, tỷ lệ GV trên chuẩn trình độ đào tạo được duy trì ổn định và tăng dần theo lộ trình phù hợp;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất 60% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên và có ít nhất 50% ở mức khá trở lên đối với trường thuộc vùng khó khăn;

c) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có GV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

a) Tỷ lệ GV đạt trên chuẩn trình độ đào tạo đạt ít nhất 65%, đối với các trường thuộc vùng khó khăn đạt ít nhất 50%;

b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, có ít nhất 80% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 30% đạt

chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt; đối với trường thuộc vùng khó khăn có ít nhất 70% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên, trong đó có ít nhất 20% đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức tốt.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Số lượng, cơ cấu GV

Nhà trường có đủ số lượng và cơ cấu GV để dạy các môn học và tổ chức các hoạt động GD theo quy định của Chương trình GD phổ thông cấp Tiểu học theo quy định. Năm học 2022- 2023 có 33 GV/22 lớp.[H2-2.2-01], [H1-1.7-02]. Cụ thể từ năm học 2018 – 2017 theo bảng sau:

Năm học	Tổng số GV	GV văn hóa	GV bộ môn					Tỷ lệ GV/lớp
			Âm nhạc	Mỹ thuật	Thể dục	Tiếng Anh	Tin học	
2017-2018	37	26	2	2	2	3	2	1,48
2018-2019	37	26	2	2	3	3	2	1,48
2019-2020	33	22	2	2	3	3	2	1,5
2020-2021	32	21	2	2	3	3	2	1,5
2021-2022	33	22	2	2	3	3	2	1,5
2022-2023	33	23	2	2	2	3	1	1,5

TPT Đội TNTTP Hồ Chí Minh là đồng chí Trần Thị Kim Huệ sinh ngày 09/02/1978 đồng chí được bổ nhiệm làm TPT Đội vào tháng 9 năm 2021, đã được tham gia các lớp tập huấn về công tác Đội, lớp bồi dưỡng công tác tư vấn tâm lí. Đồng chí đã tích cực tự học, tự bồi dưỡng có khả năng tổ chức các hoạt động NGLL, hoạt động Đội sôi nổi, thu hút HS tích cực tham gia. [H2-2.2-01]

b) Trình độ đào tạo

Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2019-2020, 100% GV đạt chuẩn trình độ đào tạo. Năm học 2022-2023 nhà trường có $26/33 = 78,8\%$ các đồng chí GV đạt trình độ Đại học, các đ/c GV có trình độ Cao đẳng trong lộ trình nâng chuẩn đều đã đang đi học Đại học.[H2-2.2-04].

Cụ thể, theo bảng sau

Năm học	Tổng số GV	Trình độ		
		Chưa chuẩn	Đạt chuẩn	Trên chuẩn

2017-2018	37		37/37 = 100%	31/37= 83,8%
2018-2019	37		37/37 = 100%	37/37= 100%
2019-2020	33		33/33 = 100%	33/33 = 100%
2020-2021	33		20/33= 60,6 %	
2021-2022	33		26/33 = 78.8 %	

c) Đánh giá, xếp loại

Cuối mỗi năm học nhà trường đều tổ chức đánh giá, xếp loại GV theo Chuẩn nghề nghiệp GV tiểu học theo đúng quy trình: GV tự đánh giá, xếp loại sau đó tổ CM đánh giá, xếp loại và cuối cùng HT đánh giá, xếp loại. Kết quả từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 có 100% số GV được xếp từ loại Đạt trở lên. [H2-2.2-03]

Cụ thể, theo bảng sau:

Xếp loại Năm học	Tổng số GV	Xuất sắc/Tốt		Khá		Trung bình/Đạt	
		SL	TL%	SL	TL%	SL	TL%
2017-2018	37	13	35,1%	23	62,2%	1	2,7%
2018-2019	37	12	32,4%	22	59,5%	3	8,1%
2019-2020	33	11	33,3%	16	48,5%	5	15,2%
2020-2021	33	13	40,6%	19	59,4%	0	0
2021-2022	33	13	40,6%	19	59,4%		
2022-2023	33	15	45,5	18	54,5	0	

Mức 2:

a) Trình độ đào tạo

Hàng năm, nhà trường luôn tạo điều kiện để GV tham gia học nâng cao trình độ trên chuẩn, tỷ lệ GV có trình độ trên chuẩn tăng dần theo các năm học. Đến năm học 2019-2020 số GV có trình độ trên chuẩn đạt 100%. Do năm học 2020-2021 thực hiện Luật GD 2019 nhà trường chưa có số lượng GV đạt chuẩn theo yêu cầu nhưng theo lộ trình các đồng chí đều đang đi học Đại học. [H2-2.2-04],[H1-1.7-02].

b) Đánh giá, xếp loại của GV

Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2017-2018 đến năm 2021-2022 nhà trường có 100% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức đạt trở lên, trong đó có ít nhất từ 84,8% GV đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức khá trở lên. [H2-2.2-03]

c) Trong 5 năm học liên tiếp, từ năm học 2017-2018 đến năm 2021-2022 nhà trường không có GV nào bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.2-04]

Mức 3:

a) Tính đến năm học 2019-2020, số GV có trình độ trên chuẩn đạt 100%. [H2-2.1-04], [H1-1.7-02].

Năm học 2022-2023, để nâng cao trình độ chuẩn theo nghị định 71/2020/NĐ - CP, nhà trường đã có kế hoạch sắp xếp và tạo điều kiện cho các đồng chí GV để nâng cao trình độ chuẩn. Cụ thể, theo bảng sau:

STT	Họ và tên	Môn	Trình độ đào tạo		Ghi chú
			ĐH	CĐ	
1	Đặng Thị Thơm	Văn hóa		x	Đang học ĐH
2	Phan Thị Mai	Văn hóa		x	Đang học ĐH
3	Đỗ Thu Thảo	Văn hóa		x	Đang học ĐH
4	Bùi Thị Vui	T. Anh		x	Đang học ĐH
5	Nguyễn Thị Yên	T. Anh		x	Đang học ĐH
6	Vũ Thị Hương	T. Anh		x	Đang học ĐH

b) Trong 05 năm liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 có ít nhất 84,8% GV đạt chuẩn nghề nghiệp ở mức Khá trở lên trong đó ít nhất có 40 % đạt chuẩn nghề nghiệp GV ở mức Tốt. [H2-2.2-03]

2. Điểm mạnh

- Nhà trường có đủ cơ cấu GV để dạy các môn học bắt buộc theo quy định và các môn tự chọn là điều kiện thuận lợi để nhà trường thực hiện việc dạy học 2 buổi/ngày. GV được phân công giảng dạy đúng CM đào tạo.

- GV nhà trường vững vàng về CM, nhiệt tình tâm huyết với nghề nghiệp, tích cực học hỏi, bồi dưỡng CM nghiệp vụ, có uy tín đối với HS, CMHS và có niềm tin với các cấp lãnh đạo, các ban ngành tại địa phương.

3. Điểm yếu

- Một số GV do tuổi cao nên ứng dụng CNTT trong công tác còn chậm.
- Trình độ ngoại ngữ của GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Bồi dưỡng thêm CNTT cho GV.	BGH, GV Tin		Trong các năm học	
- Tạo điều kiện để GV đi học NN	BGH, GV	Sắp xếp CM	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.3: Đối với NV

Mức 1:

a) Số lượng cơ cấu NV:

Có NV hoặc GV kiêm nhiệm để đảm nhiệm các nhiệm vụ do HT phân công;

b) Được phân công công việc phù hợp, hợp lý theo năng lực;

c) Hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

Mức 2:

- a) Số lượng và cơ cấu NV đảm bảo theo quy định;
 b) Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên.

Mức 3:

- a) Có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm;
 b) Hằng năm, được tham gia đầy đủ các khóa, lớp tập huấn, bồi dưỡng CM, nghiệp vụ theo vị trí việc làm.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

- a) Số lượng cơ cấu NV

Năm học 2022-2023, nhà trường có 3 NV và một số GV kiêm nhiệm để làm công việc hành chính. Cụ thể: NV kế toán: 01đ/c, NV văn thư kiêm phụ trách thư viện, thiết bị: 01đ/c, NV Y tế: 01đ/c, thủ quỹ: 01đ/c, NV bảo vệ (hợp đồng): 01đ/c [H2-2.3-01]

- b) Phân công nhiệm vụ

NV kế toán được phân công làm công tác kế toán. NV Y tế được phân công phụ trách Y tế học đường. NV phụ trách thư viện do Đồng chí Trần Thị Liên được phân công phụ trách thư viện kiêm nhiệm thêm công tác văn thư. NV thủ quỹ do đồng chí Đặng Thị Tuyết Hiền GV Mĩ thuật kiêm nhiệm. [H2-2.3-01]

- c) Mức độ hoàn thành

Hằng năm, HT đều phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng NV trong tổ VP, các NV đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, tích cực, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm với công việc. Tất cả các NV đều được nhà trường kiểm tra, đánh giá chất lượng, hiệu quả công việc theo kế hoạch của nhà trường và được HT xếp loại viên chức đều hoàn thành và hoàn thành tốt nhiệm vụ. [H2-2.3-01]

Kết quả đánh giá NV hằng năm, theo bảng sau:

Năm học	Tổng số NV	Xuất sắc	Tốt	Hoàn thành
2017 – 2018	3	1	2	0
2018 – 2019	3	1	2	0

2019 – 2020	3	0	2	1
2020 – 2021	3	0	3	0
2021-2022	3	1	3	0
2022-2023	3	0	3	0

Mức 2:

a) Số lượng, cơ cấu:

Cơ cấu NV của nhà trường đảm bảo đảm bảo theo quy định về hướng dẫn khung vị trí việc làm và định mức số người làm việc theo trong các cơ sở GD phổ thông công lập. [H2-2.3-01]

b) Trong các năm học liên tiếp từ năm học 2017-2018 đến năm học 2021-2022 không có NV bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên. [H2-2.3-01]

Mức 3:

a) NV nhà trường có trình độ đào tạo đáp ứng được vị trí việc làm: NV kế toán có trình độ Cao đẳng chuyên ngành kế toán. NV Y tế có trình độ Trung cấp. NV Thư viện, thiết bị có trình độ Cao đẳng. Mỗi NV của tổ VP ngoài công tác chính còn kiêm nhiệm một số công tác khác. [H2-2.3-01]

b) Hàng năm, các NV được tham gia đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng CM nghiệp vụ do cấp trên tổ chức, được nhà trường tạo điều kiện cho bồi dưỡng thêm về nghiệp vụ như sử dụng phần mềm kế toán, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm phổ cập, phần mềm kế toán. [H2-2.3-01]

2. Điểm mạnh

- Các NV đều có trình độ đào tạo đạt chuẩn và trên chuẩn theo đúng chuyên môn.

- Kế toán có trình độ nghiệp vụ vững vàng, công tác tài chính đảm bảo đúng quy định.

- NV trong trường được đảm bảo đầy đủ các chế độ chính sách theo quy định.

3. Điểm yếu

Việc tiếp cận CNTT của NV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/	Điều kiện để thực	Mốc thực hiện/thời gian hoàn	Dự kiến kinh phí
---	--	--------------------------	-------------------------------------	-------------------------

	phối hợp/ giám sát)	hiện	thành	
Làm tốt công tác bồi dưỡng CMNV,CNTT cho NV của tổ trong các năm học.	BGH, NV	Tự BD	Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	----
b	Đạt	b	Đạt	b	----
c	Đạt	----	----	----	----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 2.4: Đối với HS

Mức 1:

- a) Đảm bảo về tuổi HS theo quy định;
- b) Thực hiện các nhiệm vụ theo quy định;
- c) Được đảm bảo các quyền theo quy định.

Mức 2:

HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, được áp dụng các biện pháp GD phù hợp và có chuyển biến tích cực.

Mức 3:

HS có thành tích trong học tập, rèn luyện có ảnh hưởng tích cực đến các hoạt động của lớp và nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

2022) HS của nhà trường đảm bảo đúng quy định về độ tuổi. Từ năm học 2017-2018 đến năm học 2022-2023 tỉ lệ HS toàn trường học đúng độ tuổi đạt từ 99,3 % đến 100%. Hằng năm, nhà trường huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt 100%. [H1-1.6-01]

Tỉ lệ HS đi học đúng độ tuổi trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường	Lớp 1	Lớp 2	Lớp 3	Lớp 4	Lớp 5
---------	-------------	-------	-------	-------	-------	-------

	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2017-2018	719	99,9	114	100	138	100	154	100	143	100	170	99,4
2018-2019	717	99,9	170	100	116	100	136	99,3	151	100	144	100
2019-2020	685	100	125	99,7	167	100	113	99,8	130	99,7	150	100
2020-2021	661	100	132	100	123	99,8	165	100	113	99,8	128	99,7
2021-2022	676	100	141	100	131	100	121	100	171	100	113	100
2022-2023	667	100	113	100	142	100	124	100	120	100	168	100

b) Trong quá trình học tập và rèn luyện, HS được hình thành và phát triển các năng lực: Tự phục vụ, tự quản: thực hiện được một số việc phục vụ cho sinh hoạt của bản thân như vệ sinh thân thể, ăn, mặc; một số việc phục vụ cho học tập như chuẩn bị đồ dùng học tập ở lớp, ở nhà; các việc theo yêu cầu của GV, làm việc cá nhân, làm việc theo sự phân công của nhóm, lớp; bố trí thời gian học tập, sinh hoạt ở nhà; chấp hành nội quy lớp học; cố gắng tự hoàn thành công việc. Giao tiếp, hợp tác: mạnh dạn khi giao tiếp; ứng xử thân thiện, chia sẻ với mọi người; lắng nghe người khác. Tự học và giải quyết vấn đề: khả năng tự thực hiện nhiệm vụ học cá nhân trên lớp, làm việc trong nhóm, lớp tự đánh giá kết quả học tập và báo cáo kết quả trong nhóm hoặc với GV; tìm kiếm sự trợ giúp kịp thời của bạn, GV hoặc người khác; vận dụng những điều đã học để giải quyết nhiệm vụ trong học tập, trong cuộc sống; phát hiện những tình huống mới liên quan tới bài học hoặc trong cuộc sống và tìm cách giải quyết.[H5-5.5-01]

HS được hình thành và phát triển các phẩm chất: Chăm học, chăm làm, tích cực tham gia hoạt động giáo dục: đi học đều, đúng giờ; thường xuyên trao đổi nội dung học tập, hoạt động GD với bạn, thầy giáo, cô giáo và người khác; chăm làm việc nhà giúp đỡ cha mẹ; tích cực tham gia các hoạt động, phong trào học tập, lao động, thể thao ở trường và ở địa phương; tích cực tham gia và vận động các bạn cùng tham gia giữ gìn vệ sinh, làm đẹp trường lớp, nơi ở và nơi công cộng. Tự tin, tự trọng, tự chịu trách nhiệm: mạnh dạn khi thực hiện nhiệm vụ học tập, trình bày ý kiến cá nhân; nhận làm việc vừa sức mình; tự chịu trách

nhệm về các việc làm, không đổ lỗi cho người khác khi mình làm chưa đúng; sẵn sàng nhận lỗi khi làm sai. Trung thực, kỉ luật, đoàn kết: nói thật, nói đúng về sự việc; không nói dối, không nói sai về người khác; tôn trọng lời hứa, giữ lời hứa; thực hiện nghiêm túc quy định về học tập; không lấy những gì không phải của mình; biết bảo vệ của công; giúp đỡ, tôn trọng mọi người; quý trọng người lao động; nhường nhịn bạn. Yêu gia đình, bạn và những người khác; yêu trường, lớp, quê hương, đất nước: quan tâm chăm sóc ông bà, cha mẹ, anh em; kính trọng người lớn, biết ơn thầy giáo, cô giáo; yêu thương, giúp đỡ bạn; tích cực tham gia hoạt động tập thể, hoạt động xây dựng trường, lớp; bảo vệ của công, giữ gìn và bảo vệ môi trường; tự hào về người thân trong gia đình, thầy giáo, cô giáo, nhà trường và quê hương. [H5-5.5-01] ; [H5-5.5-03].

c) HS được đảm bảo quyền được học tập, được xét lên lớp, xét HTCTTH[H5-5.5-01] [H5-5.5-03]; được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện; được tham gia các hoạt động nhằm phát triển năng khiếu; được chăm sóc và GD hoà nhập (đối với HS khuyết tật) được hưởng chính sách xã hội theo quy định. [H5-5.4-02].

Mức 2:

Tất cả HS của nhà trường thường xuyên được quan tâm, giúp đỡ và GD về mọi mặt. HS vi phạm các hành vi không được làm được phát hiện kịp thời, các thầy cô giáo kết hợp cùng gia đình phân tích, tư vấn, GD và có chuyển biến tích cực. [H5-5.1-02]

Mức 3:

Các em HS của trường ngoan ngoãn, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp; tích cực học tập và rèn luyện; tham gia đầy đủ các hoạt động ở lớp, trường. Những HS năng khiếu, năng lực đặc biệt được tham gia các hoạt động phù hợp để phát triển khả năng, năng lực của mình. [H5-5.2-07]. Cụ thể:

Năm học	Nội dung giao lưu	Giải huyện	Giải tỉnh
2017- 2018	Chữ đúng, chữ đẹp	5 Nhất, 3 Nhì, 4 Ba, 6KK	
	Thể dục thể thao	3 Nhất, 3 Nhì, 2 KK	

	Giao lưu PTNL	2 Nhì	
	Hùng biện Tiếng Anh	1 Nhất, 1 Nhì	
2018- 2019	Hùng biện Tiếng Anh	1 Nhất	1 Nhì
	Thể dục thể thao	2 Nhì, 5KK	
	Chữ đúng, chữ đẹp	2 Nhất, 6 Nhì, 10 Ba, 2KK	
2019- 2020	Hùng biện Tiếng Anh	3 Nhì	1 Nhì, 1 Ba, 1 KK
	Chữ đúng, chữ đẹp	2 Nhất, 8 Nhì, 16 Ba, 1 KK	
2020- 2021	Thể dục Thể thao	5 Nhất, 2 Nhì	
	Hùng biện Tiếng Anh	2 Nhì, 1 Ba, 1 KK	1 Ba
	Chữ đúng, chữ đẹp	2 Nhất, 2 Nhì, 4 Ba, 7 KK	
2021- 2022	Chữ đúng, chữ đẹp	3 Nhất, 2 Nhì; 13 Ba; 4KK	
	Tiếng Anh qua mạng	2 Nhì; 3Ba; 1KK	3Ba, 3KK
	Kể chuyện Bác Hồ	1Nhì	
	Hùng biện Tiếng Anh	1 Nhì, 2 KK	1 Nhất
2022- 2023	Thể dục Thể thao	2 Nhì, 1 KK	
	Hùng biện Tiếng Anh	2 Nhì, 1 Ba	2KK
	Chữ đúng, chữ đẹp	3 Nhất, 2 Nhì, 7 Ba, 11 KK	1Ba
	Giải Toán, Khoa học bằng T.Anh	4 Nhất	1Ba, 1KK
	Dũng sĩ nghìn việc tốt		2KK Tỉnh, 1 Quốc gia

2. Điểm mạnh

- HS ngoan ngoãn, mạnh dạn tự tin, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp. Tích cực tham gia các hoạt động NGLL, các hoạt động giao lưu do trường và cấp trên tổ chức.

- Hằng năm, trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt 100%.

- Hàng năm có nhiều HS đạt giải hùng biện Tiếng Anh cấp huyện. Số lượng HS đạt giải chữ viết đẹp nhiều. Các năm đều có HS đạt giải thể thao cấp huyện, cấp tỉnh.

3. Điểm yếu

Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu về các môn nghệ thuật còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tiếp tục động viên, khuyến khích HS có năng khiếu tham gia câu lạc bộ các môn học.	BGH, GV, CMHS	HS, CMHS tự nguyện tham gia	Trong các năm học	
- Tổ chức có hiệu quả hoạt động các câu lạc bộ	BGH, GV		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3**KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 2***** Điểm mạnh**

- BGH nhà trường có đủ sức khỏe, năng lực để triển khai có hiệu quả các hoạt động GD .

- Đến năm học 2019-2020, 100% GV trong trường đã được đào tạo với trình độ chuẩn và trên chuẩn, đáp ứng với yêu cầu GD hiện nay. Đội ngũ GV tâm huyết với nghề, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc. Từ năm học 2021-2022, thực hiện lộ trình nâng trình độ chuẩn của GV tiểu học theo nghị định 71/2020/NĐ-CP, nhà trường đã xây dựng kế hoạch cho 10 GV có trình độ Cao đẳng tiếp tục vừa làm, vừa học để nâng trình độ chuẩn Đại học.

- Các NV đều có trình độ đào tạo trung cấp trở lên. Các chế độ, chính sách cho GV, NV được đảm bảo đầy đủ theo quy định.

- HS ngoan ngoãn, mạnh dạn tự tin, chấp hành tốt mọi quy định của trường lớp.

- Hằng năm, trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đều đạt 100%.

- HS của nhà trường luôn được bảo vệ, chăm sóc, tôn trọng và đối xử bình đẳng; được đảm bảo những điều kiện về thời gian, CSVC, vệ sinh, an toàn để học tập và rèn luyện.

*** Điểm yếu**

- Trình độ ngoại ngữ của BGH còn hạn chế.

- Việc phát hiện và bồi dưỡng HS năng khiếu các môn nghệ thuật còn hạn chế.

Kết quả:

Tiêu chí	Đạt			
	Mức 1	Mức 2	Mức 3	Mức 4
Tiêu chí 2.1	x	x	x	----
Tiêu chí 2.2	x	x	---	----
Tiêu chí 2.3	x	x	x	----
Tiêu chí 2.4	x	x	x	----

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 4

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 3: Cơ sở vật chất và thiết bị dạy học

Mở đầu

CSVC và trang thiết bị là yếu tố đóng vai trò hỗ trợ tích cực cho quá trình dạy học, là điều kiện cần thiết để nâng cao chất lượng dạy học, nó cũng là phương tiện giúp nhà trường thực hiện thành công hoạt động GD và dạy học.

Hệ thống CSVC của trường đầy đủ theo đúng quy định của trường Tiểu học đạt chuẩn Quốc gia mức độ I, trường chuẩn “Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn”. Các biện pháp duy trì, tăng cường hiệu quả sử dụng CSVC và trang thiết bị GD hiện có được sử dụng một cách có hiệu quả.

Tiêu chí 3.1: Khuôn viên, sân chơi, sân tập

Mức 1:

a) *Khuôn viên đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động GD;*

b) *Có cổng trường, biển tên trường và tường hoặc hàng rào bao quanh;*

c) *Có sân chơi, sân tập thể dục thể thao.*

Mức 2:

a) *Diện tích khuôn viên, sân chơi, sân tập theo quy định;*

b) *Sân chơi, sân tập đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả.*

Mức 3 (nếu có):

Sân chơi, sân tập bằng phẳng, có cây bóng mát, có đồ chơi, thiết bị vận động.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Trường đặt ở trung tâm xã, có tổng diện tích toàn trường là 11093 m², tại thửa đất số 271 tờ bản đồ số 17 vào sổ số cấp GCN: CT 001579 ngày 10/3/2014 của UBND tỉnh Nam Định và tờ bản đồ số 16 thửa đất số 151+152 được trích lục bản đồ của UBND xã Giao Xuân theo BĐDC lập năm 1997, bình quân 16m²/HS. Khuôn viên nhà trường xanh, sạch, đẹp thoáng mát đã được Sở GD&ĐT cấp bằng công nhận trường tiểu học đạt chuẩn Xanh- Sạch- Đẹp - An toàn theo Quyết định số 26/QĐSGD&ĐT ngày 15 tháng 01 năm 2014. Trường có vườn thực nghiệm diện tích 60m², vườn cây ăn quả với diện tích 550 m² trồng các loại cây ăn quả như xoài, mít, bưởi, hồng xiêm,... để HS được quan sát, thực hành và học tập. Sân trường với diện tích 3350 m² được trồng nhiều cây

xanh, cây hoa, cây cảnh... trong đó chủ yếu là cây có bóng mát được sắp xếp hợp lý, vừa tạo bóng mát cho HS vui chơi, vừa tổ chức các hoạt động GD cho HS và tổ chức các tiết học ngoài không gian lớp học, đồng thời GD các em tình yêu thiên nhiên, ý thức giữ gìn, bảo vệ môi trường. [H3-3.1-01]

b) Trường có cổng, biển, tên trường được trình bày theo đúng nội dung quy định tại khoản 2 Điều 5 của Điều lệ trường tiểu học bao gồm tên UBND huyện, Phòng GD&ĐT, tên trường và địa chỉ, số điện thoại của nhà trường. Xung quanh trường được xây dựng tường bao và dậu hộp kẽm cao 1,7 mét; chiều dài 340 m kiên cố bảo đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. [H3-3.1-01]

c) Có sân chơi diện tích 3350 m², sân tập thể dục thể thao riêng biệt với diện tích 1000 m², hố nhảy, có bàn bóng bàn để cho HS vui chơi, học tập an toàn, thân thiện. [H3-3.1-02]

Mức 2

a) Sân chơi với diện tích 3350 m², sân tập thể dục thể thao với diện tích 1000 m² đảm bảo cho HS vui chơi, học tập an toàn, thân thiện. Tổng diện tích sân chơi bãi tập của nhà trường chiếm 43,1% diện tích toàn trường. Thảm cỏ, diện tích trồng cây xanh chiếm 75%. [H3-3.1-01]

b) Sân chơi, sân tập rộng rãi đảm bảo cho HS luyện tập thường xuyên và hiệu quả. [H3-3.1-01]

Mức 3

Sân chơi được lát gạch đỏ và ghép miếng bê tông chống trơn trượt, đảm bảo thẩm mỹ. Sân tập bằng phẳng, sạch sẽ, đảm bảo an toàn,. Nhà trường đã có thiết bị cho học sinh luyện tập như: Bộ loa mic, bóng đá, bể bơi thông minh, có bàn luyện tập bóng bàn. Sân tập trồng cỏ và được cắt thường xuyên, có cây bóng mát trồng xung quanh sân, hệ thống thoát nước tốt. [H3-3.1-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có diện tích rộng, thoáng mát, sạch sẽ.

Khuôn viên trường được quy hoạch rất hợp lý, có cổng trường, biển tên trường, tường bao quanh đảm bảo an toàn, thẩm mỹ.

Diện tích sân chơi, sân tập thể dục đảm bảo quy định, cây bóng mát, cây cảnh hợp lý, phân bố đều trên sân tạo không gian mát mẻ, không khí trong lành. Có thiết bị vận động cho HS tập luyện, vui chơi.

3. Điểm yếu:

Đối chiếu với thông tư 13/2020/TT- BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhà trường còn thiếu nhà đa năng do đó ảnh hưởng đến việc tổ chức các hoạt động GD cho HS.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp trên xây dựng nhà đa năng.	BGH		Tháng 5 năm 2023	7 tỉ đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Không đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Không đạt	

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.2: Phòng học

Mức 1:

- a) Đủ mỗi lớp một phòng học riêng, quy cách phòng học theo quy định;
- b) Bàn, ghế HS đúng tiêu chuẩn và đủ chỗ ngồi cho HS; có bàn ghế phù hợp cho HS khuyết tật học hòa nhập (nếu có); bàn, ghế GV, bảng lớp theo quy định;
- c) Có hệ thống đèn, quạt (ở nơi có điện); có hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học.

Mức 2:

- a) Diện tích phòng học đạt tiêu chuẩn theo quy định;

b) Tủ đựng thiết bị dạy học có đủ các thiết bị dạy học;

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS theo quy định.

Mức 3 (nếu có):

Có các phòng riêng biệt để dạy các môn âm nhạc, mỹ thuật, khoa học và ngoại ngữ; có phòng để hỗ trợ cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu (nếu có).

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có 22 phòng học đủ mỗi lớp một phòng học riêng. Hệ thống phòng học được xây dựng kiên cố, an toàn. Các phòng học được trang trí đúng quy cách theo mô hình lớp học kiểu mới: trong mỗi phòng học được bố trí theo các góc để phục vụ việc học tập và các hoạt động GD như góc học tập, góc sinh nhật, góc cộng đồng, hòm thư cá nhân, góc sáng tạo,..các góc được bố trí hợp lí, tạo không gian thân thiện, tiện lợi, an toàn khi sử dụng. Phòng học đảm bảo đủ ánh sáng, thoáng mát về mùa hè, ấm áp về mùa đông, an toàn cho GV và HS theo quy định về vệ sinh trường học.

b) Nhà trường có đủ bàn ghế cho HS sử dụng đảm bảo theo sĩ số của từng lớp. Tất cả các phòng học của nhà trường đều là bàn 2 chỗ ngồi, ghế HS 1chỗ ngồi, đảm bảo an toàn và phù hợp với HS theo từng độ tuổi. Kích thước, màu sắc, kiểu dáng phù hợp với quy định trong TCVN 7490. [H3-3.2-01]

Mỗi lớp học có bàn và ghế GV; 100% bảng trong các lớp học là bảng từ sơn xanh chống loá. [H3-3.2-01]

c) Các phòng học đều được trang bị đầy đủ hệ thống đèn chống cận, hệ thống quạt. Bình quân mỗi phòng học lắp 11 bóng điện chống cận; 4 quạt trần và 1 quạt treo tường. Mỗi phòng học đều có tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học và các góc hỗ trợ hoạt động GD đảm bảo khoa học, thẩm mỹ, tiện lợi khi sử dụng. [H3-3.2-01]

Mức 2

a) Phòng học với diện tích 60m²/phòng đạt tiêu chuẩn theo quy định (1,25 m²/HS)

b) Mỗi phòng học đều có tủ đựng thiết bị dạy học kích thước hợp lí, các thiết bị dạy học được phân chia thành các góc học tập tương ứng với từng môn học. Các thiết bị dạy học được sắp xếp hợp lí, gọn gàng thuận tiện khi sử dụng. [H3-3.2-01]

c) Kích thước, vật liệu, kết cấu, kiểu dáng, màu sắc bàn, ghế HS theo quy định của thông tư 26/2011/TTLT- BGDĐT- BKHCN-BYT ngày 16/6/2011. Bàn ghế có kích thước phù hợp, chất liệu nhẹ nhàng, thuận tiện, an toàn khi di chuyển. Màu sắc, kiểu dáng phù hợp với HS tiểu học. [H3-3.2-01]

Mức 3

Nhà trường có các phòng riêng biệt để dạy các môn như phòng Tin học, phòng Âm nhạc, phòng Mỹ thuật, phòng Ngoại ngữ đều có diện tích 60m², phòng hỗ trợ GD HS khuyết tật học hoà nhập diện tích 25m². [H3-3.2-01]

2. Điểm mạnh

Số lượng phòng học đạt tỉ lệ 1 phòng/ lớp, đáp ứng đầy đủ cho HS học 2 buổi/ ngày. Bàn ghế đúng quy cách.

Phòng học đảm bảo đúng quy định, đảm bảo an toàn cho GV, HS theo quy định về vệ sinh trường học.

Thiết bị trong các phòng học được trang bị để phục vụ học tập và được bổ sung hàng năm.

3. Điểm yếu

Phương tiện hiện đại phục vụ cho hoạt động dạy và học trong các phòng học bộ môn còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với cấp trên	BGH		Năm học tới	
Làm tốt công tác xã hội hóa bổ sung CSVC, trang thiết bị (đặc biệt là các thiết bị hiện đại) phục vụ cho các hoạt động GD.	BGH, GV, PH		Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt

a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.3: Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị

Mức 1:

a) Có phòng GD nghệ thuật, phòng học tin học, phòng thiết bị GD, phòng truyền thống và hoạt động Đội đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động GD;

b) Khối phòng hành chính - quản trị đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường;

c) Khu để xe được bố trí hợp lý, đảm bảo an toàn, trật tự.

Mức 2:

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định; khu bếp, nhà ăn, nhà nghỉ (nếu có) phải đảm bảo điều kiện sức khỏe, an toàn, vệ sinh cho GV, NV và HS;

b) Có nơi lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung.

Mức 3 (nếu có):

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường.

1.Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có phòng GD Mỹ thuật, phòng Âm nhạc, phòng học Tin học, phòng Ngoại ngữ, phòng thiết bị GD, phòng truyền thống và hoạt động Đội có diện tích 60 m², phòng Âm nhạc có 15 đàn Organ để HS học, các thiết bị được lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Phòng Mỹ thuật có 35 giá vẽ, bàn ghế được thiết kế thuận tiện cho HS vẽ và làm các sản phẩm. [H3-3.3-01]

b) Khối phòng hành chính quản trị gồm: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng Hội đồng, phòng kế toán, phòng thiết bị, phòng bảo vệ, phòng Y tế đáp ứng các yêu cầu tối thiểu các hoạt động hành chính - quản trị của nhà trường. Các phòng đều được trang bị bàn ghế, tủ, máy vi tính và các phương tiện làm việc phù hợp. [H3-3.3-02]

c) Nhà để xe cho GV diện tích 70 m², nhà để xe của HS diện tích 420 m² đủ chỗ để sắp xếp xe cho GV, HS. Nhà để xe của GV và HS được tu sửa hàng năm đảm bảo che nắng, che mưa và được bố trí địa điểm hợp lý, an toàn, xe được sắp xếp gọn gàng, trật tự.

Mức 2

a) Khối phòng phục vụ học tập và khối phòng hành chính - quản trị theo quy định:

Phòng Hội đồng, phòng thiết bị, phòng truyền thống và hoạt động Đội có diện tích 50m²/phòng. Phòng Hiệu trưởng, phòng phó hiệu trưởng, phòng y tế học đường, phòng kế toán, phòng kho, phòng bảo vệ có diện tích 25m² đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, an toàn, tiện lợi khi sử dụng. [H3-3.3-02]

b) Nhà trường sử dụng các tủ để lưu trữ hồ sơ, tài liệu chung. Ngoài ra hồ sơ, tài liệu riêng của từng bộ phận như kế toán, quản lý, y tế, phổ cập, thư viện,... được bảo quản ở phòng riêng. [H3-3.3-02]

Mức 3:

Nhà trường có tất cả 21 máy tính, 4 máy in, 1 máy phô tô copy, trong đó có 4 máy tính, 4 máy in, 1 máy photo copy phục vụ cho công tác quản lý hành chính và phục vụ cho công tác soạn giảng, tra cứu tài liệu,... Phòng Tin học 17 máy tính, 1 máy chiếu và đầy đủ bàn ghế. Phòng Âm nhạc có đàn, bàn ghế, hệ thống điện được lắp đặt an toàn, thuận tiện khi sử dụng. Tất cả máy tính các phòng đều được kết nối internet để phục vụ cho việc học tập của HS và làm việc của CB, GV, NV.

Phòng học Ngoại ngữ có đầy đủ bàn ghế, loa đài, Tivi thông minh có kết nối Internet.

Phòng y tế của nhà trường có diện tích 25m². Có các trang thiết bị như: tủ thuốc, giường bệnh, cân, đo điện tử, dụng cụ sơ cứu... Tủ thuốc của nhà trường được kiểm tra thường xuyên, đảm bảo đủ cơ số thuốc, hạn sử dụng của thuốc

theo quy định của quyết định số 1221/QĐ- BYT ngày 7/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành danh mục trang thiết bị, thuốc thiết yếu dùng trong phòng y tế học đường của các trường tiểu học.

Thư viện nhà trường có các đầu sách phục vụ học tập, tham khảo, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ, sách giáo khoa để hỗ trợ HS khó khăn, có máy tính kết nối internet, có màn hình máy chiếu để phục vụ hoạt động của thư viện.

Khối phòng phục vụ học tập, phòng hành chính - quản trị giúp HS được thực hành luyện tập, được bồi dưỡng năng khiếu, được chăm sóc sức khỏe, được đọc sách, truyện, tìm kiếm tài liệu phục vụ cho việc học tập và giải trí. [H3-3.3-02]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đang xây dựng phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học

Có đầy đủ các loại máy VP (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối internet phục vụ các hoạt động GD.

3. Điểm yếu

Các thiết bị trong khối phòng hành chính quản trị đã xuống cấp như hệ thống tủ, máy in, bàn làm việc.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tuyên truyền, xã hội hóa các cá nhân ,tổ chức, các nhà hảo tâm quyên góp, tài trợ.	BGH,GV		Trong năm học 2022-2023	50 triệu đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1			Mức 2		Mức 3		
Chỉ báo	Đạt/ không đạt	Không	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Không

a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.4: Khu vệ sinh, hệ thống cấp thoát nước

Mức 1:

a) Khu vệ sinh riêng cho nam, nữ, GV, NV và HS đảm bảo không ô nhiễm môi trường; khu vệ sinh đảm bảo sử dụng thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập;

b) Có hệ thống thoát nước đảm bảo vệ sinh môi trường; hệ thống cấp nước sạch đảm bảo nước uống và nước sinh hoạt cho GV, NV và HS;

c) Thu gom rác và xử lý chất thải đảm bảo vệ sinh môi trường.

Mức 2:

a) Khu vệ sinh đảm bảo thuận tiện, được xây dựng phù hợp với cảnh quan và theo quy định;

b) Hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng quy định của Bộ GD&ĐT và Bộ Y tế.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Nhà trường có khu vệ sinh xây dựng đúng quy cách, riêng biệt cho GV và HS. Khu vệ sinh dành cho GV rộng 120m², được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ. 2 khu vệ sinh dành cho HS rộng 180m², được chia thành 2 khu riêng cho nam và nữ với các thiết bị hiện đại đảm bảo an toàn, tiện lợi khi sử dụng và thuận lợi cho HS khuyết tật học hòa nhập. Khu vệ sinh của GV và HS đều là khu vệ sinh tự hoại đảm bảo an toàn, hàng ngày được quét dọn, vệ sinh sạch sẽ không bốc mùi gây ô nhiễm môi trường, không ảnh hưởng đến sức khỏe. [H3-3.4-01]

b) Hệ thống thoát nước của nhà trường được thiết kế khoa học, các rãnh nước có nắp đậy, không có tình trạng ú đọng nước khi trời mưa, đảm bảo tốt công tác vệ sinh môi trường.

Nhà trường sử dụng nước uống và nước sinh hoạt là nước máy sạch, được lọc qua hệ thống máy lọc tinh khiết đảm bảo an toàn. Nước được chứa trong các téc có nắp đậy, được đánh rửa thường xuyên. [H3-3.4-02]

c) Nhà trường bố trí đủ các thùng rác có nắp đậy để đựng rác. Hàng ngày rác được thu gom và chở đến bãi rác để xử lý. [H3-3.4-01]

Mức 2

a) Khu vệ sinh của HS được xây dựng ở góc phía sau trường, Khu vệ sinh của GV được xây dựng kết nối với 2 dãy phòng học phù hợp với cảnh quan nhà trường với diện tích và các thiết bị theo quy định của nhà vệ sinh đạt chuẩn. [H3-3.4-01]

b) Trường có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không để nước ú đọng xung quanh trường lớp. Khu tập trung rác thải được bố trí cách biệt và có lối ra vào riêng và nằm ở cuối chiều gió. Rác được thu gom hằng ngày và phân loại những rác thải có thể xử lý thì xử lý tại chỗ, những rác thải không xử lý được tại chỗ thì vận chuyển tới nơi xử lý tập trung. Không để rác thải, nước thải tồn đọng trong khu vực trường gây ô nhiễm môi trường. [H3-3.4-01]

2. Điểm mạnh

Có công trình vệ sinh cho CB, GV, NV và HS riêng, có nhà vệ sinh riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường, thuận tiện, an toàn, sạch sẽ.

Sử dụng 100% nước sạch cho sinh hoạt và khu vệ sinh; việc thu gom, xử lý rác thải đảm bảo yêu cầu.

3. Điểm yếu:

Nhà vệ sinh của học sinh đã xuống cấp, thiết bị nhà vệ sinh chưa được hiện đại.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Xây mới nhà vệ sinh HS	BGH, PHHS	Vận động các nhà hảo tâm	Trong năm học 2022-2023	200 triệu

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 3.5: Thiết bị

Mức 1:

a) Có đủ thiết bị VP và các thiết bị khác phục vụ các hoạt động của nhà trường;

b) Có đủ thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tối thiểu theo quy định;

c) Hàng năm các thiết bị được kiểm kê, sửa chữa.

Mức 2:

a) Hệ thống máy tính được kết nối Internet phục vụ công tác quản lý, hoạt động dạy học;

b) Có đủ thiết bị dạy học theo quy định;

c) Hàng năm, được bổ sung các thiết bị dạy học và thiết bị dạy học tự làm.

Mức 3 (nếu có):

Thiết bị dạy học, thiết bị dạy học tự làm được khai thác, sử dụng hiệu quả đáp ứng yêu cầu đổi mới nội dung phương pháp dạy học và nâng cao chất lượng GD của nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường có các thiết bị VP và các thiết bị khác như: 01 bộ bàn ghế phòng họp, 3 bộ bàn ghế làm việc trong các phòng hành chính- quản trị; 9 tủ đựng tài liệu, đồ dùng học tập; 21 máy vi tính; 04 máy in; 01 máy photo copy; 02 máy chiếu; 01 bộ thiết bị âm thanh; 02 loa di động; 01 cây nước nóng lạnh phục vụ cho GV,... Các thiết bị trên đều hoạt động tốt. [H3-3.5-01]

b) Nhà trường có 25 bộ đồ dùng dạy học được cấp phát từ năm 2002 bắt đầu thay sách. Ngoài ra, nhà trường còn có một số đồ dùng, thiết bị dạy học chung cho môn Thể dục, Âm nhạc, Tin học, hoạt động tập thể. Tuy nhiên, đến nay nhiều đồ dùng dạy học được cấp phát đã hỏng và không phù hợp [H3-3.5-01]

c) Cuối mỗi năm học, nhà trường tổ chức kiểm kê toàn bộ đồ dùng dạy học của các lớp. Đánh giá việc sử dụng và bảo quản của GV. Tiến hành thanh lý các thiết bị, đồ dùng hỏng và xây dựng kế hoạch bổ sung đồ dùng dạy học cho năm học tới. Đầu tháng 8 nhà trường tổ chức bàn giao và phát động tu sửa, cải tiến, làm bổ sung đồ dùng chuẩn bị cho năm học mới. [H3-3.5-01]

Mức 2:

a) 100% máy tính của nhà trường đều được kết nối Internet cáp quang tốc độ cao, đường truyền ổn định phục vụ hoạt động quản lý, hoạt động dạy học của nhà trường (trong đó có 4 máy tính phục vụ hoạt động quản lý và 17 máy tính phục vụ dạy học). [H3-3.5-01]

b) Trường có đủ thiết bị dạy học từng môn, có thiết bị dạy học dùng chung theo quy định của thông tư 15/2009/TT- BGDĐT. [H3-3.5-01]

c) Hàng năm, nhà trường kiểm kê vào cuối năm học trên cơ sở đó dành kinh phí mua sắm, bổ sung thêm thiết bị dạy học và phát động GV tự làm đồ dùng dạy học. [H3-3.5-01]

Mức 3

Hàng năm, sau khi phân công chuyên môn cho GV, nhà trường tổ chức bàn giao lớp học, bàn giao đồ dùng cho GV. Đồ dùng bàn giao cho GV được sắp xếp vào hệ thống tủ ngay trên phòng học, giúp GV thuận tiện trong việc sử dụng và

bảo quản và được GV nghiên cứu cách sử dụng theo tổ khối trong buổi sinh hoạt chuyên môn. Nhà trường chỉ đạo cho các tổ khối trong mỗi buổi sinh hoạt chuyên môn phải lên được kế hoạch chuẩn bị đồ dùng dạy học và thảo luận cách sử dụng đồ dùng dạy học như thế nào trong tiết dạy để đem lại hiệu quả cao. Nhà trường đã tiến hành kiểm tra việc sử dụng đồ dùng dạy học của GV rất nghiêm túc. Bằng các hình thức: dự giờ thăm lớp, kiểm tra chuyên đề, kiểm tra hồ sơ, sổ sách, kiểm tra kiến thức HS,... nhà trường đã thực hiện tốt công tác khuyến khích, thúc đẩy GV tích cực sử dụng và sử dụng có hiệu quả đồ dùng dạy học. Ngoài ra, hàng năm nhà trường còn khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học thông qua các hình thức triển lãm, thi sử dụng các đồ dùng dạy học tự làm, tổ chức khen thưởng xứng đáng cho những đồ dùng dạy học tự làm có hiệu quả sử dụng cao. GV trong nhà trường đã tự làm được đồ dùng dạy học hiệu quả năm học 2017- 2018, nhà trường đã tham gia dự thi đồ dùng do Sở GD&ĐT tổ chức trong đó bộ đồ dùng dạy học tự làm của lớp 3B do cô Đặng Thị Thơm chủ nhiệm đạt giải nhất cấp tỉnh. Các thiết bị dạy học giúp cho các tiết học diễn ra sinh động, nhẹ nhàng, HS được quan sát, được thực hành trải nghiệm nên HS rất hào hứng, tích cực chủ động học tập vì vậy HS nhớ và nắm vững kiến thức. [H3-3.5-01]

2. Điểm mạnh

Nhà trường có đủ đồ dùng dạy học cho mỗi lớp, mỗi GV và HS theo danh mục đồ dùng của Bộ GD&ĐT quy định. Có các thiết bị dạy học hiện đại như máy tính, đàn Organ có các thiết bị hỗ trợ các hoạt động tập thể như loa, đài, âm li,... Các đồ dùng, thiết bị dạy học của nhà trường đáp ứng tốt các hoạt động GD trong trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Ngoài hệ thống tủ đồ dùng thiết bị dạy học ở từng lớp, nhà trường còn bảo quản tại các phòng chức năng để tiện cho việc sử dụng.

Nhà trường đã có quy định khuyến khích và thúc đẩy GV sử dụng thiết bị, đồ dùng dạy học trong các giờ lên lớp. Luôn khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học và thực hiện đầy đủ quy định việc sử dụng thiết bị dạy học.

Nhà trường đã thường xuyên kiểm kê, sửa chữa, nâng cấp, bổ sung đồ dùng, thiết bị dạy học, hàng năm.

3. Điểm yếu

Đồ dùng, thiết bị giảng dạy được cấp bị hư hỏng nhiều và một số không còn phù hợp.

Thiết bị dạy học tự làm của GV chưa đa dạng, độ bền không cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Khuyến khích GV tự làm đồ dùng dạy học và tích cực sử dụng đồ dùng	Cán bộ, giáo viên	không	Trong các năm học	0
Tham mưu với các cấp có thẩm quyền, địa phương và CMHS hỗ trợ kinh phí để mua sắm thêm một số đồ dùng cần thiết.	Hiệu trưởng	không	Tháng 8 hằng năm	15 triệu đồng

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	-----	
c	Đạt	c	Đạt	-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 3.6: Thư viện

Mức 1:

a) Được trang bị sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh GD, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo tối thiểu phục vụ hoạt động nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của nhà trường;

b) Hoạt động của thư viện đáp ứng yêu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB quản lý, GV, NV, HS;

c) Hàng năm thư viện được kiểm kê, bổ sung sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh GD, băng đĩa giáo khoa và các xuất bản phẩm tham khảo.

Mức 2:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học đạt chuẩn trở lên.

Mức 3:

Thư viện của nhà trường đạt Thư viện trường học tiên tiến trở lên; hệ thống máy tính của thư viện được kết nối Internet đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CB quản lý, GV, NV và HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1

a) Thư viện của nhà trường với tổng số sách là 7443 bản gồm sách, báo, tạp chí, bản đồ, tranh ảnh GD, băng đĩa giáo khoa và tài liệu tham khảo đáp ứng cho công tác giảng dạy và học tập của GV, NV, HS. Thư viện đã có nội quy rất cụ thể, rõ ràng. Sách được phân loại và sắp xếp vào các tủ, giá thuận lợi khi tìm kiếm và sử dụng. Năm học 2018 - 2019 nhà trường được Thư viện tỉnh Nam Định tặng 1000 cuốn sách để bổ sung vào thư viện nhà trường. Thư viện nhà trường được công nhận thư viện trường tiểu học đạt chuẩn Tiên tiến cấp tỉnh theo Quyết định số 77/QĐ/TVTT của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định ngày 24 tháng 01 năm 2018. [H3-3.6-01]

b) Thư viện nhà trường có diện tích 100 m² đáp ứng nhu cầu tối thiểu về nghiên cứu, hoạt động dạy học, các hoạt động khác của CBQL, GV, NV, HS.

Hàng tuần thư viện mở cửa từ thứ 2 đến thứ 6 phục vụ cho CB, GV, NV và HS. Có lịch đọc cụ thể cho từng khối lớp theo các buổi khác nhau. Có đủ sổ sách theo quy định đối với thư viện trường. Sổ theo dõi mượn, trả sách của GV và HS. Sổ nhật kí theo dõi các hoạt động của thư viện và kế hoạch công tác của thư viện. Tủ sách lớp được phân loại và sắp xếp hợp lí, kế hoạch sử dụng, bảo quản do ban thư viện lớp thực hiện. Sách trong các lớp hàng kì được đảo và luân chuyển trong khối và toàn trường.

Các trang thiết bị phục vụ cho việc quản lý, bảo quản tài liệu thư viện, việc đọc sách tại chỗ của GV, NV, HS trong thư viện luôn được quan tâm đầu tư. Đặc biệt, các thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động GD tiểu học luôn được cập nhật đầy đủ để phục vụ hiệu quả các hoạt động GD của GV, NV và HS. [H3-3.6-01]

c) Hằng năm thư viện được kiểm kê, mua, vận động bổ sung nhiều loại sách báo và tài liệu tham khảo. Nhà trường được các nhà hảo tâm tặng tủ sách cho các lớp và bổ sung thêm vào thư viện trường. [H3-3.6-01]

Mức 2

Thư viện nhà trường được công nhận Thư viện trường Tiểu học đạt chuẩn Tiên tiến cấp tỉnh năm học 2017-2018 theo Quyết định số 77/QĐ/TVTT của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định ngày 24 tháng 01 năm 2018. [H3-3.6-01]

Mức 3

Thư viện có máy tính được kết nối internet, máy chiếu để quản lý sách, thực hiện các tiết học tại thư viện, phục vụ việc tìm kiếm tài liệu. [H3-3.6-01]

2. Điểm mạnh

Thư viện nhà trường đầu tư, thiết kế các loại tủ và giá sách đa dạng loại hình, kiểu dáng thu hút HS vào đọc sách.

Thư viện có diện tích rộng, chỗ ngồi đọc sách được thiết kế phù hợp với HS, các loại sách báo đa dạng, phong phú được cập nhật thường xuyên.

Các lớp đều có tủ sách lớp học với nhiều đầu sách phục vụ cho việc học tập.

Trang thiết bị trong thư viện đảm bảo đầy đủ theo yêu cầu của thư viện đạt chuẩn, thư viện tiên tiến, thư viện thân thiện.

3. Điểm yếu:

Cơ sở vật chất chưa đáp ứng với Thư viện Xuất sắc

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Có kế hoạch xây dựng thư viện nhà trường Tiên Tiến Xuất sắc	Hiệu trưởng		Trong các năm học 2023-2024	
Tăng diện tích cho Thư viện và tăng đầu sách	NV thư viện		Trong năm học 2023-2024	100 triệu

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 2**KẾT LUẬN TIÊU CHUẨN 3****Điểm mạnh**

Khuôn viên của nhà trường được quy hoạch hợp lý. Có cổng trường, biển trường và tường bao quanh theo đúng quy định tại Điều lệ trường Tiểu học, đảm bảo an toàn và thẩm mỹ. Diện tích của trường đảm bảo yêu cầu.

Đủ số lượng phòng học theo quy định. Chất lượng và thiết bị của phòng học đảm bảo quy định của Điều lệ trường Tiểu học. Nhà trường có đủ phòng phục vụ học tập, phòng hành chính theo quy định của Điều lệ trường Tiểu học.

Có đầy đủ các loại máy VP (máy tính, máy in) phục vụ công tác quản lý và giảng dạy, máy tính nối internet phục vụ các hoạt động GD.

Nhà trường có công trình vệ sinh riêng cho CB, GV, NV, HS, riêng cho nam và nữ. Công trình vệ sinh rộng rãi, được quy hoạch ở vị trí phù hợp với cảnh quan trường học, thuận lợi, an toàn, sạch sẽ.

Có nhà để xe cho CB, GV, NV và HS đảm bảo an toàn, thuận tiện.

Có nguồn nước sạch đáp ứng nhu cầu sử dụng của CB, GV, NV và HS; hệ thống thoát nước, thu gom rác đảm bảo yêu cầu.

Hoạt động của thư viện của nhà trường đã đáp ứng nhu cầu nghiên cứu, dạy học của CB, GV, NV và HS.

Điểm yếu

Nguồn kinh phí của nhà trường hạn chế nên việc bổ sung CSVC, trang thiết bị dạy học còn ở mức độ.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 3.1		X	X	---
Tiêu chí 3.2		X	X	X
Tiêu chí 3.3		X	X	X
Tiêu chí 3.4		X	X	---
Tiêu chí 3.5		X	X	X
Tiêu chí 3.6		X	X	X

Số lượng tiêu chí đạt yêu cầu: 6

Số lượng tiêu chí không đạt yêu cầu: 0

Tiêu chuẩn 4: Quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Mở đầu

Nhà trường đã phối hợp với Ban đại diện CMHS trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD HS, giúp cho việc thực hiện các nhiệm vụ năm học diễn ra đúng tiến độ, hoàn thành các chỉ tiêu đề ra. CMHS cùng với nhà trường tham mưu với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương để huy động các nguồn lực phục vụ các hoạt động GD của nhà trường.

Trong những năm qua, nhờ có sự chỉ đạo chặt chẽ, đồng bộ từ phía Đảng và chính quyền địa phương, sự phối hợp giữa nhà trường và Ban đại diện CMHS, chất lượng GD HS đã đạt hiệu quả tốt. Đồng thời đã huy động được nguồn lực lớn về tinh thần, vật chất, góp phần xây dựng thành công trường Tiểu học Giao Xuân đạt trường chuẩn Quốc gia mức độ I, trường Xanh - Sạch - Đẹp - An toàn.

Tiêu chí 4.1: Ban đại diện cha mẹ học sinh

Mức 1:

a) Được thành lập và hoạt động theo quy định tại Điều lệ Ban đại diện CMHS;

b) Có kế hoạch hoạt động theo năm học;

c) Tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động đúng tiến độ.

Mức 2:

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường trong việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS; huy động HS đến trường, vận động HS đã bỏ học trở lại lớp.

Mức 3 (nếu có):

Phối hợp có hiệu quả với nhà trường, xã hội trong việc thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Ban đại diện CMHS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Mỗi năm học, nhà trường kết hợp với CMHS thành lập Ban đại diện CMHS của các lớp và của nhà trường theo điều lệ Ban đại diện CMHS ban hành kèm theo Thông tư số 55/2011/TT- BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT. Mỗi lớp học của nhà trường có một Ban đại diện CMHS

gồm 3 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban, 1 phó ban, 1 ủy viên; Ban đại diện CMHS của các lớp do CMHS các lớp bầu ra trong hội nghị CMHS đầu năm học. Ban đại diện CMHS của nhà trường gồm các thành viên là trưởng ban đại diện CMHS của các lớp; Ban đại diện CMHS nhà trường bầu ra Ban thường trực gồm 5 thành viên: 01 trưởng ban, 02 phó ban và 02 ủy viên. Ban đại diện CMHS của lớp làm nhiệm vụ phối hợp với GV chủ nhiệm lớp và các GV bộ môn tổ chức các hoạt động GD HS, phối hợp với GV chủ nhiệm lớp chuẩn bị nội dung của các cuộc họp CMHS trong năm học, tham gia GD đạo đức cho HS. Ban đại diện CMHS của lớp thường xuyên tổ chức lấy ý kiến CMHS của lớp về biện pháp quản lý GDHS và kiến nghị với GV chủ nhiệm lớp, GV bộ môn về biện pháp nâng cao chất lượng GD đạo đức, chất lượng dạy học. Ban đại diện CMHS của trường phối hợp chặt chẽ với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD theo nội dung được thống nhất tại cuộc họp đầu năm học của Ban đại diện CMHS với nhà trường; kết hợp với Hiệu trưởng hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS để nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, GDHS. [H4-4.1-01]

b) Ban đại diện CMHS có kế hoạch hoạt động theo từng năm học, có báo cáo tổng kết vào cuối mỗi năm học. Trong kế hoạch đã nêu rõ mục tiêu phấn đấu, những nội dung cần thực hiện trong năm học như: phối hợp với nhà trường quan tâm đến hoạt động dạy và học, GD đạo đức, nhân cách HS, thực hiện tốt việc quản lý GD con em tại gia đình, khuyến khích và ủng hộ các phong trào của nhà trường, quan tâm chăm lo, động viên CB, GV và HS; nêu rõ các giải pháp thực hiện, các kết quả đạt được và có điều chỉnh, bổ sung. Mỗi năm, trường tổ chức họp CMHS lớp 2 lần vào đầu năm học và đầu học kỳ II hoặc cuối năm học. Ban đại diện CMHS cấp trường sinh hoạt định kỳ 2 lần/năm học và họp đột xuất khi cần thiết. Trong các cuộc họp, nhà trường tiếp thu ý kiến về công tác quản lý, các biện pháp GD HS, giải quyết các kiến nghị của CMHS, góp ý kiến cho hoạt động của Ban đại diện CMHS được thực hiện tốt. [H4-4.1-02]

c) Trong các năm học, vào đầu năm học và đầu học kỳ II Ban đại diện CMHS của nhà trường đã họp để rà soát, đánh giá việc thực hiện kế hoạch, đồng thời có điều chỉnh bổ sung kế hoạch để phù hợp với tình hình hình thực tế. Vì vậy trong các năm học Ban đại diện CMHS luôn hoàn thành các nhiệm vụ trong kế hoạch đã đề ra, được toàn thể CMHS của toàn trường đồng thuận và tín nhiệm. [H4-4.1-02]

Mức 2:

Ban đại diện CMHS phối hợp với nhà trường trong việc thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD. Ban đại diện CMHS cùng với nhà trường vận động các tổ chức, cá nhân, nhà hảo tâm để bổ sung CSVC, trang thiết bị dạy học. Phối hợp với nhà trường trong việc tổ chức các hoạt động GD như: các cuộc giao lưu, trải nghiệm, làm đồ dùng dạy học, trang trí không gian lớp, vệ sinh trường lớp... Đặc biệt, Ban đại diện CMHS đã phối hợp chặt chẽ với nhà trường, GV chủ nhiệm trong việc GD đạo đức, việc học tập của HS, cung cấp cho HS những kiến thức thực tế, truyền thống của địa phương; những kỹ năng sống cơ bản, thiết thực, gần gũi với thực tế cuộc sống của HS. [H4-4.1-02]; [H4-4.2-03]

Trong các cuộc họp CMHS, nhà trường đã tổ chức tuyên truyền những kiến thức về pháp luật, chủ trương chính sách đối với GD như: giúp CMHS biết được quyền của trẻ em, quyền lợi của Bảo hiểm y tế, quyền của CMHS được quy định tại Điều 96 của Luật Giáo dục; những điểm mới của ngành GD như: mô hình trường Tiểu học mới VNEN, chương trình phổ thông 2018, một số biện pháp GD HS, phương pháp dạy học con em khi ở nhà...

Ban đại diện CMHS đã phối hợp với nhà trường trong việc vận động trẻ khuyết tật đến trường học hòa nhập, vận động HS đi học đúng độ tuổi. [H4-4.1-01]

Mức 3:

Ban đại diện CMHS đã Phối hợp với Hiệu trưởng tổ chức thực hiện nhiệm vụ năm học và các hoạt động GD; hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến pháp luật, chủ trương chính sách về GD đối với CMHS nhằm nâng cao trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ, GD HS; hướng dẫn về công tác tổ chức và hoạt động cho các Ban đại diện CMHS lớp. Vì vậy, nhà trường đã hoàn thành các nhiệm vụ năm học; HS được chăm sóc, GD và bồi dưỡng để phát triển năng lực, phẩm chất. Ban đại diện CMHS các lớp hoạt động đạt hiệu quả. [H4-4.1-02]

2. Điểm mạnh

Ban đại diện CMHS của nhà trường có cơ cấu, tổ chức, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm theo đúng điều lệ Ban đại diện CMHS.

Nhà trường đã phối kết hợp chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi để Ban đại diện CMHS hoạt động.

Ban đại diện CMHS luôn phối hợp chặt chẽ với nhà trường, đẩy mạnh các hoạt động, góp phần đáng kể vào phong trào chung của nhà trường. Nhà trường đã làm tốt công tác tuyên truyền để CMHS hiểu và đồng thuận trong việc thống nhất phương pháp GD, cách đánh giá HS...

3. Điểm yếu

Một số CMHS đi làm ăn xa chính vì thế chưa nắm bắt được các nội dung, kế hoạch hoạt động của lớp, của trường nên việc kết hợp GD giữa CMHS với GV còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Có kế hoạch để tuyên truyền CMHS nắm bắt được kế hoạch hoạt động của lớp, của trường	BGH, CMHS		Thường xuyên trong các năm học	
Thông báo kế hoạch của lớp, của trường tới CMHS vắng bằng hình thức khác: điện thoại, ...	GVCN	CMHS có điện thoại thông minh, có kết nối Internet	Hàng năm	
Phân công cho các đ/c GVCN chủ động phối hợp với CMHS	BGH, GVCN		Hàng năm	

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
A	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
B	Đạt	-----		-----	
C	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 4.2: Công tác tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền và phối hợp với các tổ chức, cá nhân của nhà trường

Mức 1:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để thực hiện kế hoạch GD của nhà trường;

b) Tuyên truyền nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương,

chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành GD; về mục tiêu, nội dung và kế hoạch GD của nhà trường;

c) Huy động và sử dụng các nguồn lực hợp pháp của các tổ chức, cá nhân đúng quy định.

Mức 2:

a) Tham mưu cấp ủy đảng, chính quyền để tạo điều kiện cho nhà trường thực hiện phương hướng, chiến lược xây dựng và phát triển;

b) Phối hợp với các tổ chức, đoàn thể, cá nhân để GD truyền thống lịch sử, văn hóa, đạo đức lối sống, pháp luật, nghệ thuật, thể dục thể thao và các nội dung GD khác cho HS; chăm sóc di tích lịch sử, cách mạng, công trình văn hóa; chăm sóc gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với cách mạng, Bà mẹ Việt Nam anh hùng ở địa phương.

Mức 3 (nếu có):

Tham mưu cấp ủy Đảng, chính quyền và phối hợp có hiệu quả với các tổ chức, cá nhân xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, GD của địa phương.

1. Mô tả hiện trạng**Mức 1**

a) Đầu mỗi năm học, nhà trường chủ động báo cáo với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về kế hoạch năm học, các nhiệm vụ trọng tâm trong năm học, các biện pháp cụ thể để tổ chức các hoạt động, huy động HS ra lớp, công tác PCGD, biện pháp tăng cường CSVC, nâng cao chất lượng GD, phối kết hợp với CMHS,... để phát triển nhà trường. [H4-4.2-01]

b) Qua các cuộc họp CMHS, họp Đảng ủy, họp HĐND của xã, nhà trường tuyên truyền để nâng cao nhận thức và trách nhiệm của cộng đồng về chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, ngành GD về mục tiêu, nội dung và kế hoạch GD của nhà trường như: quyền lợi và trách nhiệm của việc tham gia BHYT, những điểm mới của ngành GD, về kế hoạch, chiến lược phát triển nhà

trường...để nhân dân địa phương, các tổ chức cá nhân nâng cao trách nhiệm của mình trong việc phát triển toàn diện nhà trường. [H4-4.1-01]; [H4-4.2-01]

c) Vào đầu năm học, nhà trường đã báo cáo với các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương về phương hướng nhiệm vụ trọng tâm của nhà trường. Đảng ủy, chính quyền địa phương và nhà trường đã phối hợp với CMHS và các ban ngành đoàn thể để kêu gọi các tổ chức, cá nhân, các nhà hảo tâm quan tâm, hỗ trợ phong trào GD của nhà trường. Trong 5 năm gần đây, CMHS và các tổ chức cá nhân quan tâm tạo điều kiện, giúp đỡ về CSVC nhà trường như: làm nhà xe cho HS (năm học 2021-2022); lắp đặt hệ thống ti vi với số tiền gần 288.900 đồng (nhaanj bằng hiện vật 18 ti vi 55 in hãng Sang sung (năm học 2020-2021, 2021-2022). Đầu năm học CMHS đều tham gia lao động làm cỏ, trồng cây xanh, góp phần tạo nên ngôi trường Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn làm tạo môi trường học tập lành mạnh, an toàn. [H4-4.2-01]

Mức 2

a) Nhà trường đã tham mưu với cấp ủy đảng, chính quyền địa phương để Đảng ủy, UBND xã có kế hoạch phối hợp với các đoàn thể, CMHS và nhà trường huy động các nguồn lực, trong năm học 2016- 2017 Đảng ủy, UBND xã đã huy động giúp nhà trường có được khu nhà vệ sinh đạt chuẩn, cải tạo tường bao, làm hệ thống mái tôn chống nóng, lát miêng bê tông sân trường. Năm học 2020-2021 nhà trường huy động các nguồn lực làm lán xe HS [H4-4.2-01]; [H4-4.2-02]

b) Hằng năm, nhà trường đã phối hợp cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh của xã và các ban ngành ở địa phương tổ chức cho HS vui Tết Trung thu. Phối hợp với Công an xã xây dựng kế hoạch đảm bảo an ninh trật tự trường học, an ninh trật tự trong các dịp lễ, tết; tuyên truyền, kí cam kết chấp hành Luật an toàn giao thông, các tệ nạn xã hội phòng chống tai nạn thương tích, cháy nổ. Kết thúc năm học, nhà trường cùng với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã tổ chức cho các em sinh hoạt hè tại nơi cư trú vui tươi, an toàn, lành mạnh. Phối hợp với trạm Y tế xã trong công tác chăm sóc sức khỏe cho HS và bảo vệ môi trường; phòng tránh các hiểm họa thiên tai, phòng chống dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm. Tổ chức các buổi nói chuyện để tuyên truyền về phòng chống bạo lực học đường, phòng chống đuối nước, tư vấn tâm lý cho HS. Phối hợp với chi Đoàn nhà trường để chăm sóc nghĩa trang liệt sĩ, tìm hiểu các phong tục, văn hóa địa phương, thăm hỏi gia đình thương binh liệt sĩ, các bà mẹ VN anh hùng; tuyên góp ủng hộ các bạn có hoàn cảnh khó khăn, trẻ em tàn tật... [H4-4.2-02]

Mức 3

Nhà trường đang từng bước tham mưu với cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương và phối hợp với các tổ chức, cá nhân về bổ sung CSVC trang thiết bị dạy học, xây dựng đội ngũ, tổ chức các hoạt động GD, nâng cao chất lượng GD toàn diện của HS giúp HS trở thành những con người năng động sáng tạo có đầy đủ kiến thức kỹ năng. Từng bước xây dựng nhà trường trở thành trung tâm văn hóa, GD, một địa chỉ uy tín, tin cậy. [H4-4.2-01]

2. Điểm mạnh

Cấp ủy Đảng và chính quyền địa phương luôn quan tâm, ủng hộ và chỉ đạo sát sao phong trào nhà trường.

Các tổ chức đoàn thể địa phương, CMHS luôn quan tâm đến phong trào GD của nhà trường với nhiều hình thức phong phú, vui tươi, lành mạnh, tạo hứng thú cho HS khi tham gia.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu để chính quyền địa phương huy động được các nguồn lực tài trợ các công trình thiết yếu phục vụ cho hoạt động GD.

Mọi hoạt động trong nhà trường luôn có sự phối kết hợp chặt chẽ với các tổ chức đoàn thể và các cá nhân nên các phong trào phát triển tốt, đạt hiệu quả cao.

3. Điểm yếu

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung CSVC từ ngân sách địa phương cho nhà trường còn ở mức độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục huy động sự giúp đỡ của các nhà hảo tâm, các tổ chức xã hội.	BGH, CBGVNV, CMHS		Các năm học	200-500 triệu/ năm
Đẩy mạnh việc tuyên truyền để nâng cao nhận thức về trách nhiệm của cộng đồng đối với sự nghiệp GD	BGH, CBGVNV, CMHS		Các năm học	300-500 triệu/ năm
Tham mưu với đảng ủy, UBND	BGH		Năm học	50 triệu/

để có nguồn kinh phí từ ngân sách địa phương đầu tư cho nhà trường.			2022-2023	năm
---	--	--	-----------	-----

5. Tự đánh giá:

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt	Chỉ báo	Đạt/Không đạt
a	Đạt	A	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	B	Đạt	-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Kết luận về Tiêu chuẩn 4:

Điểm mạnh

Nhà trường thực hiện tốt công tác phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội, đã tạo được mối quan hệ tốt với CMHS và xã hội; thường xuyên phối hợp với các tổ chức, đoàn thể ngoài nhà trường, tạo được sự đồng bộ, thống nhất trong công tác GD toàn diện cho HS.

Nhà trường đã huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực tự nguyện theo quy định của các tổ chức, cá nhân để xây dựng CSVC, tăng thêm phương tiện, thiết bị dạy học.

Thường xuyên tuyên truyền để tăng thêm sự hiểu biết trong cộng đồng về nội dung, phương pháp và cách đánh giá HS, tạo điều kiện cho cộng đồng tham gia cùng thực hiện mục tiêu và kế hoạch GD.

Nhà trường đã làm tốt công tác tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền, phối hợp với các lực lượng xã hội, nhân dân địa phương để nâng cao chất lượng GD toàn diện cho HS, tăng cường CSVC cho nhà trường do đó CSVC trường học ngày càng khang trang, sạch đẹp, chất lượng GD không ngừng được nâng cao.

Điểm yếu:

Điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn nên việc bổ sung CSVC cho nhà trường từ ngân sách địa phương còn ở mức độ.

Kết quả:

Tiêu chí	Không đạt	Đạt
-----------------	------------------	------------

		<i>Mức 1</i>	<i>Mức 2</i>	<i>Mức 3</i>
Tiêu chí 4.1		X	x	x
Tiêu chí 4.2		X	x	x

TIÊU CHUẨN 5

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC VÀ KẾT QUẢ GIÁO DỤC

*** Mở đầu**

Kế hoạch GD của nhà trường được xây dựng theo quy định của Chương trình GD PT cấp tiểu học, có cập nhật đầy đủ các quy định về chuyên môn của các cơ quan quản lý GD, đảm bảo mục tiêu GD toàn diện. Kế hoạch đã được phòng GD &ĐT huyện Giao Thủy phê duyệt và được phổ biến công khai đến GV, NV, HS, CM HS và cộng đồng. Nhà trường tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả kế hoạch GD đã xây dựng. Hàng năm đều rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả của các biện pháp thực hiện kế hoạch nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng dạy, học. Công tác phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo, giúp đỡ HS có khó khăn được quan tâm đúng mức. Nhà trường cũng đã xây dựng và tổ chức nhiều hoạt động GD ngoài giờ lên lớp với nội dung, hình thức khá phong phú, phù hợp với điều kiện thực tế và tâm lý của HS, được các em tham gia tích cực, chủ động. Cùng với các trường trong xã, nhà trường đã làm tốt công tác PCGD, xóa mù chữ.

Tiêu chí 5.1: Kế hoạch GD của nhà trường

Mức 1:

a) *Đảm bảo theo quy định của Chương trình GD PT cấp tiểu học, các quy định về CM của cơ quan quản lý GD ;*

b) *Đảm bảo mục tiêu GD toàn diện thông qua các hoạt động GD được xây dựng trong kế hoạch;*

c) *Được giải trình và được cơ quan có thẩm quyền xác nhận.*

Mức 2:

a) *Đảm bảo tính cập nhật các quy định về CM của cơ quan quản lý GD ;*

b) *Được phổ biến, công khai để GV, HS, cha mẹ HS, cộng đồng biết và phối hợp, giám sát nhà trường thực hiện kế hoạch.*

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hằng năm, căn cứ vào quy định Chương trình GD PT cấp tiểu học ban hành kèm theo quyết định số 16/2006/QĐ-BGD &ĐT của Bộ GD &ĐT ngày 5/5/2006, TT32/2018/TT-BGD &ĐT ban hành chương trình GD PT 2018, căn cứ vào công tác mình phụ trách, HT, PHT tiến hành xây dựng kế hoạch chỉ đạo Đồng chí HT chỉ đạo chung toàn bộ các hoạt động trong trường, xây dựng kế hoạch giáo dục. Đồng chí PHT Trần Thị Doan phụ trách CM xây dựng kế hoạch chỉ đạo CM, kế hoạch GD [H5-5.1-01]. Dựa trên kế hoạch của nhà trường, các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động của tổ. GV xây dựng kế hoạch cá nhân đảm bảo theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học [H5-5.1-03] .

b) Nhà trường thực hiện nghiêm túc chương trình, kế hoạch giảng dạy theo công văn hướng dẫn của Bộ GD &ĐT, Sở GD &ĐT tỉnh Nam Định, Phòng GD &ĐT huyện Giao Thủy; chỉ đạo GV thực hiện dạy đúng, dạy đủ các môn học, không để xảy ra hiện tượng cắt xén hoặc dồn ép chương trình. GV tổ chức các hoạt động giáo dục theo kế hoạch, đảm bảo mục tiêu giáo dục [H5-5.1-03]. Mỗi năm học, nhà trường xây dựng thời khoá biểu cho các khối lớp, dạy đủ các môn học, đúng với phân phối chương trình, kế hoạch. Đảm bảo nội dung dạy học theo yêu cầu của chuẩn kiến thức, kỹ năng và điều chỉnh nội dung dạy học của Bộ GD &ĐT; kết hợp GD kỹ năng sống, câu lạc bộ và tổ chức hoạt động ngoài giờ chính khóa cho HS. Tổ chức dạy môn Tiếng Anh và Tin học cho HS khối 3, 4, 5. Nhà trường xây dựng thời khoá biểu phù hợp với từng khối lớp. Buổi sáng 4 tiết, buổi chiều 3 tiết (học 2 buổi/ngày), thực hiện dạy 9 buổi/tuần. Hàng tuần, BGH kiểm tra thực hiện chương trình thời khoá biểu của GV thông qua kế hoạch giảng dạy khi duyệt kế hoạch lên lớp, thăm lớp, dự giờ. Lựa chọn phương pháp, hình thức dạy học phù hợp. Năm học 2021-2022 nhà trường thực hiện song song hai chương trình, chương trình GD PT 2018 với lớp 1, từ lớp 2 đến lớp 5 dạy theo chương trình 2006 vận dụng những yếu tố tích cực của mô hình VNEN, môn Mĩ thuật dạy theo PP Đan Mạch. Năm học 2021-2022 nhà trường thực hiện song song hai chương trình, chương trình GD PT 2018 với lớp 1, lớp 2 ; từ lớp 3 đến lớp 5 dạy theo chương trình 2006 và vận dụng những yếu tố tích cực của mô hình VNEN, môn Mĩ thuật dạy theo PP Đan Mạch đảm bảo mục tiêu GD toàn diện cho HS.[H5-5.2-01]

c) Hằng năm, kế hoạch nhà trường được thông qua hội nghị triển khai kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học, được lãnh đạo địa phương, CMHS và CB , GV, NV trong trường tham dự và đóng góp ý kiến. Đồng thời giải trình được

với lãnh đạo địa phương, với phòng GD &ĐT, với cha mẹ HS và đã được lãnh đạo phòng GD &ĐT phê duyệt. [H5-5.1-01]; [H5-5.1-04]

Mức 2:

a) Kế hoạch GD của nhà trường, của tổ, cá nhân được xây dựng cụ thể công việc cho từng kì, từng tháng, từng tuần tuân thủ nghiêm túc chỉ đạo CM của cơ quan quản lý GD cấp trên [H5-5.1-02] [H5-5.1-03]. Kế hoạch giáo dục được xây dựng căn cứ theo công văn số 2345/BGDĐT-GD TH ngày 07/6/2021 của Bộ GD &ĐT V/v hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học; Công văn số 1293/GDĐT-GD TH, ngày 06/9/2021 của Sở GDĐT Nam Định hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2021-2022; Nhà trường đã điều chỉnh xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học ứng phó với dịch covid 19 Kế hoạch dạy học trực tuyến và hỗ trợ học sinh duy trì học tập trong thời gian học sinh không thể đến trường do dịch bệnh Covid-19 được duy trì và kích hoạt thường xuyên; [H5-5.1-01].

b) Kế hoạch giáo dục của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định Sau khi được phê duyệt của GD&ĐT Giao Thủy, các kế hoạch của nhà trường đều được phổ biến, công khai đến các thành viên của nhà trường, CMHS và cộng đồng để cùng phối hợp và giám sát thực hiện. [H5-5.1-04].

2. Điểm mạnh

Kế hoạch GD của nhà trường được xây dựng theo đúng quy định, đảm bảo mục tiêu GD toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, đã được giải trình và được cấp trên phê duyệt, được công khai đến các thành viên trong trường và cộng đồng.

Nhà trường luôn cập nhật và thực hiện đầy đủ các quy định về CM của các cơ quan quản lý GD .

3. Điểm yếu

Việc tuyên truyền, phổ biến, công khai kế hoạch GD của nhà trường tới cộng đồng chưa thật hiệu quả.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Duy trì và phát huy việc xây dựng kế hoạch đảm bảo mục tiêu GD toàn diện và phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Tổ CM và mỗi GV cần phải chủ động xây dựng kế hoạch hoạt động và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã xây dựng.

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Làm tốt công tác xây dựng kế hoạch GD mỗi năm học.	HT, PHT	Nghiên cứu kỹ văn bản quy định, các tài liệu tham khảo về đổi mới GD	Đầu mỗi năm học	
- Tích cực phổ biến và tuyên truyền kế hoạch GD tới các thành viên trong trường và cộng đồng.	HT, PHT, GV, NV	Sinh hoạt CM, hội nghị CMHS, kì họp HĐND xã, hội nghị GD của xã	Đầu mỗi năm học	
- Xây dựng và thông qua chương trình phối hợp giữa nhà trường với các ban, ngành, đoàn thể của địa phương trong việc tổ chức một số hoạt động GD của trường.	HT, PHT, TPT Đội,	Tham mưu tổ chức hội nghị GD có đủ các ban, ngành, đoàn thể		
Cập nhật kết quả các hoạt động GD của nhà trường tới cộng đồng.	HT	Các buổi làm việc, hội nghị với địa phương, CMHS		
Nghiên cứu kỹ Chương trình GD PT 2018 và tích cực tuyên truyền, phổ biến để tạo sự đồng thuận, phối hợp khi thực hiện.	HT, PHT	Nghiên cứu kỹ văn bản		

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	-----	-----
b	Đạt	b	Đạt	-----	-----
c	Đạt	-----		-----	-----
Đạt		Đạt			

Kết quả: Đạt mức 2

Tiêu chí 5.2: Thực hiện Chương trình GD PT cấp tiểu học

Mức 1:

a) Tổ chức dạy học đúng, đủ các môn học và các hoạt động GD đảm bảo mục tiêu GD ;

b) Vận dụng các phương pháp, kỹ thuật dạy học, tổ chức hoạt động dạy học đảm bảo mục tiêu, nội dung GD , phù hợp đối tượng HS và điều kiện nhà trường;

c) Thực hiện đúng quy định về đánh giá HS tiểu học.

Mức 2:

a) Thực hiện đúng chương trình, kế hoạch GD ; lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng và đáp ứng yêu cầu, khả năng nhận thức của HS;

b) Phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, phụ đạo HS gặp khó khăn trong học tập, rèn luyện.

Mức 3:

Hàng năm, rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả và tác động của các biện pháp, giải pháp tổ chức các hoạt động GD nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường tổ chức dạy đủ các môn học bắt buộc theo quy định của Bộ GD &ĐT cụ thể như sau: Lớp 1,2 gồm các môn học: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm, Nghệ thuật(Âm nhạc, Mĩ thuật), Giáo dục thể chất. Lớp 3,4,5: Toán, Tiếng Việt, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức, Kỹ thuật, Thủ công, Chào cờ, Sinh hoạt lớp, Âm nhạc, Mĩ thuật, Thể dục. Tổ chức dạy 2 môn tự chọn là Tiếng Anh và Tin học

cho HS khối 3, 4, 5. 100% HS của trường. Thời lượng các môn học được thực hiện theo quy định tại Chương trình phổ thông cấp tiểu học. Ngoài các môn học, mỗi tuần nhà trường tổ chức rèn kỹ năng sống và hoạt động ngoài giờ chính khóa cho HS. Nhà trường còn tổ chức cho HS tham gia các hoạt động ngoại khóa như học tập, tham quan, trải nghiệm, các hoạt động văn nghệ, thể dục thể thao. [H5-5.1-01] [H5-5.2-01]; [H5-5.1-03]; H5-5.2-05];H5-5.3 - 01].

b) Nhà trường đã làm tốt công tác tập huấn, tổ chức hội thảo cho GV trong trường về đổi mới nội dung, phương pháp dạy học. Chỉ đạo tốt các tổ CM xây dựng, lựa chọn nội dung dạy học phù hợp với đối tượng HS, điều kiện nhà trường, đảm bảo chuẩn kiến thức, kỹ năng. Chỉ đạo các tổ sinh hoạt CM theo hướng nghiên cứu bài học để vận dụng phương pháp, kỹ thuật, hình thức dạy học tích cực. Trong thời gian qua, GV trong nhà trường đã tích cực đổi mới phương pháp, kỹ thuật dạy học để phát huy tính cực của HS. [H5-5.2-04]

c) Nhà trường đã thực hiện đúng quy định về đánh giá HS tiểu học.

Từ năm học 2017-2018 đến nay đánh giá HS theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT. Cuối năm học, về học tập HS được xếp loại: Tốt (T), Hoàn thành (H), Chưa hoàn thành (C). Về từng năng lực, từng phẩm chất: Xếp loại Tốt (T), Đạt(Đ) và Cần cố gắng (C).

Từ năm học 2020-2021 đến nay HS lớp 1 được đánh giá riêng theo thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD &ĐT. [H5-5.5-01]

Năm học 2021-2022, HS lớp 2, năm học 2022-2023 tiếp tục được đánh giá theo thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD &ĐT cùng với HS lớp 1. [H5-5.5 - 01]

Mức 2:

a) Thực hiện dạy đủ các môn học, dạy đúng chương trình kế hoạch theo quy định của Bộ GD &ĐT. Thực hiện đúng yêu cầu dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng, dạy học tích hợp. Nhà trường đã lựa chọn nội dung, thời lượng, phương pháp, hình thức dạy học phù hợp với từng đối tượng HS, đáp ứng khả năng nhận thức của HS. [H5-5.1-01] [H5-5.1-03] . Nhà trường đã tăng cường các hoạt động thực hành, hoạt động trải nghiệm, kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, địa phương và khả năng học tập của HS. Phối hợp chặt chẽ với chi đoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh để GD HS một cách thiết thực, hiệu quả.[H5-5.3-01]; [H1-1.3-04]

Năm học 2022-2023, thực hiện chương trình GD PT 2018 đối với lớp 1, 3. Tiếp tục thực hiện chương trình phổ thông hiện hành từ lớp 4 đến lớp 5. Đảm

bảo mục tiêu và chất lượng GD. GV chủ động xây dựng kế hoạch GD theo định hướng phát triển năng lực HS, phù hợp với tình hình thực tế của lớp thông qua việc tăng cường các hoạt động thực hành vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn, chú trọng GD đạo đức, giá trị sống, rèn luyện kỹ năng sống, hiểu biết xã hội cho HS. [H5-5.1- 03];[H5-5.3- 02].;

- b) Hằng năm, nhà trường đều phát hiện và tổ chức bồi dưỡng HS có năng khiếu và có HS tham gia giao lưu các cấp như: Tham gia giao lưu phát triển năng lực HS, tham gia giao lưu chữ viết đúng và đẹp và Giải toán trên mạng, hùng biện Tiếng Anh. [H5-5.2-05]; [H5-5.2-07].

Thường xuyên quan tâm, kèm cặp HS chưa hoàn thành và HS khuyết tật. GVCN lập danh sách, xây dựng kế hoạch GD cho từng em và giúp các em tiến bộ so với khi nhận lớp. Quan tâm, tạo điều kiện động viên HS vượt khó vươn lên học tập tốt. Phát động phong trào ủng hộ trong CB , GV, PH và HS để tặng quà cho HS khuyết tật, HS có hoàn cảnh khó khăn trong các dịp lễ Tết. Công tác phụ đạo HS gặp khó khăn, hạn chế trong học tập, HS khuyết tật học hòa nhập, nhà trường giao cho GV giảng dạy hàng ngày kèm cặp chủ yếu vào thời gian học buổi 2 [H5-5.2-05].

Mức 3:

Sau mỗi kì kiểm tra, sau mỗi học kì, mỗi năm học, nhà trường đã tổ chức rà soát, phân tích, đánh giá hiệu quả, tác động của các biện pháp tổ chức các hoạt động để tìm ra nguyên nhân, biện pháp khắc phục nhằm nâng cao chất lượng dạy học của GV, HS. Công tác rà soát được tiến hành trong các buổi giao ban tháng, sơ kết học kì, tổng kết năm học và các phiên họp của Hội đồng trường. Nhà trường có đầy đủ hồ sơ, số liệu và kết quả tổng hợp hiệu quả GD của HS ở các năm học. [H5-5.2-06]; [H5-5.2-07].

+ Kết quả GD cuối năm học

Nội dung Năm học	HTCT lớp học		HTCT Tiểu học		Khen thưởng			
	SL	TL (%)	SL	TL (%)	Cá nhân		Lớp	
					SL	TL (%)	Xuất sắc	Tiến tiến
2016-2017	607/ 607	100	154/ 154	100	326/ 761	42,8	10	10
2017-2018	548/ 548	99,8	170/ 170	100	301/ 301	41,9	10	10

	549		170		719			
2018-2019	572/ 573	99,8	144/ 144	100	300/ 717	41,8	10	10
2019-2020	535/ 535	100	150/ 150	100	323/ 685	47,1	10	9
2020-2021	531/ 533	99,6	128/ 128	100	312/ 661	47,2	5	10
2022-2023	663/667	99,4	168/ 168	100	361/ 667	54,1	5	10

+ Kết quả giáo các cuộc thi, giao lưu

Năm học	Nội dung giao lưu	Giải huyện	Giải tỉnh	Quốc gia
2017-2018	Hùng biện Tiếng Anh	1 Nhất, 1 Nhì		
	Thử dục thể thao	3 Nhất, 3 Nhì, 2 KK		
	Giao lưu phát triển năng lực	2 Nhì		
	Chữ đúng, chữ đẹp	5 Nhất, 3 Nhì, 4 Ba, 6 KK		
2018-2019	Thử dục thể thao	2 Nhì, 5 KK		
	Hùng biện Tiếng Anh	1 Nhất	1 Nhì	
	Chữ đúng, chữ đẹp	2 Nhất, 6 Nhì, 10 Ba, 2KK		
2019-2020	Chữ đúng, chữ đẹp	2 Nhất, 8Nhì, 16 Ba, 1 KK		
	Hùng biện Tiếng Anh	3 Nhì	1Nhì, 1Ba, 1KK	
2020 -2021	Chữ đúng, chữ đẹp	2 Nhất,2 Nhì, 4 Ba, 7 KK		
	Thử dục thể thao	5 Nhất, 2 Nhì		

	Hùng biện Tiếng Anh	2 Nhì, 1 Ba, 1KK	1 Nhì	
	Cuộc thi Em vẽ trường học hạnh phúc			2
	Thi Tiếng Anh toàn cầu		7	4
2021-2022	Chữ đúng, chữ đẹp	3 Nhất; 2 Nhì; 13 giải Ba; 4KK		
	Tiếng Anh qua mạng	2 Nhì; 3Ba; 1KK	3Ba,3KK	
	Hùng biện T. Anh	1 Nhì, 2 KK	1	
	Kể chuyện Bác Hồ	1 Nhì		
2022-2023	Thể dục Thể thao	2 Nhì, 1 KK		
	Hùng biện Tiếng Anh	2 Nhì, 1 Ba	2KK	
	Chữ đúng, chữ đẹp	3 Nhất, 2 Nhì, 7 Ba, 11 KK	1Ba	
	Giải Toán, Khoa học bằng T. Anh	4 Nhất	1Ba, 1KK	
	Dũng sĩ nghìn việc tốt		2KK Tỉnh, 1 Quốc gia	

2. Điểm mạnh

Nhà trường dạy đúng đủ các môn học theo quy định. Trong quá trình dạy học và GD, nhà trường đã lựa chọn nội dung các hoạt động GD phù hợp với HS và điều kiện nhà trường.

Thực hiện việc đánh giá HS theo đúng quy định. Hằng năm định kì nhà trường có rà soát, phân tích để tìm biện pháp nâng cao chất lượng GD.

3. Điểm yếu

Việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực của GV chưa đồng đều. Các lớp vẫn còn HS chậm tiến độ.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì việc đánh giá HS theo thông tư 22/2016/TT-BGDĐT đối với HS lớp 4, 5; thông tư 27/2020/TT-BGDĐT đối với HS lớp 1,2,3.

Hàng năm nhà trường có rà soát, phân tích để tìm biện pháp nâng cao chất lượng GD .

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Kiểm tra, tư vấn tới từng GV về việc vận dụng đổi mới phương pháp dạy học.	BGH, tổ trưởng CM		Năm học 2022 - 2023	
- Phụ đạo HS còn chậm tiến độ.	GV chủ nhiệm	CMHS cùng phối hợp	Năm học 2022 - 2023	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo (Nếu có)	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	b	Đạt	----	----
c	Đạt	----	----	----	----
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.3: Thực hiện các hoạt động GD khác

Mức 1:

- a) Đảm bảo theo kế hoạch;
- b) Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phong phú, phù hợp điều kiện của nhà trường;
- c) Đảm bảo cho tất cả HS được tham gia.

Mức 2:

Được tổ chức có hiệu quả, tạo cơ hội cho HS tham gia tích cực, chủ động, sáng tạo.

Mức 3:

Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động phân hóa theo nhu cầu, năng lực sở trường của HS.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Hàng năm, nhà trường có kế hoạch tổ chức các hoạt động GD theo chủ điểm từng tháng cụ thể, phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường, góp phần hỗ trợ và nâng cao chất lượng dạy học, GD toàn diện. Căn cứ vào các kế hoạch đã xây dựng, nhà trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động GD với các hình thức đa dạng, phong phú và phù hợp với điều kiện thực tiễn của trường, lứa tuổi đặc điểm tâm sinh lí và nhận thức của HS. [H5-5.3-01]

c) Căn cứ vào các kế hoạch đã xây dựng, nhà trường đã thường xuyên tổ chức các hoạt động GD NGLL với các hình thức đa dạng, phong phú như: các hoạt động ngoại khóa, thể dục thể thao, trải nghiệm, giao lưu văn nghệ, các hoạt động bảo vệ môi trường, lao động vệ sinh trường lớp. Nhà trường và mỗi lớp đều có Ban văn nghệ thường xuyên tham gia giao lưu, biểu diễn vào các ngày kỉ niệm, lễ lớn. [H5- 5.3-01],[H5-5.3-02]. Tổ chức cho HS tham quan, học tập trải nghiệm tại các các công trình văn hoá, các di tích lịch sử của địa phương .Qua đó cung cấp cho các em những hiểu biết về truyền thống văn hoá, lịch sử quê hương, bồi đắp thêm tình yêu quê hương, đất nước cho HS và GD ý thức tự giác bảo vệ môi trường cho các em. [H5-5.3-02]. Đội ngũ GV và HS của nhà trường rất tự giác, tích cực với các hoạt động ngoài giờ lên lớp. Hàng tuần, hàng tháng đều có đánh giá kết quả hoạt động ngoài giờ lên lớp vào sáng thứ hai. Cuối mỗi năm học TPT Đội đều có báo cáo tổng kết công tác Đội. Ngoài ra, hàng năm các em được khám sức khỏe, nghe các bài tuyên truyền về sức khỏe bảo đảm quyền lợi cho các em. [H5-5.3-02]; [H5-5.3-03].

c) Nhà trường luôn tạo điều kiện cho tất cả HS được tham gia các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp. Các hoạt động GD được phân công cụ thể cho từng GV phụ trách và có sự phối hợp hiệu quả với các tổ chức, đoàn thể trong và ngoài nhà trường. [H5-5.3-01]

Mức 2:

Thông qua các hoạt động như văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, chơi trò chơi, múa hát tập thể, lao động vệ sinh, tham quan, trải nghiệm và các hội thi đã giúp cho HS có dịp thể hiện năng khiếu, thể hiện kiến thức, sự hiểu biết, sự nhanh trí, thông minh, tính tập thể, tính kỷ luật; các em được rèn luyện thể lực, được hoạt động thoải mái và vui vẻ, rèn kỹ năng sống cho HS. Từ đó các em có

tình cảm yêu trường mến lớp, đoàn kết với bạn bè và phát triển toàn diện Đức - Trí - Thể - Mỹ. [H5-5.2-05];[H5-5.3-01]

Các hoạt động trên đều thực hiện theo kế hoạch và có sự phân công cụ thể từng CB , GV phụ trách công tác tổ chức và thực hiện. Bên cạnh đó còn có sự phối hợp chặt chẽ giữa các đoàn thể trong và ngoài nhà trường như: Chi bộ Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Đội thiếu niên, các đoàn thể của địa phương và Hội cha mẹ HS. [H5-5.3-01]

Mức 3:

Ngoài những hoạt động chung dành cho tất cả các đối tượng HS, nhà trường còn tổ chức một số hoạt động nhằm phát huy năng lực, sở trường của mỗi HS, thông qua đó phát hiện bồi dưỡng HS có năng khiếu như hoạt động các câu lạc bộ, GD kỹ năng sống, làm đồ dùng học tập, sản phẩm STEM. [H5-5.2-05]

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức một số hoạt động GD phong phú, phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Các hoạt động được xây dựng kế hoạch cụ thể, rõ ràng và phân hóa theo nhu cầu và năng lực, sở trường của HS và được các em HS tích cực tham gia.

Nhà trường đã xây dựng và tổ chức thực hiện nghiêm túc kế hoạch hoạt động GD ngoài giờ lên lớp cho mỗi một năm học. Nội dung và hình thức tổ chức các hoạt động của nhà trường tương đối phong phú, phù hợp điều kiện thực tế của nhà trường. Ngoài các hoạt động chung cho tất cả các HS nhằm đảm bảo mục tiêu GD toàn diện, nhà trường còn có các hoạt động nhằm phát huy năng lực riêng của mỗi cá nhân HS. Các hoạt động GD ngoài giờ lên lớp của nhà trường đã cuốn hút HS, được HS tham gia tích cực, chủ động, góp phần không nhỏ trong việc nâng cao chất lượng GD của trường.

3. Điểm yếu

Do tình hình dịch bệnh diễn biến phức tạp nên không tổ chức được các hoạt động tham quan trải nghiệm ngoài địa phương.

Nội dung và hình thức tổ chức một số hoạt động theo nhu cầu của HS còn hạn chế.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Cho HS thăm quan trải nghiệm qua màn ảnh nhỏ.	GV		Thường xuyên	
- Tăng cường các hoạt động nhằm phát huy năng lực sở trường của mỗi cá nhân HS.	BGH		2022-2023	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.4: Công tác phổ cập GD tiểu học

Mức 1:

- a) Thực hiện nhiệm vụ phổ cập GD theo phân công;
- b) Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 90%;
- c) Quản lý hồ sơ, số liệu phổ cập GD tiểu học đúng quy định.

Mức 2:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 95%.

Mức 3:

Trong địa bàn tuyển sinh của trường tỷ lệ trẻ 6 tuổi vào lớp 1 đạt ít nhất 98%.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

a) Nhà trường đã kết hợp với trường Trung học cơ sở và trường Mầm non trong xã để làm tốt công tác phổ cập xóa mù chữ tại xã Giao Xuân. Tất cả CB, GV, NV của nhà trường đều tham gia và được phân công phụ trách theo địa bàn thôn, xóm. Thông tin điều tra được xử lý trên phần mềm phổ cập nên số liệu rất chính xác và khoa học. Thông qua công tác điều tra, nhà trường cùng với các trường trong xã đã xây dựng và thực hiện các biện pháp để duy trì sĩ số, huy động trẻ trong độ tuổi tới lớp. Xã Giao Xuân được Ban chỉ đạo phổ cập huyện công nhận đạt phổ cập GD xóa mù chữ mức độ 2. Nhà trường đạt kết quả phổ cập GD tiểu học mức độ 3. [H5-5.4-01].

b) Nhà trường tổ chức và thực hiện tốt Ngày toàn dân đưa trẻ đến trường. Tỷ lệ huy động trẻ 6 tuổi diện phổ cập vào lớp 1 của nhà trường hàng năm luôn đạt 100%. [H5-5.4-01]

c) Nhà trường có đầy đủ các loại hồ sơ quản lý công tác phổ cập như sổ điều tra phổ cập, sổ đăng bộ, sổ theo dõi HS chuyển đi, chuyển đến, các biểu bảng thống kê. Tất cả hồ sơ được nhà trường cập nhật thông tin đầy đủ, chính xác, được lưu trữ và bảo quản tốt. Đặc biệt, công tác phổ cập của nhà trường và địa phương được quản lý bằng phần mềm rất khoa học và hiệu quả. [H5-5.4-01]

Mức 2:

Hàng năm, vào đầu mỗi năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh trẻ vào lớp 1, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn xã vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100% [H5-5.4-01]

Mức 3:

Đầu mỗi năm học nhà trường đã xây dựng kế hoạch tuyển sinh trẻ vào lớp 1, tỷ lệ trẻ em 6 tuổi trên địa bàn xã vào lớp 1 đạt tỷ lệ 100%. [H5-5.4-02].

2. Điểm mạnh

Hàng năm, nhà trường đã cùng với các trường trong xã làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Xã Giao Xuân được Ban chỉ đạo phổ cập huyện công nhận đạt phổ cập GD xóa mù chữ mức độ 2. Nhà trường đạt kết quả phổ cập GD tiểu học mức độ 3.

Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%.

Nhà trường có đủ hồ sơ sổ sách của công tác phổ cập GD theo quy định. Hồ sơ được ghi chép cẩn thận, khoa học, lưu trữ tốt. Nhà trường cũng đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả.

2021. Điểm yếu

Một số GV không thường trú tại địa phương nên việc điều tra và nắm bắt thông tin trên địa bàn thôn xóm phụ trách còn gặp khó khăn.

Một số gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa, các con ở nhà với ông bà nên việc kê khai thông tin điều tra chưa chính xác.

Do phần mềm dữ liệu phổ cập làm chung trong toàn xã nên việc cập nhật, tổng hợp dữ liệu trong toàn xã còn mất nhiều thời gian.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Tiếp tục duy trì và giữ vững việc huy động trẻ 6 tuổi vào lớp 1.

Giữ vững kết quả phổ cập GD tiểu học mức độ 3.

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Phối kết hợp với GV trên địa bàn của trường Trung học cơ sở và trường Mầm non để làm tốt công tác điều tra.	GV phụ trách các xóm	Thống nhất thời gian điều tra	Tháng 8 hằng năm	
- Liên hệ với cha mẹ HS đi vắng qua điện thoại, Zalo, để cập nhật thông tin điều tra.	GV phụ trách thôn xóm	Cha mẹ HS có điện thoại thông minh kết nối Internet.	Đầu năm học	
- Thống nhất với trường Trung học cơ sở và Mầm non trong xã để cập nhật thông tin, tổng hợp dữ liệu đúng thời điểm.	PHT		Đầu năm học	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	*	Đạt	*	Đạt
b	Đạt	-----		-----	
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

Tiêu chí 5.5: Kết quả GD

Mức 1:

- a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 70%;
- b) Tỷ lệ HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 65%;
- c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%.

Mức 2:

- a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 85%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 80%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 70%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

Mức 3:

- a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học đạt ít nhất 95%;
- b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt ít nhất 90%, đối với trường thuộc xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn đạt ít nhất 80%; các trẻ em 11 tuổi còn lại đều đang học các lớp tiểu học.

1. Mô tả hiện trạng

Mức 1:

Thực hiện các văn bản chỉ đạo, nhà trường đã chỉ đạo việc đánh giá HS theo các môn học và hoạt động GD ; đánh giá HS theo mức độ hình thành và phát triển năng lực và phẩm chất; đánh giá, nhận xét thường xuyên bằng ngôn ngữ nói và viết, không bằng điểm số. Chỉ tổ chức kiểm tra định kỳ vào cuối học kỳ I và cuối năm học. Riêng đối với HS lớp 4, lớp 5 có kiểm tra định kỳ giữa học kỳ I, giữa học kỳ II. Tập thể CB GV trong nhà trường luôn chú trọng đến

công tác nâng cao chất lượng GD, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, phát huy tính tích cực của HS, đồng thời tăng cường các biện pháp giúp đỡ HS yếu đạt được chuẩn kiến thức, kỹ năng theo quy định của từng khối lớp.[H5-5.5-01]. Vì vậy hiệu quả GD của nhà trường luôn ổn định, tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học hằng năm đều đạt từ 99,7 % trở lên. [H5-5.4-01]; [H5-5.2-06].

a) Tỉ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học trong 5 năm qua như sau:

Năm học	Toàn trường		Lớp 1		Lớp 2		Lớp 3		Lớp 4		Lớp 5	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
2017-2018	718/	99,9	222/	96,9	241/	98,4	213/	99,5	230/	99,6	170/	100
	719		229		245		214		231		170	
2018-2019	716/	99,9	265/	97,8	220/	98,2	240/	99,2	215/	100	144/	100
	717		271		224		242		215		144	
2019-2020	685/	99,9	238/	97,5	265/	99,6	220/	100	238/	98,8	150/	100
	685		244		266		220		241		150	
2020-2021	659/	99,7	223/	98,7	234/	100	264/	100	219/	97,8	128/	100
	661		226		234		264		224		128	
2021-2022	673/	99,1	140/	99,3	130/	99,3	121/	100	170/	99,4	113/	100
	676		141		131		121		171		113	
2022-2023	663/	99,4	112/	99,1	141/	99,3	123/	99,2	119/	99,2	168/	100
	667		113		142		124		120		168	

b) Hằng năm, tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học của nhà trường đều đạt tỉ lệ từ 98,8 % trở lên. [H5-5.4-01]; [H5-5.4-03].

Năm học	Tổng số		HTCCTH		Đang học tiểu học		Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	SL	%	SL	%	
2017-2018	178	0	178	100	0	0	
2018-2019	147	1	148	100	0	0	
2019-2020	156	2	157	99,37	1	0,63	
2020-2021	134	3	136	99,3	1	0,7	
2021-2022	113	4	113	100	0	0	

2022-2023	168	3	168	100	0	0	
-----------	-----	---	-----	-----	---	---	--

c) Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học của nhà trường đạt từ 99,84% trở lên. [H5-5.4-01]

Năm học	Tổng số		Tổng số				Ghi chú
	Diện PC	Khuyết tật	Diện PC HTCTTH		Khuyết tật HT CTTH		
			SL	%	SL	%	
2017-2018	606	4	606	100	3	75	
2018-2019	625	4	625	100	3	75	
2019-2020	640	4	639	99,84	3	75	
2020-2021	608	5	608	100	5	100	
2021-2022	578	4	578	100	4	100	
2022-2023	536	4	536	100	3	100	

Mức 2:

a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học trong các năm học đều đạt 93,5 % trở lên. [H5-5.5-03]

b) Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đều đạt trên 98,8% trở lên. [H5-5.5-03]

Mức 3:

a) Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học trong các năm học đều đạt 93,5 % đến 100 %. [H5-5.5-03]

b) Các em HS của nhà trường đều khỏe mạnh và phát triển bình thường. Tỷ lệ trẻ em 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học trong các năm học đều đạt trên 98,8% đến 100%. [H5-5.4-03]

2. Điểm mạnh

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học và HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 98,8% đến 100%. Tỷ lệ HS 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,84% trở lên.

Nhà trường có đủ hồ sơ phổ cập, ghi chép cập nhật và được lưu trữ đúng quy định.

3. Điểm yếu

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học chưa bền vững.

Tỷ lệ HS được khen thưởng chưa cao.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/ Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
- Tăng cường kèm cặp HS chưa hoàn thành nội dung học học tập và rèn luyện.	GV chủ nhiệm	CMHS cùng phối hợp	Năm học 2021-2022	
- Tăng cường bồi dưỡng cho GV dạy học theo định hướng phát triển năng lực, cá biệt hóa quá trình dạy học, giúp phát huy tối đa năng lực của HS.	BGH, tổ trưởng CM, GV	Tổ chức SHCM	Năm học 2021-2022	
- Thường xuyên theo dõi tiến độ của HS, tăng cường các nội dung hình thức kiểm tra, đánh giá để thúc đẩy HS: bổ sung bài tập góc chờ, các hoạt động ứng dụng,...	GVCN		Năm học 2022-2023	

5. Tự đánh giá

Mức 1		Mức 2		Mức 3	
Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt	Chỉ báo	Đạt/ Không đạt
a	Đạt	a	Đạt	a	Đạt

b	Đạt	b	Đạt	b	Đạt
c	Đạt	-----		-----	
Đạt		Đạt		Đạt	

Kết quả: Đạt mức 3

KẾT LUẬN VỀ TIÊU CHUẨN 5

*** Điểm mạnh**

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch GD theo đúng quy định và nghiêm túc thực hiện kế hoạch đã xây dựng. Nội dung dạy học, GD của nhà trường có sự cân đối hài hòa, đảm bảo mục tiêu phát triển toàn diện HS. Nhà trường cũng đã lựa chọn phương pháp, hình thức tổ chức dạy học phù hợp, đáp ứng được khả năng nhận thức của HS và điều kiện thực tế của địa phương. Công tác chỉ đạo và tổ chức cho GV thực hiện đổi mới phương pháp dạy học, GD, đổi mới đánh giá HS khá hiệu quả.

Việc phát hiện và bồi dưỡng HS có năng khiếu, giúp đỡ, phụ đạo cho HS khó khăn trong học tập và rèn luyện luôn được nhà trường quan tâm, kết quả đạt được khá tốt.

Ngoài các môn học, nhà trường còn tổ chức nhiều hoạt động GD ngoài giờ lên lớp cuốn hút HS, được HS tham gia tích cực, chủ động.

Nhà trường đã làm tốt công tác điều tra phổ cập, xóa mù chữ tại địa phương. Công tác huy động trẻ vào lớp 1 hàng năm của nhà trường luôn đạt 100%. Nhà trường đã ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý công tác phổ cập hiệu quả, lưu trữ hồ sơ tốt.

Chất lượng GD của nhà trường ở mức cao. Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học và HS 11 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt từ 93,5 trở lên. Tỷ lệ HS 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học đạt 99,84% trở lên.

*** Điểm yếu**

Việc tuyên truyền, phổ biến, công khai kế hoạch GD của nhà trường tới cộng đồng chưa thật hiệu quả nên việc phối hợp giữa nhà trường với cộng đồng trong việc thực hiện mục tiêu GD còn hạn chế.

Việc vận dụng các phương pháp dạy học tích cực của GV chưa đồng đều.

Do kinh phí còn hạn hẹp nên chưa tổ chức được nhiều các hoạt động tham quan trải nghiệm với quy mô lớn. Nội dung và hình thức tổ chức một số hoạt động theo nhu cầu của HS còn hạn chế.

Một số GV không thường trú tại địa phương nên việc điều tra và nắm bắt thông tin trên địa bàn thôn xóm phụ trách còn gặp khó khăn. Một số gia đình có cha mẹ đi làm ăn xa, các con ở nhà với ông bà nên việc kê khai thông tin điều tra chưa chính xác.

Tỷ lệ HS hoàn thành chương trình lớp học chưa bền vững. Tỷ lệ HS hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện chưa cao.

Tiêu chí	Không đạt	Đạt		
		Mức 1	Mức 2	Mức 3
Tiêu chí 5.1		x	x	---
Tiêu chí 5.2		x	x	x
Tiêu chí 5.3		x	x	x
Tiêu chí 5.4		x	x	x
Tiêu chí 5.5		x	x	x

Kết quả: Đạt mức 3

II. TỰ ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ MỨC 4

Tiêu chí 1: Kế hoạch GD của nhà trường có những nội dung được tham khảo Chương trình GD tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới đúng quy định, phù hợp, hiệu quả và góp phần nâng cao chất lượng GD.

1. Mô tả hiện trạng

Kế hoạch GD của nhà trường mới chỉ được xây dựng theo các nội dung của chương trình GD trong nước, chưa có những nội dung tham khảo Chương trình GD tiên tiến của các nước trong khu vực và thế giới.

2. Điểm mạnh

Kế hoạch GD phù hợp với đối tượng HS và tình hình thực tế của địa phương.

3. Điểm yếu

CSVC, các trang thiết bị của nhà trường chưa đáp ứng được chương trình GD tiên tiến của các nước trong khu vực.

Năng lực một số GV chưa đáp ứng được các yêu cầu của chương trình GD tiên tiến

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham khảo chương trình GD tiên tiến của các nước trong khu vực	BGH, GV	Tài liệu	Năm 2023	
Xây dựng CSVC để đáp ứng chương trình GD tiên tiến	BGH	Kinh phí	Năm 2025	5 tỉ đồng
Bồi dưỡng đội ngũ	PGD, SGD	Kinh phí	Trong các năm học	10 triệu/năm

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 2: Đảm bảo 100% cho HS có hoàn cảnh khó khăn, HS có năng khiếu hoàn thành mục tiêu GD dành cho từng cá nhân với sự tham gia của nhà trường, các tổ chức, cá nhân liên quan.

1. Mô tả hiện trạng

Một số HS khó khăn, GV chủ nhiệm đã xây dựng kế hoạch giúp đỡ cụ thể và thường xuyên quan tâm, có những nội dung giảng dạy phù hợp nhưng khả năng hoàn thành mục tiêu còn ở mức độ do việc giúp đỡ các em mất khá nhiều thời gian ảnh hưởng đến việc GD của cả lớp.

Một số HS năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng nhưng chưa phát huy tối đa năng lực của các em do thời gian bồi dưỡng các em chưa được nhiều, các câu lạc bộ của nhà trường chưa được thành lập thường xuyên trong các năm học.

Việc bồi dưỡng các em có năng khiếu và giúp đỡ các em khó khăn chủ yếu là do GV chưa huy động được các tổ chức và các cá nhân có liên quan tham gia.

2. Điểm mạnh

Nhà trường đã phát hiện HS có năng khiếu và bồi dưỡng các em.

Các em HS khó khăn đã được xây dựng kế hoạch nội dung GD riêng cụ thể.

3. Điểm yếu

Các em HS khó khăn chưa đạt được mục tiêu GD

Các em HS có năng khiếu chưa phát huy hết khả năng của mình

Chưa huy động được các tổ chức, cá nhân có liên quan tham gia vào việc bồi dưỡng HS năng khiếu và GD HS khó khăn.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu để có thêm nhân viên hỗ trợ GD người khuyết tật	BGH		Năm học 2022-2023	
Xây dựng các câu lạc bộ	BGH		Năm học 2022-2023	
Tích cực tuyên truyền để các tổ chức, cá nhân tham gia vào việc GD	BGH		Trong các năm học	
Đầu tư mua sắm các trang thiết bị cần thiết để phục vụ các hoạt động học tập, bồi dưỡng	BGH		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 3: Thư viện có hệ thống hạ tầng CNTT hiện đại, có kết nối Internet đáp ứng yêu cầu các hoạt động của nhà trường; có nguồn tài liệu truyền thống và tài liệu số phong phú đáp ứng yêu cầu các hoạt động nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Thư viện nhà trường có máy chiếu, có máy tính kết nối internet nhưng hạ tầng CNTT còn hạn chế chưa đáp ứng được các yêu cầu tất cả các hoạt động của

nhà trường .

Đã có tài liệu số phong phú đáp ứng được cơ bản các hoạt động của nhà trường nhưng nguồn tài liệu truyền thống còn hạn chế chưa đáp ứng được yêu cầu tất cả các hoạt động của nhà trường.

2. Điểm mạnh

Nhà trường có thư viện đạt chuẩn Tiên tiến.

Thư viện có máy chiếu, máy tính kết nối internet.

3. Điểm yếu

Thư viện nhà trường chưa có hạ tầng CNTT hiện đại để đáp ứng các hoạt động của nhà trường

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tham mưu với các cấp để xây dựng hạ tầng CNTT hiện đại của thư viện	BGH	Kinh phí	Năm 2025	200 triệu
Bổ sung thêm các đầu sách truyền thống cho thư viện	BGH	Kinh phí	Trong các năm học	
Tiếp tục phát huy hiệu quả của thư viện	BGH,GV, HS		Thường xuyên	

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 4: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường hoàn thành tất cả các mục tiêu theo phương hướng, chiến lược phát triển nhà trường.

1. Mô tả hiện trạng

Nhà trường xây dựng chiến lược từ năm 2018 đến năm 2023. Năm học 2018-2019 là năm đầu thực hiện chiến lược của nhà trường nên còn một số mục tiêu chưa thực hiện được như việc cải tạo CSVC, nâng cao trình độ đội ngũ, ...

2. Điểm mạnh

Nhà trường có chiến lược phát triển giai đoạn 2018- 2023, tầm nhìn đến năm 2030 cụ thể, chi tiết phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường và của địa phương và được phòng GD&ĐT phê duyệt.

3. Điểm yếu

Còn một số nội dung của chiến lược chưa hoàn thành.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/ phối hợp/ giám sát)	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn thành	Dự kiến kinh phí
Tiếp tục tham mưu với các cấp để giúp nhà trường hoàn thành chiến lược	BGH, UBND xã		Trong các năm học	
Xây dựng các kế hoạch cụ thể, khả thi theo từng năm học	BGH, GV		Trong các năm học	
Thường xuyên đánh giá, rà soát việc thực hiện chiến lược của nhà trường	BGH, HĐT, các tổ chức đoàn thể		Trong các năm học	

5. Tự đánh giá: Không đạt

Tiêu chí 5: Trong 05 năm liên tiếp tính đến thời điểm đánh giá, nhà trường có ít nhất 02 năm có kết quả GD, các hoạt động khác của nhà trường vượt trội so với các trường có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng, được các cấp thẩm quyền và cộng đồng ghi nhận.

Năm học 2016- 2017 nhà trường có chất lượng khảo sát đứng tốp đầu toàn huyện. Các phong trào thi đua xếp thứ 10/28 trườngtrường đạt danh hiệu "Tập thể lao động tiên tiến" theo Quyết định số 2897/QĐ-UBND ngày 17 tháng 7 năm 2017 của UBND huyện Giao Thủy;

Năm học 2017- 2018 nhà trường có chất lượng khảo sát đứng 7/28 trường. Các phong trào thi đua xếp thứ 1/28 trường. Trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo Quyết định số 1645/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2018 của UBND tỉnh Nam Định; được 2 lần Giám đốc Sở GD & ĐT tỉnh Nam Định tặng Giấy khen theo Quyết định số 1300/QĐ-SGDĐT ngày 20 tháng 8 năm 2018 và Quyết định số 1094/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Sở

GD&ĐT tỉnh Nam Định; được Bộ trưởng Bộ GD&ĐT tặng Bằng khen theo Quyết định số 2953/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2018 của Bộ GD&ĐT. Trường đạt chuẩn Thư viện Tiên tiến cấp Tỉnh theo Quyết định số 77/QĐ-SGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2018 của sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

Năm học 2018-2019 chất lượng khảo sát của nhà trường vẫn được giữ vững. Các phong trào thi đua xếp thứ 1/28. Trường nhà trường được Bằng khen của Tổng GD BHXH (QĐ số 1031/QĐ-BHXH ngày 13 tháng 8 năm 2019).

Năm học 2019-2020 chất lượng khảo sát của nhà trường vẫn được giữ vững. Các phong trào thi đua xếp thứ 2/22 trường. Nhà trường được Giám đốc Sở GD&ĐT tặng giấy khen theo số 1157/QĐ-SGDĐT ngày 17 tháng 8 năm 2020 của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định.

Năm học 2020-2021 nhà trường có chất lượng khảo sát xếp thứ 2/22 trường. Các phong trào thi đua xếp thứ 2/22 trường. Trường đạt danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" theo Quyết định số 1692/QĐ-UBND ngày 10 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Nam Định, được BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định tặng Bằng khen theo Quyết định số 448/QĐ-LĐLĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021 của BCH Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Định. Liên đội trường Tiểu học Giao Xuân được TW Đoàn tặng Bằng khen theo Quyết định số 145 /QĐ-TWĐTN ngày 13 tháng 10 năm 2021 của BCH TW.

Năm học 2021-2022 nhà trường có 1 học sinh đạt giải Nhất cấp Tỉnh Hùng biện Tiếng Anh cấp Tỉnh. Chất lượng GD khảo sát theo đề của Sở xếp thứ 5/22 trường.

Năm học 2022-2023 nhà trường có 1 em đạt giải Quốc Gia, 7 em đạt giải cấp Tỉnh, 28 em đạt giải cấp huyện có 8 thầy cô đạt giải cấp huyện, cấp Tỉnh. Khảo sát chất lượng xếp thứ 10/12 trường trong huyện.

2. Điểm mạnh

Chất lượng GD của nhà trường được đứng ở tốp đầu của cụm.

Nhà trường đã tổ chức được các hoạt động GD nổi bật và có ý nghĩa

3. Điểm yếu

Nhà trường chưa giữ được danh hiệu "Tập thể lao động xuất sắc" bền vững.

4. Kế hoạch cải tiến chất lượng

Giải pháp cụ thể/Công việc cần thực hiện	Nhân lực thực hiện (chủ trì/	Điều kiện để thực hiện	Mốc thực hiện/thời gian hoàn	Dự kiến kinh phí

	phối hợp/ giám sát)		thành	
Tiếp tục phát huy hiệu quả các mặt GD.	BGH, GV			
Tích cực đổi mới công tác quản lý và tổ chức các hoạt động của nhà trường.	BGH			

5. Tự đánh giá: Đạt

Kết luận:

Điểm mạnh

Nhà trường đã xây dựng kế hoạch cụ thể, chi tiết và có tính khả thi.

Các em HS năng khiếu đã được phát hiện và bồi dưỡng, các em HS khó khăn được xây dựng mục tiêu riêng và được giúp đỡ.

Chất lượng của nhà trường vượt trội so với các trường xung quanh trong cụm.

Điểm yếu

Thư viện của nhà trường hạ tầng CNTT chưa hiện đại, chiến lược phát triển của nhà trường chưa đạt được kết quả như mong muốn. Các em HS năng khiếu chưa được bồi dưỡng thường xuyên để phát huy tối đa khả năng của mình. Danh hiệu nhà trường trong 5 năm gần đây chưa liên tục đạt danh "Tập thể lao động xuất sắc".

Kết quả: Tổng số tiêu chí: 5; Số tiêu chí đạt: $1/5 = 20\%$ số tiêu chí chưa đạt: $4/5 = 80\%$

PHẦN III. KẾT LUẬN CHUNG

Trong những năm gần đây, trường Tiểu học Giao Xuân đã có nhiều thay đổi về CSVC, cảnh quan môi trường cũng như chất lượng GD. Trường có đủ CSVC về phòng học, sân chơi, bãi tập, các phòng chức năng như phòng: Tin học, Thư viện, Mĩ thuật, Âm nhạc... để phục vụ hiệu quả cho các hoạt động GD. Đội ngũ có trình độ chuyên môn vững vàng, đáp ứng kịp thời với yêu cầu của ngành. Chất lượng các hoạt động GD ngày một nâng cao. Mọi hoạt động của nhà trường đều lấy HS làm trung tâm. Nền nếp, kỉ cương trường lớp luôn được giữ vững. Chính vì vậy chất lượng GD toàn diện của nhà trường được đảm bảo tạo niềm tin đối với Đảng, chính quyền địa phương, nhân dân cũng như CMHS.

Từ năm học 2018 - 2019, thực hiện thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, năm 2020 thực hiện Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 về tiêu chuẩn CSVC trong các trường Tiểu học. Hội đồng tự đánh giá trường Tiểu học Giao Xuân đã tiến hành tự đánh giá chất lượng GD của nhà trường, kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Mức 1:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 27/27 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 2:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 27/27 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 3:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 18/19 với tỉ lệ 100%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 0 với tỉ lệ 0%

- Mức 4:

+ Số lượng tiêu chí đạt là 1/5 với tỉ lệ 20%

+ Số lượng tiêu chí không đạt là 4/5 với tỉ lệ 80%

Với kết quả đánh giá như trên, Trường Tiểu học Giao Xuân đề nghị công nhận đạt kiểm định chất lượng GD Cấp độ 2, Chuẩn Quốc Gia mức độ 1.

Giao Xuân, ngày 22 tháng 5 năm 2023

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;

- Lưu VT.

